

**DANH MỤC NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG YÊU CẦU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THUỐC TRONG NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ trước 01/07/2014**

(Đính kèm công văn số 5201 /QLD-ĐK ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Cục Quản lý Dược)

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bixofen 180 □	VD-9928-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Fexofenadine HCl	USP 34	Alekhyia Drugs Pvt., Ltd	Flat no. 211, Bhanu Enclave, ESI, Sunder Nagar, Hyderabad-38. AP.	India
Bixofen 60	VD-9929-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Fexofenadine HCl	USP 34	Alekhyia Drugs Pvt., Ltd	Flat no. 211, Bhanu Enclave, ESI, Sunder Nagar, Hyderabad-38. AP.	India
Ausginin	VD-9937-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	L - Ornithine L - Aspartate	AJ192	Wuhan grand Hoyo Co.,Ltd	No 1 Industrial Park, Gedian economy Develop zone, Ezhou, Hubel, china	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Codeforte	VD-9938-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Guaiphenesin	USP 38	Zhejiang Haizhou Pharmaceutical Co., LTd	Yantai industrial zone, linyi, zhejiang, China	China
Codeforte	VD-9938-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Chlorpheniramin maleate	BP2014/EP8	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area M.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri – 415 722.Maharashtra. India.	India
Lilido	VD-9941-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	L - Ornithine L - Aspartate	AJ192	Wuhan grand Hoyo Co.,Ltd	No 1 Industrial Park, Gedian economy Develop zone, Ezhou, Hubei, china	China
Lilido	VD-9941-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	DI - alphanatocopheryl acetat	EP7/USP34	Zhejiang Medicine co.LTD, Xinchang Pharmaceutical Factory	59 East Huancheng Road, Xinchang County, Shaoxing, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Naphagestrel	VD-9942-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Levonorgestrel	BP 2010	Qinhuangdao Zizhu Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.10, Longhai Road, Economic & Technological Development Zone, Qinhuangdao, Hebei. P.R.China	China
Naphagestrel	VD-9942-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Ethinylestradiol	BP 2013	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Naphagestrel	VD-9942-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Ferrous Fumarate	BP2013	Nantong Zhongwang Additives Co.,Ltd	No 68,Fengba Road ,Fengli Town,Rudong County ,Jiangsu ,China	China
Naphadarzol	VD-9946-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Clotrimazol	BP2013	Jintan Zhongxing Pharmaceutical and Chemical	12# HouYang Chemical Park ,Jincheng towns, Jintan, Jiangsu, China	China
Feryfol	VD-9976-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Sắt fumarat	USP(34 đến 39)	Dr. Paul Lohmann GmbH Kg	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Feryfol	VD-9976-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Acid folic	NSX	Dsm Nutrition Products Ltd	Wurrmisweg 576, 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Switzerland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Feryfol	VD-9976-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Pyridoxine Hydrochloride	USP(34 đến 39) BP(2012 đến 2016)	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical China	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Feryfol	VD-9976-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Cyanocobalamin	EP(7 đến 8.5) NSX	Hebei Yuxing Bio Engineering China	XiCheng District, Ningjin County, Hebei Province, China	China
Metoran	VD-9978-10	8/30/2017	CTCP Dược Danapha	Metoclopramide hydrochloride	BP(2012 đến 2016)	Ipca Laboratories Ltd	Unit II, G-4 to G-7, MIDC Waluj, Aurangabad 431 136, India.	India
Sorbitol 5G	VD-9979-10	8/30/2017	CTCP Dược Danapha	Sorbitol	JP XVI	Roquette	Rue de la Haute Loge, 62136 Lestrem, France	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agi-Lanso	VD-10057-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Lansoprazole microparticles	NSX	Murli Krishna Pharma Pvt. Ltd	Trụ sở: Shop No. 8; “Pearl Bldg” Powai Vihar complex; A. S. Marg, Powai, Mumbai – 400076; MS, India Nhà máy: D-98, Ranjangaon MIDC, Ranjangaon, manufacturing unit: Taluka – Shirur; Dist – Pune Maharastra	India
Agi-Lanso	VD-10057-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Lansoprazol vi hạt	NSX	Smilax Labratories Limited	Văn phòng: Plot No. 12A, Phase III, I.D.A, Jecdimelta, Hyderabad Nhà máy: Plot No.44.CIE, Gandhi Nagar, Balanagar, Hyderabad	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Covergim	VD-10070-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Perindopril erbumine	NSX	Glenmark Generics Ltd	Plot No. 3109, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar, 393002, Gujarat, India	India
Levoagi	VD-10071-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Levocetirizine dihydrochloride	NSX	Maps Laboratories Private Limited	Plot No 38, Rafaleshwar GIDC 8- A N.H., At. Jambudiya, Morbi - 363642, Gujarat , India	India
Cephalexin 500 Mg	VD-10138-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Cephalexin monohydrat	USP 37	Dsm Sinochem Pharmaceuticals (Zibo) Co.Ltd	No.1033 MuLongShan Road, Hight& New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong	China
Cephalexin 500 Mg	VD-10139-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Cephalexin monohydrat	USP 37	Dsm Sinochem Pharmaceuticals (Zibo) Co.Ltd	No.1033 Mu Long Shan Road, Hight& New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cephalexin 500 Mg	VD-10140-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Cephalexin monohydrat	USP 37	Dsm Sinochem Pharmaceuticals (Zibo) Co.Ltd	No.1033 Mu Long Shan Road, Hight& New Technology Industrial Development Zone, Zibo Shandong	China
Fahado 150Mg	VD-10211-10	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Paracetamol	BP 2015	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co, Ltd	No 368 Jianshe street, Hengshui city, Hebei Province, China	China
Vitamin B1 250Mg	VD-10229-10	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B1	BP 2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi 333300, China.	China
pms-Cobifen	VD-10242-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
pms-Cobifen	VD-10242-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8.0	Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd.	Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd. Plot No. 14, GIDC Industrial Estate, Nandesari-391340, Dist. Vandodara, Gujarat, □	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-Cobifen	VD-10242-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8.0	Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd.	Farmson Analgesics Plot No. 28- 35, GIDC Industrial Estate, Nandesari- 391340, Dist. Vandodara, Gujarat,	India
pms-Cobifen	VD-10242-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ascorbic acid	EP 7.0	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co. Ltd.	jiangshan road, Jingjiang, Jiangsu (214500) P.R.	China
pms-Cobifen	VD-10242-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ascorbic acid	EP 7.0	DSM Nutritional Products (UK) Ltd.	Dalry Ayrshire Scotland	UK
pms-Cobifen	VD-10242-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Ascorbic acid	EP 7.0	DSM Nutritional Products (UK) Ltd.	Drakemyre, Dalry, KA24 5JJ, United Kingdom	UK
pms-Mexcold 200 mg	VD-10249-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province,	China
pms-Mexcold 200 mg	VD-10249-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
pms-Mexcold 650	VD-10256-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	EP 8	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh NC 27616, USA	USA
pms-Mexcold 650	VD-10256-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
pms-Mexcold Plus	VD-10257-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province,	China
pms-Mexcold Plus	VD-10257-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Paracetamol	BP 2013	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368, Jianshe Street, Hengshui city, Hebei province, .	China
pms-Mexcold Plus	VD-10257-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Caffeine	BP 2016	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 14, Dongyi road, Zibo, Shandong, .	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fudcefu 500 Mg	VD-10336-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefuroxime axetil	USP 30	Parabolic Drugs Ltd	SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017	India
Fudphar 200 Mg	VD-10341-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefixime trihydrate	USP 30	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana	India
Orroyal 300 Mg	VD-10349-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefdinir	JP 15	Hetero Labs Limited	No. 126, 150, 151, N Narsapuram, V Nakkapalli, Visakhapatnam - 531081, Andhra Pradesh	India
SaVi Metformin 1000	VD-10390-10	27/7/2017	Công ty CPDP SaVi	Metformin hydrochloride	BP 2013	ABHILASH CHEMICALS AND PHARMACEUTI CALS PVT.LTD	34/6A, Nayakkanpatti Village, Madurai North Taluk, Madurai- 625 301, India	India
SaViBone	VD-10393-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Calcium gluconate	USP 34	Jiangxi Ganjiang Pharmaceutical Co., Ltd.	Mua trong nước	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SaViBone	VD-10393-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Cholecalciferol	NSX	BASF A/S	Malmparken 5, 2750 Ballerup	Denmark
SaViDopril Plus	VD-10396-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Perindopril erbumine	EP 8.0	APOTEX PHARMACHEM INDIA PVT. LTD.	Plot No. 1A, Bommasandra Area, 4th Phase, Bommasandra Industrial Estate (Post Office), Bangalore - India	India
SaViDopril Plus	VD-10396-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Indapamide hemihydrate	EP 8.0	Suzhou Lixin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 21, Tangxi Road, Suzhou New Dist, 215151, P.R China	China
SaViLeucin	VD-10397-10	21/6/2017	Công ty CPDP SaVi	N-Acetyl DL- leucine	NSX	JIZHOU CITY HUAYANG CHEMICAL CO., LTD.	No. 645 Fuyang East Road, Jizhou City, Hebei Province, China	China
SaViLoxic 15	VD-10399-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Meloxicam	EP 8.0	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amogentine 500/125mg (amoxicilin 500mg + acid clavulanic 125mg)	VD-10418-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Amoxicillin Trihydrate	BP2016	1/ North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co. Ltd 2/ Dalas Biotech Limited 3/ Henan Lvyuan Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, . 2/ E-292, Phase-1, RIICO Ind, Area Bhiwadi, Distt, Alwar, Rajasthan - 301019, 3/ Industry area, qiliying town, xinxiang county, henan province,	1/ China 2/ India 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amogentine 500/125mg (amoxicilin 500mg + acid clavulanic 125mg)	VD-10418-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Potassium clavulanate with avicel	NSX	1/ CKD BiO, 368, 3-ga, Chungjeong- ro, Seodaemun- gu, Seoul 2/ Lek phar D.D Slovenia 3/ Fermic S.A de C.V	1/ 292, sinwon-ro, danwon-gu, ansan-si, gyeonggi-do 425-100, 2/ Perzonali 47 SI- 2391 Prevalje, slovenia 3/ Reforma 873,Col.San NicolasTolentino, Iztapalapa, Mexico, D.F	1/Korea 2/ Slovenia 3/ Mexico
Vitamin B ₁ 0,01g	VD-10426-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Thiamin nitrat	BP 2013/USP 34	Jiangsu Brother Vitamins Co., Ltd	Dafeng City, Jiangsu Province 224145	China
Vitamin B ₁ 0,01g	VD-10426-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Thiamin nitrat	BP 2013/USP 34	Huazhong Pharm. Co., Ltd	No.71 West Chunyuan Rd.XiangYang,Hubei	China
Adretop (Adrenalin 1mg/1ml)	VD-10428-10	26/7/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Adrenaline	USP38	Boehringer ingelheim	Corporate Division Communications Binger Strasse 173 55216 Ingelheim am Rhein	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Alphatrypa (alpha chymotrypsin 5000UI)	VD-10429-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Alpha chymotrypsin	USP38	1/BIOZYM Gesellschaft für Enzymtechnologie mbH. 2/ Shanghai Linzyme Biosciences Ltd 3/ Enzymeking Biotechnology Co., ltd (china)	1/ Pinkertweg 50 D-22113 Hamburg 2/ 666-7 Minshen Road, Songjiang , Shanghai 3/ Hi Tech Industrial Park Yuanbaoshan Dis., Chifeng 024076, Inner mongolia ()	1/ Germany 2/ China 3/ China
Cimetidin 200 mg (Cimetidin 200 mg)	VD-10431-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cimetidin	USP38	Changzhou longcheng phar co.,ltd	Xixiasu town, Chanzhou -	China
Famcivir 250 (Famciclovir 250mg)	VD-10436-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Famciclovir	CP2010	1/Chongqing Senghuaxi Pharmaceutical Co., Ltd 2/ Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co., Ltd	1/ 8 Jiangqiao Rd, Nanan Qu, Chongqing Shi, 2/ Tongyuanxi, Dazhan, Xianju Taizhou, 317321	1/ China 2/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Famcivir 750 (Famciclovir 750mg)	VD-10437-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Famciclovir	CP 2010	1/Chongqing Senghuaxi Pharmaceutical Co., Ltd 2/ Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co., Ltd	1/ 8 Jiangqiao Rd, Nanan Qu, Chongqing Shi, 2/ Tongyuanxi, Dazhan, Xianju Taizhou, 317321	1/ China 2/ China
injectam-S 1g (piracetam 1g/5ml)	VD-10439-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	piracetam for Injection	EP8	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pelplińska 19 83-200 Starogard Gdański	Poland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lincomycin 500mg (Lincomycin 500mg)	VD-10440-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Lincomycin (Lincomycin hydrochloride)	EP8	1/ Henan Xinxiang Huaxing Pharmaceutical Factory – China 2/ Topfond Pharmaceutical Co., Ltd – China 3/ NanYang Pukang Pharmaceutical Co., ltd - China	1/ Liuzhuangxin Village, Qiliying Township, Xinxiang, Xinxiang, Henan, 2/ No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan, 3/ 143.gongye road,nanyang city,henan province	1/ China 2/ China 3/ China
Ouabain 0.25mg (ouabain 0.25mg/1ml)	VD-10446-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ouabain	EP8	1/ REFORM Italia S.R.L 2/ Caffaro Industrie S.p.A.	1/Via Giorgio Pagila 33 24060 Endine Galano (Bergamo) 2/ Via Friull 55 20031 Cesano Maderno (Milan)	1/ Italy 2/ Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Paracetamol 1000 (paracetamol 1000mg/100ml)	VD-10448-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	paracetamol Injection	EP8	1/ Zhejiang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd. 2/ Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd. 3/ Lianyungang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd	1/208 Qujiang Road, Economic Technique Develop Zone, Wenzhou, Zhejiang, 2/ Plot No. 14, GIDC Industrial Estate. Nandesari, dist - Vadodara. 3/ No.112,Kangle Building West Maanchi Road Wenzhou □	1/ China 2/ India 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Paracetamol 500 (paracetamol 500mg/50ml)	VD-10449-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	paracetamol Injection	USP38/ BP2016/EP8	1/ Zhejiang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd. - China. 2/ Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd. 3/ Lianyungang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd	1/208 Qujiang Road, Economic Technique Develop Zone, Wenzhou, Zhejiang, 2/ Plot No. 14, GIDC Industrial Estate. Nandesari, dist - Vadodara. 3/ No.112,Kangle Building West Maanchi Road Wenzhou □	1/ China 2/ India 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Parazacol 1000 (paracetamol 1000mg/100ml)	VD-10450-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	paracetamol Injection	USP38/ BP2016/EP8	1/ Zhejiang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd. - China. 2/ Farmson Pharmaceutical Gujarat Pvt. Ltd. 3/ Lianyungang Kangle Pharmaceutical Co., Ltd	1/208 Qujiang Road, Economic Technique Develop Zone, Wenzhou, Zhejiang, 2/ Plot No. 14, GIDC Industrial Estate. Nandesari, dist - Vadodara. 3/ No.112,Kangle Building West Maanchi Road Wenzhou □	1/ China 2/ India 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Piracetam (piracetam 400 mg)	VD-10452-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Piracetam	FP X	1/ Jingdezhen kaimenzi medicinal chemistry co.,ltd - China 2/Jiangxi yuehua phar co., ltd. - China 3/ Kyowa hakko bio co., ltd	1/ No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City, 2/ Jingdezhen, Jiangxi, 3/ 1-6-1 Ohtemachi chiyoda - Ka Tokyo - Japan	1/ China 2/ China 3/ Japan
Coldbays Flu 500	VD-10556-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Paracetamol	USP35,USP3 6,USP37,US P38,USP39 / BP2014, BP2015, BP2016.	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China
Erybartrim	VD-10557-10	21/6/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Sulfamethoxazole	BP2012, BP2013,BP2 014, BP2015	Virchow laboratories Limited	Plot No.4 to 10, S.V Coop, Industrial, Estate, IDA,Jeedimetla, hyderabad-500055	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Erybartrim	VD-10557-10	21/6/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Trimethoprim	BP2015	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd.	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province	China
Sedangen	VD-10562-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Paracetamol	USP35, USP36, USP37, USP38, USP39 / BP2014, BP2015, BP2016.	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China
Tenamyd actadol 500 softcaps	VD-10584-10	06/06/2017	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Paracetamol	BP 2014 USP 34	Anqiu Lu'an Pharmaceutical co.,Ltd	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Amlotheplam	VD-10598-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Amlodipin besylat	BP 2009	Amsal chem private limited	A-1,401,402, G.J.D.C.Industrial Ankleshwar - 35.District.Bharch,Guj arat	India
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Thiamin mono nitrat	BP2015/USP 38/EP8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping Jiangxi 333300 China	China
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Thiamin mono nitrat	BP2015/USP 38	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd	No.71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Pyridoxin hydroclorid	BP2015/USP 38/EP8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping Jiangxi 333300 China	China
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Pyridoxin hydroclorid	BP2015/USP 38	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd	No.71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei China	China
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cyanocobalamin	USP38	Ningxia Kingvit Pharmaceutical Co., Ltd	Wangyuan Economic Zone, Yongning Country, Yinchuan, Ningxia, China	China
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cyanocobalamin	USP36/EP7	North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd - China	No.9 Zhaiying North Strêt, Shijiazhuang, China.	China
Thevirol	VD-10610-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cyanocobalamin	BP2012/USP 34	Hebei Huarong Pharmaceutical Co., Ltd	East Road, No.2 Circle, Shijiazhuang, Hebei Province, China.	China
HAEDISIS-B	VD-10622-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Sodium chloride	USP39	Dominion Salt Limited	Lake Grassmere & S.I Refinery Kaparu Road, Marlborough New Zealand, PO Box 81, Seddon / Tel: 64 3 5757021	New Zealand

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LUMETHEM 40/240	VD-10623-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Lumefantrine	Ph. Int. IV Specification s	Ipca Laboratories Limited	89A-B/90/91, Industrial Estate, Pologround, Indore- 452003 (M.P.), India /Tel: +91 731 2421163/ 2421172	India
TERPIN MEKONG	VD-10636-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Dextromethorphan hydrobromide	USP 39	Wockhardt Limited □	Plot No. 138, GIDC Estate, Ankleshwar – 393 002. Dist. Bharuch, Gujarat, India	India
Fiximstad kid 100	VD-10643-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixime trihydrate	USP 35→39	Orchid Pharma LTD	121-128,128A- 133,138-151 & 159- 164 SIDCO Industrial estate Alathur.Kancheepuram District - 603 110	India
Fiximstad kid 100	VD-10643-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixime trihydrate	USP 35→39	Hetero labs limited (Unit-III)	S.Nos.120,128,150 (part), 150/1, 150/2& 158/1, N.Narasapuram(Vill), Nallamatipalem(V), Nakkapalli(mandal), Visakhapatnam Dist, Andhra Pradesh	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Elacox 200	VD-10644-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Etodolac	BP 2012- 2015	Zhejiang chiral Medicine chemicals Co., Ltd.	Nanyang Economy Development Zone, Xiaoshan, Hangzhou, Zhejiang	China
Elacox 400	VD-10645-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Etodolac	BP 2012- 2015	Zhejiang chiral Medicine chemicals Co., Ltd.	Nanyang Economy Development Zone, Xiaoshan, Hangzhou, Zhejiang	China
Felpitil	VD-10647-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Piroxicam	CP 2000	Nantong Jinghua Pharmaceutical Co., Ltd	2 - 02# , Crossroad Between 3 Haibin Road and 2 Tonghai Road, Yanhai Economic Development Zone, Rudong, Nantong, Jiangsu	China
Relafen	VD-10654-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Nabumeton	BP 2012- 2015	Divi's Laboratories Limited	Unit-1: Lingojigudem, Choutuppall Mandal, Nalgonda Dist., Andhra Pradesh-508 252	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin AD	VD-10665-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin A (Retinyl Palmitate 1.0 MIU/g (tocopherol))	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Vitamin AD	VD-10665-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin D2 (Ergocalciferol)	USP 35→39	Sichuan Neijiang Hui Xin Phar,avceutical Co., Ltd	No.188, Linchang Road, baima Town, Neijiang, Sichuan	China
Fenxicam M	VD-10680-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Meloxicam	BP2013 / EP8	Technodrugs & Intermediates Pvt Ltd	11-2/B, Ghanshyam Industrial estate, Off Veera Desai Road, Andheri, Mumbai	India
Tragentab (HD)	VD-10684-10	06/10/2017	Công ty CP Traphaco	Domperidone	BP2014	Vasudha Pharma Chemlimited	78/A Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38	India
Tragentab (BF)	VD-10685-10	06/10/2017	Công ty CP Traphaco	Domperidone maleate	BP2014	Vasudha Pharma Chemlimited	78/A Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38	India
Dầu Gió Trắng Hiệu Cây Búa (Axe Brand Universal Oil)	VD-10715-10	6/28/2017	Công ty Dược Phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Menthol Crystal	ĐĐVN IV	Tien Yuan Aromatics (Kunshan) Co., Ltd. – China	No.1, Yin Bin Road Luyang, Zhoushi, Kunshan, Jiangsu.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dầu Gió Trắng Hiệu Cây Búa (Axe Brand Universal Oil)	VD-10715-10	6/28/2017	Công ty Dược Phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Camphor	ĐĐVN IV	Suzhou Youhe Science and Technology Co., Ltd – China	Dongsha Industry Park, Nanfeng Town, Zhangjiagang, China 215619	China
Dầu Gió Trắng Hiệu Cây Búa (Axe Brand Universal Oil)	VD-10715-10	6/28/2017	Công ty Dược Phẩm TNHH Leung Kai Fook Việt Nam	Methyl Salicylate	ĐĐVNIV	Novacyl etablissement Roussillon.	Rue Gaston Monmousseau 38150 Roussillon, France	France
Ceteco cenvacin	VD-10717-10	6/28/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	N-Acetyl- DL- Leucine	NSX	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd	No.508 Wensan Road, Hangzhou,	China
Celecoxib 200 Meyer	VD-10750-10	6/28/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Celecoxib	USP 34	Aarti Drugs Limited	Plot No.109-D, Road No.29, Sion (East), Mumbai-400022	India
Paradau extra	VD-10760-10	5/31/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Paracetamol	BP 2005	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co.,Ltd	No.35, Weixu north road, Anqiu city, Shandong province, .	China
Paradau extra	VD-10760-10	5/31/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Caffeine anhydrous	BP 2005	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co Ltd	East Chemical Zone of Zibo High & New Technology Development Zone, Zibo, Shangdong, P.R,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dibencozid STADA 3 mg	VD-10764-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Dibencozide	NSX	Interquim S.A. de C.V.	Guillermo Marconi No. 16, Fracc. Parque Industrial Cuamatla, Cuautilán Izcalli, Estado de Mexico C.P. 54730.	Mexico
Cinnarizine RVN	VD-10770-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Cinnarizine	BP2014	Ray Chemicals Pvt. Ltd, India.	41, KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore 560064, India	India
Roustadin	VD-10771-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Loratadine	USP 38	Vasudha Pharma Chem Limited, India.	Unit -II, Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thanam Village, Parawada (M) Visakhapatnam District Andhra Pradesh, India	India
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Retinol palmitate	USP 35	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763	Singapore
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Cholecalciferol	USP 35	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763	Singapore

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Tocopherol acetate	USP 35	Zhejiang Medleme Co.Ltd Xinchang Pharmaceutical Factory.	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang, Zhejiang, 312500 .	China
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Ascorbic acid	USP 35	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd.	No. 8 Kunminghu Street, Economic Technology Development District, Shenyang, .	China
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Thiamin nitrate	USP 35	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04-01 Singapore 059763	Singapore
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin HCl	USP 35	Suzhou Hegno Pharmaceutical Co., Ltd.	Leyu Town Zhanjiagang City, Jiangsu Province, .	China
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin HCl	USP 35	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300	China
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin HCl	USP 35	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	No.71 West Chunyuan Road, Xiangyang,Hubei	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Riboflavin	USP 35	Hubei Guangji Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1 Jiangdi, Wuxue City, Hubei Province.	China
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Nicotinamide	USP 35	Amsal Chem Private Limited.	A-1, 401, 402, 403, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar - 393 002 District Bharuch, Gujarat, .	India
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Cyanocobalamin	USP 35	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04-01 Singapore 059763.	Singapore
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Folic acid	USP 35	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04-01 Singapore 059763.	Singapore
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Biotin	USP 35	MERK & CIE	Im Laternenacker 5-CH-8200 Schaffhausen,	Switzerland
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Dexpanthenol	USP 35	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04-01 Singapore 059763.	Singapore

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Calcium glycerophosphat	BP 2013	Merck KGaA	Frankfurter Str.250, 64271 Darmstadt,	Germany
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Magnesium glycerophosphate	BP 2013	Dr Paul Lohmann Gmbh KG	Hauptstrasse 2, D-38160 Emmerthal,	Germany
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Dried ferrous sulfate	BP 2013	Dr Paul Lohmann Gmbh KG	Hauptstrasse 2, D-38160 Emmerthal,	Germany
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Zinc oxide	USP 35	American Pharmaceutical & Health Products Inc.	2240 Stoney Point farns Rd, Cumming, GA 30041, USA	USA
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Anhydrous copper sulfate	USP 35	Merck KGaA	Frankfurter Str.250, 64271 Darmstadt,	Germany
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Manganese sulfate	USP 35	American Pharmaceutical & Health Products Inc.	2240 Stoney Point farns Rd, Cumming, GA 30041, USA	USA
Homtamin Ginseng Gold	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Sodium molybdate dihydrate	BP 2013	Merck KGaA	Frankfurter Str.250, 64271 Darmstadt,	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Silybean-Comp	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Riboflavin	USP 34	Hubei Guangji Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1 Jiangdi, Wuxue City, Hubei Province	China
Silybean-Comp	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Calcium pantothenate	USP 34	Xinfa Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1 Tongxing Road, Kenli County, Dongying, SH 257500	China
Silybean-Comp	VD-10796-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Cyanocobalamin	USP 34	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763.	Singapore
Silybean-Comp	VD-10800-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Thiamin hydrochloride	USP 34	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763	Singapore
Silybean-Comp	VD-10800-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin HCl	USP 34	Suzhou Hegno Pharmaceutical Co., Ltd.	Leyu Town Zhanjiagang City, Jiangsu Province.	China
Silybean-Comp	VD-10800-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin HCl	USP 34	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300	China
Silybean-Comp	VD-10800-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin HCl	USP 34	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	No.71 West Chunyuan Road,Xiangyang,Hube i,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Silybean-Comp	VD-10800-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Nicotinamide	USP 34	Amsal Chem Private Limited.	A-1, 401, 402, 403, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar - 393 002 District Bharuch, Gujarat	India
EPRAZINONE	VD-10809-10	23/06/2017	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Eprazinon dihydroclorid	NSX	TAICANG PHARMACEUTI CAL FACTORY	Maoguantang bridge Xinmao Chengxiang, Taicang	China
FACLOR ACS	VD-10810-10	23/06/2017	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Cefaclor monohydrat	BP 2005	LUPIN LIMITED - INDIA	198-202, New Industrial Area No. 2, Mandideep-462 046 District Raisen (M.P.)	India
PIRACETAM 400mg	VD-10850-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Piracetam	EP8	Jingdezhen Kaimenzi Medical Chemistry Co., Ltd (TQ)	No 58, Changxi road, Jing dezhou city,	China
TANAFADOL	VD-10851-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TEPINCODS	VD-10852-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dextromethorphan hydrobromid	USP 34	Divi's Laboratories Limited	UNIT-1: Lingijigudem, Choutuppal Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252,	India
FORDIA	VD-10856-10	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Metformin hydroclorid	BP 2016	USV Limited	B-1/8, M.I.D.C, Lote- Parshuram Indl. Area, Taluka Khed Ratnagiri 415722 Maharashtra State	India
FORDIA	VD-10857-10	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Metformin hydroclorid	BP 2016	USV Limited	B-1/8, M.I.D.C, Lote- Parshuram Indl. Area, Taluka Khed Ratnagiri 415722 Maharashtra State	India
Acenews	VD-10860-10	17/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	N- acetyl L -cystein	USP 38	Wuhan Grand HoYo Co., ltd	No: 1 Industrial Park, Gedian Economy Develop Zone, E'Zhou City, Hubei, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Apharcool (Đổi tên Apharnax)	VD-10861-10	17/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	L-ornithine-L- aspartate	USP 38	Wuhan Amino Acid Bio Chemical Co., Ltd	Bonded Warehouse Building, Wuhan Economic & Technology Development Zone, Wuhan, china.	China
Lincomycin	VD-10863-10	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	lincomycin hydrochloride	USP 38	Topfond pharmaceutical Co., ltd	No. 1199 Jiaotong Road(West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province China	China
Mebendazol	VD-10864-10	27/6/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	mebendazole	USP 38	Ka malle pharmaceuticals ltd	Plot No. 6005, G.I.D.C, Estate., Ankleshwar, Dist. Bharuch	India
Tetracyclin	VD-10866-10	27/6/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	tetracycline hydrochloride	EP 8	Ningxia qiyuan pharmaceutical co., ltd	No.1 QiYuan Street, Industrial Area, Wangyuan, YinChuan NingXia	China
Vita-apha	VD-10868-10	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	thiamine hydrochloride	BP 2016/ USP 38	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd	No. 71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vita-apha	VD-10868-10	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	pyridoxine hydrochloride	BP 2016/ USP 38	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd	No. 71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei, China	China
Vita-apha	VD-10868-10	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	nicotinamide	USP 38	Brother Enterprises Holding Co., Ltd	Zhouwangmiao, Haining City, Zhejiang Province, China	China
Vita-apha	VD-10868-10	27/7/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	riboflavin	USP 38	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001 China	China
Vitamin B1	VD-10870-10	17/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	thiamin nitrate	BP 2016/ USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,ltd	Le'an Jiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, china	China
Vitamin B2	VD-10871-10	27/6/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	riboflavin	USP 38	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001 China	China
Vitamin B6 25mg	VD-10872-10	27/6/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	pyridoxine hydrochloride	BP 2016/ USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,ltd	Le'an Jiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, china	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefixim 200	VD-10875-10	06/06/2017	Chi nhánh công ty CP Armephaco-Xí nghiệp dược phẩm 150	Cefixime	USP37	Covalent Laboratories Private Limited	#8-3-677/18, 2nd Floor, S.K.D Naga, Yellaeddy Guda, Hyderabad –500 073.A.P	India
Berberin	VD-10876-10	06/06/2017	Chi nhánh công ty CP Armephaco-Xí nghiệp dược phẩm 150	Berberine hydrochloride	JP16	Northeast Pharmaceutical Group Co.,Ltd	37 Zhonggong Bei street, Tiexi Dits, Shenyang	China
Berberin	VD-10876-10	06/06/2017	Chi nhánh công ty CP Armephaco-Xí nghiệp dược phẩm 150	Berberine hydrochloride	EP7	Enaltec Labs Private Limited	17 th Floor, Kesar Solitaire Plot No.5, Sector 19 Sanpada, Navi Mumbai, Maharashtra, India – 400705	India
Tenacfcite 60	VD-10885-10	06/06/2017	Chi nhánh công ty CP Armephaco-Xí nghiệp dược phẩm 150	Fexofenadine hydrochloride	USP37/USP38	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38	India
Cloleo	VD-10894-10	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Clobetasol propionate	USP 36	Farmabios - Italia	Via Pavia, 1, 27027 Gropello Cairoli PV	Italy
Inbesa	VD-10905-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Cholecalciferol	EP7/USP34	DSM Nutritional Products Ltd	Po box 2676, 4002 Basel , Switzerland	Switzerland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Inbesa	VD-10905-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Dl - alphatocopheryl acetat	EP7/USP34	Zhejiang Medicine co.LTD, Xinchang Pharmaceutical Factory	59 East Huancheng Road, Xinchang County, Shaoxing, Zhejiang, China	China
Inbesa	VD-10905-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Ascorbic Acid	USP 36/E300/EP7. 0/BP2003	DSM Jiangshan pharmaceutical (Jiangsu) Co.,Ltd	Jiangshan road, jingjiang,jiangsu (214500) P.R.China	China
Inbesa	VD-10905-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Magnesium oxide	USB 38	Dr.Paul Lohmann	Dr. Paul Lohmann GmbH KG, Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal, Germany	Germany
Inbesa	VD-10905-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Zinc Oxide	BP2013	Chemetal SDN.BHD	Lot 3880, jalan Raya, sungai choh industrial area, 48000 rawang, selangor, Malaysia	Malaysia
Inbesa	VD-10905-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Calcium gluconate	USP34	Zhejiang Tianyi food additives Co., LTD	No.1,New fulan bridge RD.,wezhen, tongxiang, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Naphacogyl	VD-10908-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Acetyl spiramycin	CP2015	Topfond pharmaceutical Co.,Ltd	No .1199 jiaotong road (west) yicheng District zhumadian Henan Province China	China
Senoxyd - Q10	VD-10910-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Coenzyme Q10	USP 37	Xiamen Kingdom way Group Company	No. 299, West Yangguang Road, Haicang, Xiamen, 361022 China	China
Senoxyd - Q10	VD-10910-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Retinol palmitat	BP2013	Xiamen Kingdom way Group Company	No.299 West Yangguang Road Haicang Xiamen 361022, China	China
Senoxyd - Q10	VD-10910-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	DI - alphanatocopheryl acetat	EP7/USP34	Zhejiang Medicine co.LTD, Xinchang Pharmaceutical Factory	59 East Huancheng Road, Xinchang County, Shaoxing, Zhejiang, China	China
Senoxyd - Q10	VD-10910-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Ascorbic Acid	USP 36/E300/EP7. 0/BP2003	DSM Jiangshan pharmaceutical (Jiangsu) Co.,Ltd	Jiangshan road, jingjiang,jiangsu (214500) P.R.China	China
Dantuoxin	VD-10922-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Paracetamol	USP(34 đến 39)	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R., China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dantuoxin	VD-10922-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Loratadine	USP(34 đến 39)	Vasudha Pharma Chem	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38 Andhra Pradesh, India	India
Dantuoxin	VD-10922-10	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Dextromethorphan Hydrobromide	BP(2012 đến 2016) USP(36 đến 39)	Divi'S Laboratories Limited	Divi Towers, 7-1- 77/E/1/303, Dharam Karan Road, Ameerpet, HYDERABAD - 500 016. Andhra Pradesh, India	India
Glucosix 500	VD-10926-10	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Metformin Hydrochloride	BP(2012 đến 2016) USP(34 đến 39)	Abhilash Chemicals Pvt. Ltd.	34/6A, Nayakkanpalty Village, Maduri North Taluk, Madurai- 625301, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Neurofyl 400	VD-10929-10	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Piracetam	EP(7 đến 8.5)	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co., Ltd	No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City, Jiangxi, China	China
Tercodol	VD-10931-10	5/31/2017	CTCP Dược Danapha	Sodium benzoate	NSX	Emerald Performance Materials	PO Box 601, 6160 AP Geleen, The Netherlands	The Netherlands
AG - OME (VNBP)	VD-10977-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Omeprazole magnesium	NSX	Yashica Pharmaceuticals Pvt. Ltd	No. 11-12, Shubharn Apartment, Syndicate, Kalyan (W), Dist Thane 421 301, Maharashtra State, India	India
Daygra 50	VD-11036-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Sildenafil citrate	NSX	Rakshit Drug Pvt Ltd	Manufacturing site: Sy.No.10/B, IDA, Gaddapotharam Village Jinnaram Mandal, Medak District, Telangana state, India	India
Barihadopha	VD-11039-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Bari sulfat	ĐĐVN III	American International Chemical, Inc	135 Newbury St, Framingham, MA 01701, American	American

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Euromox 500	VD-11043-10	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoxicilin trihydrat	USP 37	Henan Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.2 Guangming Road Zhumadian Henan	China
Fluozac	VD-11044-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Fluoxetin hydroclorid	BP 2015	Zhejiang Regen Chemical Co., Ltd	81 Binhai Road, Jiaojiang, Taizhou City, Zhejiang Province, China	China
Gastrodic	VD-11045-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Magnesi trisilicat	USP 37	Priti Industries, India.	340/1, Chitra Industrial Estate, Phase II, Chitra BHAVNAGAR - 364 004 Gujarat - INDIA	India
Gastrodic	VD-11045-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Aluminum hydroxyd	USP 37	Nitika Pharmaceutical Specialities Pvt. Ltd	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area Kamptee Road, Nagpur – 440026 Maharashtra	India
Vitamin Pp 50Mg	VD-11054-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin PP (Nicotinamide)	BP 2015	Brother Enterprises Holding Co., Ltd,China.	Manne Economic Development Zone (S) Dafeng. Jiangsu	China
Fudalis 50 Mg	VD-11114-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Diacerein	NSX	Dsm Anti - Infectives Chemferm	Polígono Industrial Urvasa, Calle Ripollés, 2, 08130 Santa Perpétua de Mogoda, Barcelona	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Oripa 150 Mg	VD-11130-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Ursodeoxycholic acid	BP 2007	Zhejiang Medicine Co., Ltd. Vitamin Factory	North District D-11, Paojiang Industrial Zone, Shaoxing, Zhejiang, China Post Code: 312071	China
SaVi Celecoxib	VD-11144-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Celecoxib	EP 8.0	Aarti Drugs Limited	Plot No. N198, M.I.d.C., Tarapur MIDC Area, Boisar Tal-Palghar, Dt- Thane, State Maharashtra, Pin-401 506, India	India
Coje	VD-11166-10	7/11/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Dipotassium glycyrrhizinate	NSX	Rose Chem International Corp.	17310 Red Hill Avenue, Suite 140, Irvine, CA 92614	USA
Coje	VD-11166-10	7/11/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Chlopheniramin maleat	BP 2013/USP34	Supriya Lifescience Ltd.	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.-Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Coje	VD-11166-10	7/11/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Cafein anhydrous	BP 2013/USP 34/EP7	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co.,Ltd	No.14, Dongyi Road, Zibo, Shandong	China
Phataumine (Dimenhydrinat 50mg)	VD-11173-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Dimenhydrinate	USP38	Shanghai Wonder pharmaceutical Co., ltd -China	Room 705, ESIT Plaza,1877 Pudong Nan Rd,Shanghai 200122,	China
Mộc hoa trắng HT1	VD-11217-10	21/6/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Berberine Hydrochloride	CP 2015	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd.,	No. 37 Zhonggong, Bei Street, Tiexi District, Shenyang	China
Vidoca	VD-11238-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Albendazol	USP31	Sequent scientific limited	102-104 and 115 Vardhamanindi Complex, L.B.S. Marg, Thane	India
Lidocain 1%	VD-11258-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Lidocain HCl	BP 2012- 2015	Socieata Intaliana madicinali Scandicci	Loc .FILARONE - 50066 REGGELLO (FI)	Italy
Fudilac	VD-11263-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acid folic	USP 26	Salvi Chemical industries Ltd..	214, Blue Rose Industrial Estate, Westem Express Highway, Borivali (E), Mumbai- 400066.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fudilac	VD-11263-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Ferrous fumarat	ĐĐVN III	Salvi Chemical Industries Ltd.	214, Blue Rose Industrial Estate, Westem Express Highway, Borivali (E), Mumbai- 400066.	India
Fudilac	VD-11263-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Cupric sulfate (as Cupric sulfate pentahydrate)	USP 26	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., ltd	19/C, Tianyuan Building, No.508 Wensan road, Hangzhou, 310007	China
Fudilac	VD-11263-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Cyanocobalamin (Vitamin B12)	ĐĐVN III	North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd.	Address: No.9 Zhaiying North Street. Shijiazhuang Hebei 050031 .	China
Fudilac	VD-11263-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acid ascorbic (Vitamin C)	USP 26	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	Jiangshan Road, Jiangjiang, Jiangsu (214500)	China
Fudilac	VD-11263-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6)	USP 26	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei, .	China
Cetecocenup □	VD-11296-10	27/07/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Paracetamol	BP 2013	Hebei jiheng (Group) Pharmaceutical Co. LTD.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 05300 P.R .	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cetecocenup □	VD-11296-10	27/07/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Acid ascorbic	USP 36	CSPC Weisheng Pharmaceutical (Shijiazhuang) Co., Ltd	No.236 Huanghe Street High-Tech Industrial Development Zone, Shijiazhuang City, Hebei Province,	China
Cetecocenup □	VD-11297-10	27/07/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Paracetamol	BP 2013	Hebei jiheng (Group) Pharmaceutical Co. LTD.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 05300 P.R .	China
Cetecocenup □	VD-11297-10	27/07/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Acid ascorbic	USP 36	CSPC Weisheng Pharmaceutical (Shijiazhuang) Co., Ltd	No.236 Huanghe Street High-Tech Industrial Development Zone, Shijiazhuang City, Hebei Province,	China
Vitamin C 500 mg	VD-11300-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Acid ascorbic	USP 36	CSPC Weisheng Pharmaceutical (Shijiazhuang) Co., Ltd	No.236 Huanghe Street High-Tech Industrial Development Zone, Shijiazhuang City, Hebei Province,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Mifestad 200	VD-11306-10	20/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Mifepristone	NSX	Zhejiang Xianju Junye Pharmaceutical Co., Ltd.	Hebu Bridge, Xianju, Zhejiang Province.	China
Allopsel	VD-11319-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Allopurinol	EP7	Union Quimico Farmaceutica S.A, Spain.	Mallorca, 262.08008 Barcelona, Spain	Spain
Acarsel	VD-11321-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Acarbose	EP7	Hangzhou Viwa Co., Ltd, China.	Room 503, Jiahua International Business Center, No. 15 Hangda Road, Hangzhou, 310007 China	India
Rusartin	VD-11322-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Valsartan	USP 35/USP36	Hetero Labs Ltd, India.	Survey No. 10 , I.D.A, Gaddapotharam, Jinnaram Mandal, Medak Dist., Andhra Pradesh, India	India
Lipisel	VD-11323-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Simvastatin	USP 35/USP36	Hangzhou Viwa Co., Ltd, China.	Room 503, Jiahua International Business Center, No. 15 Hangda Road, Hangzhou, 310007 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Avensa LA	VD-11340-10	28/6/2017	Công ty TNHH Dược Phẩm Vellpharm Việt Nam	Nifedipine	CP 2005	Shanxi Xiyue pharmaceucial Co, Ltd. China	Pharmaceutical Park,Jianshexi Road,Huayin City,.	China
Metmen	VD-11343-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Metformin HCl	BP 2013	Danashmand Organic Private Limted, India	102, MIDC Area, Dhâtv, Roha, Raigad District, 402116, Maharashtra	India
Neuropentin	VD-11344-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Gabapentin	USP 34	Jiangxi Synergy Pharmaceutical Co., Ltd	Jiangxi Fengxin Industrial Park, Fengxin 330700, Jiangxi Province	China
PENICILLIN V KALI 400.000 IU	VD-11351-10	23/06/2017	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Phenoxymethyl penicilin kali	ĐĐVN IV	NORTH CHINA PHARMACEUTI CAL CO.,LTD - CHINA	388 Heping East Road, Shijiazhuang Hebei, China	China
LORASWEET	VD-11361-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Loratadin	USP34	Vasudha Pharma Chem	Street 78/A, Vengalrao nagar, Hyderabad-500038, Andhra Pradesh,	India
LORATADINE	VD-11362-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Loratadin	USP34	Vasudha Pharma Chem	Street 78/A, Vengalrao nagar, Hyderabad-500038, Andhra Pradesh,	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
METHIONIN 250mg	VD-11363-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	DL-Methionin	EP8	Ningbo Yuanfa Bioengineering Co., Ltd	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou District, Ningbo 315100, China	China
TANADOTUXSIN	VD-11364-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TANADOTUXSIN	VD-11364-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dextromethorphan hydrobromid	USP 34	Divi's Laboratories Limited	UNIT-1: Lingijigudem, Choutuppal Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252, INDIA	India
TANADOTUXSIN	VD-11364-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Phenylephrin HCl	USP 36	MALLADI	Plot No. 7B&7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist, Tamil Nadu, Pin – 632 403.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TANAMALOXY	VD-11365-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Aluminum hydroxyd gel	USP 36	PRITI INDUSTRIES, India	340/1,4,5, Chitra Industrial Estate, Phase-II, Chitra, Bhavnagar-364 004, India	India
TANAMALOXY	VD-11365-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Magnesium hydroxyd	USP 36	PRITI INDUSTRIES, India	340/1,4,5, Chitra Industrial Estate, Phase-II, Chitra, Bhavnagar-364 004, India	India
TANARHUNAMO L	VD-11366-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TANARHUNAMO L	VD-11366-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dextromethorphan hydrobromid	USP 34	Divi's Laboratories Limited	UNIT-1: Lingijigudem, Choutuppal Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252, INDIA	India
TANARHUNAMO L	VD-11366-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TANARHUNAMO L-FLU	VD-11367-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TANARHUNAMO L-FLU	VD-11367-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dextromethorphan hydrobromid	USP 34	Divi's Laboratories Limited	UNIT-1: Lingijigudem, Choutuppall Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252, INDIA	India
TANARHUNAMO L-FLU	VD-11367-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Loratadin	USP 34	Vasudha Pharma Chem	Street 78/A, Vengalrao nagar, Hyderabad-500038, Andhra Pradesh,	India
VITAMIN B1	VD-11368-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Thiamin mononitrat	DĐVN IV	JIANGXI TIANXIN Pharmaceutical	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
VITAMIN B6	VD-11369-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Pyridoxin HCl	DĐVN IV	JIANGXI TIANXIN Pharmaceutical	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
Vitamin PP	VD-11381-10	117/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	nicotinamide	BP2016	Western Drugs Ltd	F-271(A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur - 313003 (Raj.), India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bivicox	VD-11391-10	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Celecoxib	USP 36	Aarti Drugs Limited	Plot No. W-60 (B), 62 (B), 71 (B), 72 (B), 73 (B), M.I.D.C., Tarapur, Tal. -Palghar, Dist. Thane -401 506. (MH)	India
Bividerm	VD-11392-10	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Fusidic acid	BP 2013	OJSC"Biosintez"	4 ul. Druzhby Penza, Penza Oblast 440000 Russian Federation	Russia
Bividerm	VD-11392-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Betamethasone dipropionate	BP 2013	Farmabios - Italia	Via Pavia, 1, 27027 Gropello Cairoli PV	Italy
Gacnero	VD-11396-10	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Gabapentin	USP 36	Hangzhou Starshine Pharmaceutical Co., Ltd	19/C, TIANYUAN BUILDING, NO.508 WENSAN ROAD, HANGZHOU, ., 310006	China
Loperamid-BVP □	VD-11397-10	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Loperamide Hydrochloride	BP 2013	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38, Andhra Pradesh	India
Sedtyl □	VD-11399-10	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Desloratadine	EP 8	Dolphin chem	Plot # 6506, Gidc Estate, Gidc Estate, Ankleshwar, Gujarat 393002,	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Napharangan - codein	VD-11411-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Paracetamol	BP 2014/USP35	Hebei jiheng (group) Pharmaceutical co.,Ltd.	368 jianshe street, hengshui city, Hebei 053000, CHINA	China
Ubiheal 100	VD-11416-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Alpha lipoic acid	USP 38	Suzhou Fushilai pharmaceutical Co.,Ltd	No.16, Haiwang Rd, Advanced Material Industrial Park,Changshu, Jiangsu, China	China
Ubiheal 200	VD-11417-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Alpha lipoic acid	USP 38	Suzhou Fushilai pharmaceutical Co.,Ltd	No.16, Haiwang Rd, Advanced Material Industrial Park,Changshu, Jiangsu, China	China
Arcatamin	VD-11423-10	12/12/2017	CTCP Dược Danapha	Sulbutiamine	NSX	Luoyang Chemman Pharmchem Co., Ltd	Mengjin County, Luoyang, Henan Province, 471125, China	China
Sulpirid 50Mg	VD-11431-10	12/12/2017	CTCP Dược Danapha	Sulpiride	EP(7 đến 8.5)	Jiangsu Tasly Diyi Pharmaceutical Co., Ltd.	No.168, West Chaoyang Road, Qingpu Industrial Park, Huai'an Jiangsu, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aciclovir 800	VD-11490-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Aciclovir	USP 37	Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co, Ltd.	Tongyuanxi, Dazhan, Xianju, Zhejiang Province, 317321, P.R. China	China
Agi - Beta	VD-11491-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Betamethasone	USP 38	Tianjin Tianyao Pharmaceutical	No.19, Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic - Technological Development Area (TEDA), Tianjin China	China
Agimvita	VD-11498-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Thiamine mononitrate	BP 2014	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping Jiangxi, 333300, China	China
Agimvita	VD-11498-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Thiamine mononitrate	EP 7.0	DSM Nutritional Products Asia Pacific	30 Pasir Panjang Road # 13-31 Singapore 117440	Netherlands

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agimvita	VD-11498-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Riboflavin	EP 7.0	DSM Nutritional Products Asia Pacific	30 Pasir Panjang Road # 13-31 Singapore 117440	Netherlands
Agimvita	VD-11498-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Pyridoxine hydrochloride	BP 2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping Jiangxi, 333300, China	China
Agimvita	VD-11498-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Pyridoxine hydrochloride	EP 7.0	DSM Nutritional Products Asia Pacific	30 Pasir Panjang Road # 13-31 Singapore 117440	Netherlands
Agimvita	VD-11498-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Nicotinamide	EP 7.0	DSM Nutritional Products Asia Pacific	30 Pasir Panjang Road # 13-31 Singapore 117440	Netherlands
Agimvita	VD-11498-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Ascorbic acid	BP 2013	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd.	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu (214500) P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fenagi	VD-11504-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Diclofenac sodium	BP 2012	Henan Dongtai Pharmaceutical Co., Ltd.	East Changhong Rd, Tangyin, Anyang, Henan, China	China
Sosdol	VD-11512-10	28/06/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Diclofenac potassium	BP 2016	Aarti Drugs Limited	Plot No-G60, MIDC, Tarapur, Boisar- 401506, Dist-Thane Dist.Thane-401506 Maharashtra, India	India
Cefdina 300	VD-11581-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefdinir	JP XIV	Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd	NO.849 Dongjia Town Licheng District Jinan City	China
Cefdina 300	VD-11582-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cefdinir	JP XIV	Nectar Lifesciences Ltd	SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh	India
Hadozyl	VD-11583-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Spiramycin	BP 2015	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd.	No.2 Rongyang 1st road, Xishan Economic Zone, Wuxi city, Jiangsu Province	China
Harine	VD-11584-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Alverin citrat	BP 2015	Yancheng Medical Chemical Factory	33 Haichun W.RD, Yancheng, Jiangsu, China	China
Cefixime 100mg	VD-11618-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Parabolic Drugs Ltd	S.C.O 99-100, 3rd & 4rd Floor, Sector 17- B, Chandigarh	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefixime 100mg	VD-11619-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Seetor 9- D, Chandigarh	India
Cefixime 100mg/5ml	VD-11620-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Parabolic Drugs Ltd	S.C.O 99-100, 3rd & 4rd Floor, Sector 17- B, Chandigarh	India
Cefixime 200mg	VD-11621-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Parabolic Drugs Ltd	S.C.O 99-100, 3rd & 4rd Floor, Sector 17- B, Chandigarh	India
Cefixime 50mg	VD-11622-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Seetor 9- D, Chandigarh	India
Cefixime 50mg/5ml	VD-11623-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 35	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Seetor 9- D, Chandigarh	India
Fudophar 800 Mg	VD-11669-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Arginine hydrochloride	USP 30	Ningbo Yuanfa Bioengineering Co., Ltd	Address:Fanshidu Industry Zone, Jiangshan Town, Yinzhou District, Ningbo - 315000	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Oribio	VD-11673-10	17/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Tricalcium phosphate	BP 2005	Lianyungang Dongtai Food Ingredients Co., Ltd	NO.28 Wuqiang RD.,Dunshang Town,Ganyu County,Lianyungang,Ji angsu, Zipcode: 222023	China
Orilope 800Mg	VD-11675-10	26/10/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Piracetam	BP 2007	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co.,Ltd	No58, Changxi Road, Jingdezhen City, China P.C:333000	China
SaVi Urso 300	VD-11692-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Ursodeoxycholic acid	EP 8.0	SUZHOU TIANLU BIO- PHARMACEUTI CAL CO.,LTD.	1128 Yinzhong South Road, Wuzhong Economic Development Zone, Suzhou 215124, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Babytrim - New (sulfamethoxazol 200mg, Trimethoprim 40mg)	VD-11726-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Sulfamethoxazole	ĐĐVN IV	1/ Virchow laboratories ltd - India 2/ Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	1/ Plot No.4 to 10, S..V.Co-OP.Ind, Estate I.D.A J Jeedimetla, Hyderabad - 500 055 2/ North-East of Dongwaihuan, Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong, Province,	1/ India 2/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Babytrim - New (sulfamethoxazol 200mg, Trimethoprim 40mg)	VD-11726-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Trimethoprim	ĐĐVN IV	1/ Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd 2/ Shandong rongyuan pharmaceutical co., ltd 3/ Andhra organics ltd	1/ North-East of Dongwaihuan, Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong, Province, 2/ 18FL, vegetable building, shouguang, shandong, 3/ Industrial Development Area, Pydibimavaram, Andhra Pradesh 532409,	1/ China 2/ China 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Diclofenac 75mg/3ml (Diclofenac Natri 75mg/3ml	VD-11727-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Diclofenac Sodium	ĐĐVN IV	1/ henan Dongtai Pharm Co., Ltd 2/ Suzhou Ausin Chemical co., ltd 3/ Suzhou Leader Chemical co., ltd	1/ Changhong Rd, Tangyin, Anyang, Henan, 2/ 6 Jinshan Road HI- Tech Industrial Development zone, Jiangsu district, Suzhou City, 3/ No 2# Taishan Road, New District, 215129 Suzhou, .	1/ China 2/ China 3/ China
Isoniazid 50mg (Isoniazid 50mg)	VD-11728-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Isoniazid	BP2016	1/ Amsal Chem Private limited 2/ Second Phar Co., ltd	1/ A-1, 401, 402&403, G.I.D.C. Industrial Estale, Ankleshwar - 393 002, Bharuch, Gujarat, 2/ Hangzhou Gulffine Chemical Zone, Shangyu city, hejiang pro	1/ India 2/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Loratadin 10mg (Loratadin 10mg)	VD-11729-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Loratadin	USP38/NSX	1/ Vasudha Pharma chem Limited- India. 2/ Morepen Laboratories ltd - India	1/ 78/A, Vengalrao Nagar, Hyderabad, Telangana 500038, . 2/ Morepen Laboratories Ltd., 409, Antriksh Bhawan 22 Kasturba Gandhi Marg New Delhi - 110 001.	1/ India 2/ India
Melogesic (Meloxicam 15mg/1,5ml)	VD-11730-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Meloxicam micronized (for injection)	EP8	Technodrugs & intermediates pvt ltd- India	11, B, 2nd Floor, Ghanshyam Industrial Estate, Near Hyundai Service Centre, Off Veera Desai Road, Andheri West, Mumbai - 400053	India
Bestporal	VD- 11795-10	21/6/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Itraconazole	USP38, USP 39	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd.	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ampicilin 250mg	VD-11822-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Ampicilin trihydrat powder	BP2015	Inner Mongolia Changsheng Pharmaceutical Co., Ltd	Industry Zone, Tuoketuo, Hohhot, Inner Mongolia, China	China
Ampicilin 250mg	VD-11822-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Ampicilin trihydrat powder	BP2013	Cspc Zhongnuo Pharmaceutical (Shijiazhuang) Co., Ltd - China	47 Fengshou Road, Shijiazhuang, Hebei Province, China	China
Ampicilin 250mg	VD-11822-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Ampicilin trihydrat powder	BP2012	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd	No.20 Yangzi Road ,Shijiazhuang,Hebei, China	China
Paracetamol 100mg	VD-11825-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Paracetamol 100mg	VD-11825-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2014/USP 36	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
Penicilin V Kali 400.000 IU	VD-11826-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Phenoxymethyl penicilin kali	BP2015/USP 37	Sandoz GmbH	Biochemiestrasse 10, 6250 Kundl, Austria	Australia
Penicilin V Kali 400.000 IU	VD-11826-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Phenoxymethyl penicilin kali	BP2014	North China Pharmaceutical Co., Ltd	No.388 Heping East road, Shijiazhuang, Hebei, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dutased	VD-11828-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Trimethoprim	BP 2015	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	Shandong Shouguang Economy & Technology Development Zone,P.R.China	China
Dutased	VD-11828-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Trimethoprim	BP2012	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd	Dongyi Road, Zibo, Shandong, China	China
Dutased	VD-11828-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Trimethoprim	BP2014/BP2 015	Andhra Organics limited	Plot No.08, S.V.Co- op.Industrial,I.D.A.,Je edimetla, Hyderabad- 500 055,T.S.India	India
Dutased	VD-11828-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Sulfamethoxazol	BP 2012	Virchow laboratories limited co.,ltd.	No.4 to 10, S.V.Co- op, Industrial Estate, IDA, Jeedimetla, Hyderabad-500 055, India	India
Dutased	VD-11828-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Sulfamethoxazol	BP2015	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province, P.R.of China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zennadol	VD-11831-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Zennadol	VD-11831-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2014/USP 36	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
Zennadol	VD-11831-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Clorpheniramin maleat	USP 35	Mahrshee laboratories PVT.LTD	3014-15, GIDC Indl.Area, Phase - III, Panoli - 394116	India
Zennadol	VD-11831-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Clorpheniramin maleat	BP2010/USP 35	Supriya Lifescience L	A5/2.Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal-Rhed, Dist, Ramagtri, 415722 Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zennadol	VD-11831-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cafein	BP 2012/USP35/ EP 7	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co.,Ltd	No 14, Dongyi road, Zibo, Shandong, China	China
Zennadol	VD-11831-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cafein	BP 2013/EP 8/USP 37	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co.,Ltd	East Chemical Zone of Zibo High & New Technology Development Zone, Zibo, Sandong, P.R.China	China
Zyzocete	VD-11832-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Cetirizin dihydroclorid	USP 32	Auctus pharma limited	Unit - II, Plot No 8, JN Pharma city, Tadi Village, Parawada Mandal, Visakhapatnam Dist, A.P, India	India
α - Kiisin	VD-11853-10	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Alpha chymotrypsin	USP 35→39	Biozym	Pinkertweg 50, D- 22113 Hamburg	Germany
Cefadroxil 250mg	VD-11858-10	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefadroxil monohydrate	USP 35→39	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Droxistad 500	VD-11866-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefadroxil monohydrat	USP 35→39	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Pyclin - 300	VD-11876-10	17/11/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Clindamycin hydrochloride	USP 35→39	Zhejiang Hisoar Pharmaceutical Co., Ltd	No.23,4th Nanyang Road Zhejiang Chemical materials base Linhai zone, Zhejiang	China
Pyfadrox 500	VD-11879-10	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefadroxil monohydrat	USP 35→39	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	L-Lysine monohydrochloride	USP36	Hebei Huayang Biological Technology Co Ltd	NO.645 FuYang east Road, Jizhou city, Hebei provine	China
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin A	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln AG,	Switzerland
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin D ₃	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln AG,	Switzerland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin E	USP38/EP8	BASF SE	67056 Ludwishafen	Germany
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B1 HCl	USP38/EP8	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Straße 3, 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B2	USP39	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd.	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001	China
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin C	USP38/EP8/ BP2013	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	20, Jiangshan RoadJingjiang CityJingjiang, 214500,	China
Trajordan	VD-11900-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin PP	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd gia công tại nhà máy Lonza Guangzhou Ltd	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288,	China
Cenmopen	VD-11922-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Celecoxib	NSX	Aarti Drugs Limited	Mahendra Industrial Estate, Ground Floor, Plot No. 109-D, Road No. 29, Sion (East), Mumbai-400022, ()	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Oresol 4,1 g	VD-11926-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Tri-sodium citrate dihydrate	BP 2012	Weifang Ensign Industry Co., Ltd	No. 1567, Changsheng street, Changle, Weifang, Shandong Province,	China
Oresol 4,1 g	VD-11926-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Dextrose anhydrous	BP 2013	Weifang Shengtai Medicine Co., Ltd	East of Changda Road, Changle Economic Development Zone, Changle County, Shandong Province,	China
Paracetamol 100 mg	VD-11927-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Paracetamol	BP 2013	Hebei jiheng (Group) Pharmaceutical Co. LTD.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 05300 P.R .	China
Paracetamol 500 mg	VD-11928-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Paracetamol	BP 2013	Hebei jiheng (Group) Pharmaceutical Co. LTD.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 05300 P.R .	China
Rotundin 30 mg	VD-11929-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Rotundin	NSX	Shaaxi huike Botanical Development Co., Ltd	Room 1103, Building B, Huajiang Plaza, No.20, Fenghui South Road, Xian - 710015, Shaanxi,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Neogastan	VD-11955-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Aluminium hydroxyde	USP 31	Nitika Pharmaceutical Specialities Pvt. Ltd., Nagpur.	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur – 440026 Maharashtra,	India
Neogastan	VD-11955-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Magnesium carbonate	USP 31	American Pharmaceutical & Health Products Inc	2240 Stoney Point Farm Road Cumming, GA 30041	USA
Neogastan	VD-11955-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Oxethazaine	BP 2010	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	Sathammai Village, Karunkhuzhi Post, Madurantakam Taluk, kancheepuram District, Tamil Nadu 603303	India
Clarithromycin STADA 250 mg	VD-11961-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Clarithromycin	EP 8.0	Ind-Swift Laboratories Limited	Vill. Bhagwanpur, Barwala Road, Near Dera Bassi, Dist. S.A.S. Nagar (Mohali) Punjab	India
Clarithromycin STADA 500 mg	VD-11962-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Clarithromycin	EP 8.0	Ind-Swift Laboratories Limited	Vill. Bhagwanpur, Barwala Road, Near Dera Bassi, Dist. S.A.S. Nagar (Mohali) Punjab	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lactulose STADA	VD-11966-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Lactulose	EP 8.0	Lacsa (Pty) Limited	72 Ballantrae road, Merebank, Durban, 4052.	South Africa
Dectancyl	VD-11979-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Dexamethason acetate anhydrous micronised	ĐĐVN IV	Sanofi Chimie	63480 Vertolaye - France	France
Rocamid	VD-11980-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Loperamide hydrochloride	USP 36	Vasudha Pharma Chem Limited, India.	Unit -II, Plot No. 79, Jawaharlal Nehru Pharma City, Thanam Village, Parawada (M) Visakhapatnam District Andhra Pradesh, India	India
Felutam CR	VD-12000-10	07/11/2017	Công ty TNHH Dược Phẩm Vellpharm Việt Nam	Felodipine	CP 2005	Changzhou Ruiming pharmaceucial Co, Ltd. China	No.1558 North of Longjiang Road Changzhou,Jiansu,.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CETIRIZIN	VD-12045-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Cetirizin dihydroclorid	BP 2013	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., Tal.-Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	India
CHLORPHENIRA MIN	VD-12046-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
CHLORPHENIRA MIN	VD-12047-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
CHLORPHENIRA MIN	VD-12048-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
DEXAMETHASO N	VD-12049-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	DĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
DEXAMETHASO N	VD-12050-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	DĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
DEXAMETHASO N	VD-12051-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	DĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
DINEREN	VD-12052-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Diclofenac natri	ĐĐVN IV	Aarti Drugs Ltd.	Road No 29, Plot No 109-D, SION(East), MUMBAI-400022, INDIA)	India
FETOCUS	VD-12053-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Bromhexin hydroclorid	BP 2013	Orex Pharma PVT.LTD	Plot No. N-31, Additional MIDC, Anandnagar, ambarnath, Dist, thane- 421506	India
FETOCUS	VD-12053-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Diphenhydramin hydroclorid	ĐĐVN IV	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
FETOCUS	VD-12053-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Guaifenesin	BP2005	Zhejiang Jianfeng Haizhen pharmaceutical	Yanhai Industrial Zone Linhai City, Zhejiang, China	China
FETOCUS	VD-12053-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dextromethorphan hydrobromid	USP 34	Divi's Laboratories Limited	UNIT-1: Lingijigudem, Choutuppal Mandal, Nagonda Dist., Andha Pradesh-508 252,	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PREDNISON	VD-12056-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Prednison	USP 34	Henan Lihua Pharmaceutical Co.	Middle of Huanghe street, Anyang Hi-Tech Industry Development Zone, Henan, China	China
PREDNISON	VD-12057-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Prednison	USP 34	Henan Lihua Pharmaceutical Co.	Middle of Huanghe street, Anyang Hi-Tech Industry Development Zone, Henan, China	China
PREDNISON	VD-12058-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Prednison	USP 34	Henan Lihua Pharmaceutical Co.	Middle of Huanghe street, Anyang Hi-Tech Industry Development Zone, Henan, China	China
PREDNISON	VD-12059-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Prednison	USP 34	Henan Lihua Pharmaceutical Co.	Middle of Huanghe street, Anyang Hi-Tech Industry Development Zone, Henan, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PROMETHAZIN	VD-12060-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Promethazin hydroclorid	BP2013	Harika Drugs Private Limited	Gummadidala, Medak District, Telangana, India	India
SPASOVANIN	VD-12062-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Alverin citrat	EP 6	Yancheng ChemHome Chemmmical Co., Ltd.	No.10-1 Jianjiundonglu Yancheng, Jiangsu, China	China
TANAALLERY-F	VD-12063-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
TANAALLERY-F	VD-12063-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Phenylephrin HCl	USP 36	MALLADI	Plot No. 7B&7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist, Tamil Nadu, Pin – 632 403.	India
TANAFADOL 325	VD-12064-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Provine, 053000 P.R. China	China
TANAOPTAZDO N NEW	VD-12068-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Cafein	BP2013	Shangdong Xinhua Pharmaceutical., Ltd	No.14, Dongyi Road, Zibo, Shandong, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TANAOPTAZDO N NEW	VD-12068-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TANAPOLORMIN	VD-12069-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexclorpheniramin maleat	USP 35	MAHRSHEE LABORATORIES PVT. LTD, India	Plot No.: 3014-15, GIDC Indl, Area, Phase-III, Panoli – 394115 (India)	India
TRIVACINTANA	VD-12071-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City,Hebei Provine,053000 P.R. China	China
TRIVACINTANA	VD-12071-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
TRIVACINTANA	VD-12071-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Phenylephrin HCl	USP 36	MALLADI	Plot No. 7B&7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist, Tamil Nadu, Pin – 632 403.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAMIN C 250mg	VD-12072-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Acid ascorbic	ĐĐVN IV	SHANDONG LUWEI PHARMACEUTI CAL	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
Zenvimin C 500	VD-12090-10	17/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	ascorbic acid	BP 2016/ USP38	Shandong Luwei Pharmaceutical Co., Ltd	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
Bivinadol 325	VD-12129-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical CO., Ltd	No.368 Jianshe street, hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.	China
Simenta	VD-12134-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Cetirizine dihydrochloride	EP 8	Supriya Lifescience Ltd.	A-512, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., tal - Khed, Dist -Ratnagiri 415722 Maharashtra Stete,	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Naphalevo	VD-12150-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Levonorgestrel	BP2013	Qinhuangdao Zizhu Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.10, Longhai Road, Economic & Technological Development Zone, Qinhuangdao, Hebei. P.R.China	China
Naphar - multi	VD-12151-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Ascorbic Acid	USP 36/E300/ EP7.0	DSM Jiangshan pharmaceutical (Jiangsu) Co.,Ltd	Jiangshan road, jingjiang,jiangsu (214500) P.R.China	China
Naphar - multi	VD-12151-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Thiamin mononitrat	BP2015/USP 38	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	NO 71 West Chunyuan Road ,Xiangyang,Hubei,Chi na	China
Naphar - multi	VD-12151-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Riboflavin	USP 37	Chifeng Pharmaceutical Co.,Ltd	Yidong Street ,Hongshan District , Chifeng 24001 , Inner Mongolia , China	China
Naphar - multi	VD-12151-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Pyridoxin hydroclorid	BP2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le Anjiang Industrial Zone Leping , Jiangxi 333300, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Naphar - multi	VD-12151-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Nicotinamide	USP 34	Brother Enterprises Holding Co.,Ltd	No.3 Caijiashiqiao, Lianmin Village, Zhouwangmiao, Haining city, Zhejiang Province, China	China
Naphar - multi	VD-12151-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	DI - alphanatocopheryl acetat	EP7/USP34	Zhejiang Medicine co.LTD, Xinchang Pharmaceutical Factory	59 East Huancheng Road, Xinchang County, Shaoxing, Zhejiang, China	China
Glanax 250	VD-12178-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Cefuroxim axetil	EP 4.0	Parabolic Drugs Ltd	Village – Sundhran, PO- Mubarkpur, Teh – Derabassi, Distt. – SAS Nagar Mohali, Punjab, India.	India
Glanax 500	VD-12179-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Cefuroxim axetil	EP 4.0	Parabolic Drugs Ltd	Village – Sundhran, PO- Mubarkpur, Teh – Derabassi, Distt. – SAS Nagar Mohali, Punjab, India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cotrimxazon®960	VD-12240-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Trimethoprim	USP38	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co.,Ltd	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province	China
Cotrimxazon®960	VD-12240-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Sulfamethoxazole	USP38	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co.,Ltd	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province	China
Cotrimxazon®480	VD-12241-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Trimethoprim	BP2014	Shouguang Fukang Pharmaceutical Co.,Ltd	North-East of Dongwaihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province	China
Cotrimxazon®480	VD-12241-10	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Sulfamethoxazole	BP2014	Vichow Lab Ltd	37, Road Number 12, IDA Jeedimetla, Chinthal, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana 500055	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glucosamin	VD-12286-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Glucosamin sulfat	USP 37	Jiangsu Rixin Enterprise Group Co., Ltd,China.	No.58, Wu'an Road, Gaoyou, Jiangsu 225601, China	China
Sunamo	VD-12294-10	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoxicilin trihydrat	USP 37	Ncpc Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 18 Yangzi road, Shijiazhouang Eco.&Tec, Development zone, Hebei.	China
Sunamo	VD-12294-10	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Sulbactam pivoxil	NSX	Euro Asian Chemicals Private Ltd.	No 207, 2nd Floor, New Sun Mill Compound, Lower parel, Mumbai, India.	India
Midaxin 100	VD-12307-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefdinir	USP36	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Sector 9- D, Chandigarh	India
Midaxin 150	VD-12308-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefdinir	USP36	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Sector 9- D, Chandigarh	India
Tetracyclin TW3	VD-12377-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Tetracyclin Hydroclorid	BP2013/EP7	Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co.,Ltd	No.1 Qiyuan Street, Wangyuan Industrial Area, Yinchuan Ningxia	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tetracyclin TW3	VD-12377-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Tetracyclin Hydroclorid	BP2015	Hebei Bric Pharm. Co, Ltd	No.88, Taibai Road Street Avnue, Linmingguan Town, Yongnian, Contry, Handan City, Hebei Province	China
Tetracyclin TW3	VD-12377-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Tetracyclin Hydroclorid	BP2013	Huashu Pharm. Corp.	No.29 Gaoying Street, Shijiazhuang	China
Cetason (Betamethason 0,5mg)	VD-12382-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Betamethasone	EP8/ USP38	1/ Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co.,Ltd. 2/ Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	1/ 21 Huanghai Road, Tianjin Economic&Technologi cal Development Area, Tianjin 2/ No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, , P.C: 317300	1/ China 2/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dextromethorphan 15 (Dextromethorphan hydrochloride 15mg)	VD-12383-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Dextromethorphan hydrochloride	BP2016/ USP38	1/ Dr Reddy's - India 2/ Divi's laboratories ltd - India 3/ Wockhardt - India 4/ Zhejiang Apeloa Kangyu Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ Plot No, 105.SV.Co.op, Industrial Estate - Medak Dist - 2/ Unit 1 Lingijigudem, Choutuppal Mandal - Nagonda Dist Andha pradesh 508252 - 3/ Plot No 138 GIDC Estate, Ankleshwar 393002 Dist Bharuch gujarat - 4/ 333, Jiangnan Road, Hengdian Dongyang, 22118	1/ India 2/ India 3/ India 4/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dol-cold (Paracetamol 500mg, Loratadin 5mg, Dextromethorphan hydrochloride 15mg)	VD-12384-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Paracetamol	USP38/ BP2016/EP8	1/ Jiangsu World kindly Pharmaceutical Co., ltd - China 2/ Tianjin Bofa Pharmaceutical Co.,Ltd- China. 3/ Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co.,Ltd.	1/ No. 88 Shili Street, Taixing, Taizhou, Jiangsu, 2/ No.1, Bofa Street, Junliang Cheng Industrial Zone, Dongli District, Tianjin, 3/ No 368 Jianshe street, Hengshui City, Hebei Province 053000 .	1/ China 2/ China 3/ China
Melogesic 15 (Meloxicam 15 mg)	VD-12390-10	26/7/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Meloxicam	BP2016	1/ Apex healthcare limited - India 2/ Zhejiang Excel Pharmaceutical Co.,Ltd.	1/ 4710 GIDC Estate Ankleshwar 393002 Gujarat - 2/ No 9 Duzhu Road, Huangyan economic development zone, Taizhou, Zhejiang -	1/ India 2/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Melogesic 7,5 (Meloxicam 7,5 mg)	VD-12391-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Meloxicam micronized (for injection)	EP8	Technodrugs &intermediatespvt, ltd	11, B, 2nd Floor, Ghanshyam Industrial Estate, Near Hyundai Service Centre, Off Veera Desai Road, Andheri West, Mumbai - 400053	India
Sulfaguanidin 500 mg (Sulfaguanidin 500 monohydrat 500 mg)	VD-12398-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Sulfaguanidin	DĐVN IV	1/ Suzhou wugan chemicals co.,ltd 2/ Wujang bolin industry co.,ltd	1/ No 1 Dongguan Road, Tuncun District Tongli Town, Wujia City Jiansu - 2/ 501 Tuncun Rd, East, tuncun dist, Tongli Town, Wujang jiangsu -	1/ China 2/ China 3/ China
Tincocam (Tenoxicam 20mg)	VD-12401-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Tenoxicam	EP8	1/ Nantong Jinghua Pharmaceutical Co., Ltd 2/ Changzu Hubin Medicine Raw Mterials Co., Ltd	1/ 9 Xingtai Road Gangzha Economic Development Zone Nantong, 2/ XiMenDongAn Town, Changzhou, Jiangsu,	1/ China 2/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Visulin 0,75g	VD-12438-10	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Ampicilin sodium, Sulbactam sodium (2: 1))	USP32	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd - China	No. 20 Yangzi Road Shijizhuang Economic &Technological Development Zone, Hebei, P.R.	China
Visulin 1,5g	VD-12439-10	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	(Ampicilin sodium, Sulbactam sodium (2: 1))	USP32	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd - China	No. 20 Yangzi Road Shijizhuang Economic &Technological Development Zone, Hebei, P.R.	China
Oxylpan	VD-12473-10	30/08/2017	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Oxytocin	EP 7.0	Joint Stock Company "Grindeks"	53 Krustpils Street, Riga, LV-1 057, Latvia	Latvia
Azikid	VD-12481-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Azithromycin đihydrat	USP 30	Zhejiang guobang pharmaceutical co.ltd	Wei Wu' road, Fine Chemical Shinggyu Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Azikid	VD-12481-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Azithromycin đihydrat	USP 36	Shanghai Modern Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 378, Jianlu Road, Pudong New Area, Shanghai 200137, China.	China
Paracetamol 500mg	VD-12485-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Paracetamol 500mg	VD-12485-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2014/USP 36	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
Penicilin V Kali 1.000.000 IU	VD-12486-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Phenoxymethyl penicilin kali	BP2015/USP 37	Sandoz GmbH	Biochemiestrasse 10, 6250 Kundl, Austria	Australia
Penicilin V Kali 1.000.000 IU	VD-12486-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Phenoxymethyl penicilin kali	BP2014	North China Pharmaceutical Co., Ltd	No.388 Heping East road, Shijiazhuang, Hebei, China	China
Vitamin C 100mg	VD-12490-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acid ascorbic	BP2013/ USP54/ EP7.0	Hebei Welcome Pharmaceutical Co., Ltd	No.11 Zhaiying North Street,Shijiazhuang China	China
Vitamin C 100mg	VD-12490-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acid ascorbic	BP2013/USP 35	Shandong Luwei Pharmaceutical Co.,Ltd	Shuangfeng Industrial Park,Zichuan District,Zibo City,Shandong,China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin C 100mg	VD-12490-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acid ascorbic	BP2013/EP8/ 0/USP36	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu ,P.R China	China
Becoron C	VD-12504-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd.	No. 118 Baisha Road, Xinghuo Development Zone, Fengxian District 201419 Shanghai	China
Becoron C	VD-12504-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B2 (Riboflavin Universal)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Becoron C	VD-12504-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B1 (Thiamine Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Becoron C	VD-12504-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin C (VC Acid Ascorbic (325 Mesh)	EP 7.0→9.0	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd	Jiangshang road, Jingjiang, Jiangsu (214500)	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Becoron C	VD-12504-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin PP (Niacinamide)	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
Becoron C	VD-12504-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B12 (Cyanocobalamine crystalline)	EP 7.0→9.0	Sanofi Chimie	Rue de verdun BP 80125 76410 Saint aubin les elbeuf	France
Cefastad 250	VD-12506-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cephalexin monohydrat	USP 35→39	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Cefastad 500	VD-12507-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cephalexin monohydrate	USP 35→39	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Clarithromycin 250	VD-12512-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Clarithromycin	USP 35→39	Zhejiang Goubang Pharmaceutical Co., Ltd.	No. Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang	China
Clarithromycin 250	VD-12512-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Clarithromycin	USP 35→39	Heze Fangming Pharmaceutical Co., Ltd	Kunming Road, Peony Zone of heze City, Shandong Provine	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Clarithromycin 500	VD-12513-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Clarithromycin	USP 35→39	Zhejiang Goubang Pharmaceutical Co., Ltd.	No. Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang	China
Desloratadin stada 5mg	VD-12515-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Desloratadin	EP 7.0→9.0	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	294, G.I.D.C, Estate, Ankieswar 393 002, Gujarat	India
Diaprid 4	VD-12517-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Glimepirid	EP 7.0→9.0	Urquima S.A.	Arnau de Vilanova 22-42, 08105 Sant Fost de Campsentelles	Spain
Fegra 120mg	VD-12518-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Fexofenadin HCl	USP 35→39	Symbiotica Speciality Ingredients Sdn. Bhd.	Lot 518, Jalan Waja 4, Waja Industrial Estate, 09000 Kulim, Kedah	Malaysia
Hazidol 1,5mg	VD-12522-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Haloperidol	USP 35→39	Vamsi Labs. Ltd.	A-14/15, MIDC Area, Chincholi, Solapur- 413255, Maharashtra	India
Lincostad 500	VD-12525-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Lincomycin HCl	USP 35→39	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	Western, Jiaotong Road Zhumad i an, Henan	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Menison 16	VD-12526-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Methylprednisolon	USP 35→39	Symbiotec Pharmalab PVT. Limited	Plot No. 5,6,7 & 8 SEZ Phase - II, Pharma Zone, Pithampur Distt. Dhar	India
Menison 16	VD-12526-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Methylprednisolon	USP 35→39	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	*No.19,Xinye 9th street, west Area of Tianjin Economic- Technological Development Area, Tianjin * No.221 Huanghai Road, Tianjin Economic & Technological Area (TEDA), Tianjin	China
Pipanzin Inj.	VD-12529-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Pantoprazole Sodium Sesquihydrate	NSX	SMS Pharmaceuticals Ltd.	Unit-I, Sy no.180/2, kazipalli (V), jinnaram (M), medak District, Telangana - 502 319	India
Pyme Along 5	VD-12530-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Amlodipin besylate	EP 7.0→9.0	Ercros Industrial S.A	Paseo Deleite, s/n 28300 – Aranjuez, Madrid	Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pyme Along 5	VD-12530-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Amlodipin besylate	EP 7.0→9.0	Oman Chemicals & Pharmaceuticals L.L.C.	P.O. Box 436, Al Buraimi, P.C 512 Sultanate of Oman	India
Dofopam	VD-12533-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Alverine citrate	BP 2007	Yancheng Chemhome Chemical CO., Ltd,	No. 10-1 Jianjundonglu Yancheng, jiangsu,	China
Fudnoin	VD-12535-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Olanzapine	NSX	Corey Organics Private Limited, Unit - II	Road No.01, Plot No.35, J.N. Pharma City, Parawada, Vissakhapatnam.	India
Fudvia	VD-12537-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 30	Mahrshee Laboratories Pvt. Ltd.	Plot No.: 3014-15, GIDC Indl, Phase- III, Panoli - 394116.	India
Fudvia	VD-12537-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Betamethason	USP 30	zhejiang xianju pharmaceutical co., ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang	China
Futanol	VD-12538-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Omeprazole as Omeprazole pellets	NSX	Zhe Jiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, .	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Oribron	VD-12541-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Clozapine	USP 30	Hubei Hergshuo Chemical Co., Ltd	No.:668 Huangshi Road Liangshan Village Xisaishan District Huangshi, 435001	China
Partinol 500	VD-12542-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acetaminophen	ĐĐVN III	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Sulpiride DNP 50 mg	VD-12542-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Sulpiride	BP 2007	Jiangsu Tasly Diyi Pharmaceutical Co., Ltd	No. 29 West Chengnan Road, Qingpu District, Huai'an, Jiangsu	China
Phuhepa 150 mg	VD-12543-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acid ursodeoxycholic	BP 2007	Zhejiang Medicine Co., Ltd. Vitamin Factory	Address: North District D-11, Paojiang Industrial Zone, Shaoxing, Zhejiang, Post Code: 312071	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Farel	VD-12569-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Dimethyl sulfoxide	NSX	Arkema Pte Ltd	10, Science Park Road 01-01A, Singapore Science Park II The Alpha 117684 Singapore	Singapore
Lubrex	VD-12570-10	21/6/2017	Công ty CP Traphaco	D-Glucosamine Hydrochloride	USP37	Zhejiang Golden- Shell Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.89 Zhongxing Road, Yuhuan Zhejiang	China
Celedromyl	VD-12591-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Betamethasone	EP 8	Henan Lihua Pharmaceutical Co., Ltd.	Tech Industry Development Zone, Henan, .	China
Celedromyl	VD-12591-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 36	Mahrshee Laboratories PVT.Ltd.	Plot No.: 3014-15, GIDC Indl. Area, Phase-III, Panoli- 39416	India
Rotundin 60 mg	VD-12594-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Rotundin	NSX	Shaaxi huike Botanical Development Co., Ltd	Room 1103, Building B, Huajiang Plaza, No.20, Fenghui South Road, Xian - 710015, Shaanxi,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Godsaves	VD-12605-10	12/07/2017	CT LDDP Eloge France Việt nam	Clopidogrel bisulfate	USP 30	Yashica Pharmaceuticals PVT. Ltd	11-12, Shubham Apartment, Syndicate, Kalyan (W), Dist. Thane 421 301, Maharashtra State	India
Becoridone	VD-12611-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Domperidone	BP 2005	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengalrao Nagar, Hyderabad-38. Andhra Pradesh,	India
Bexis 15	VD-12612-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Meloxicam	BP 2005	Yashica Pharmaceuticals Pvt., Ltd	Off. No 11-12, Shubham Apartment, Syndicate, Kalyan (west), Dist. Thane 421301, Maharashtra State,	India
Deferiprone Meyer	VD-12614-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Deferiprone	NSX	Aarti Inoustrries Limited	801/23, G.I.D.C. Estate, Phase III, Vapi- 396195, Dist Valasad, Guijarat,	India
Lercanidipine Meyer	VD-12615-10	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Lercanidipine hydrochloride	NSX	Dachebiopharma Co., Ltd.	Hyeomnyeok-ro 150, Siheung City, Gyonggi-Do	Korea

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Orlistat STADA 60 mg	VD-12624-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Orlistate pellet	NSX	Murli Krishma Pharma Pvt. Ltd.	D – 98, Ranjangaon MIDC, Ranjangaon, Taluka – Shirur; Dist – Pune Maharastra.	India
Glidin MR	VD-12643-10	21/6/2017	Công ty TNHH Dược Phẩm Vellpharm Việt Nam	Gliclazide	CP 2005	Shandong Keyuan Pharmaceutical Co., Ltd (China)	Ke yuan Street, Shangdong Shanghe Economic Development Zone,jinan city,Shangdong,.	China
Rossar plus	VD-12653-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Losartan potassium	USP 34	Dr.Reddy's Laboratories Limited (Active pharmaceutical ingredients Unit-I)	Plot No. 137/138, Sri Venkateswara Co-Operative Industrial Estate, Bollaram, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh-502325	India
Rossar plus	VD-12653-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Hydrochlorothiazid e	USP 34	Pharmaceutical Works Polpharma S.A, Poland	19 Pelplinska str., 83-200 Starogard Gdanski,	Poland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tovamic 250	VD-12713-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid tranexamic	BP 2014	Biocon Limited - India	20th KM Hosur Road Electronic City Bangalore 560 100	India
Tovamic 500	VD-12714-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid tranexamic	BP 2014	Biocon Limited - India	20th KM Hosur Road Electronic City Bangalore 560 100	India
Turbezid	VD-12726-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Rifampicin	BP2013	Shenyang Antibiotic Manufacturer	Jianshe North 3rd Road Hushitai Town Xinchengzi District Shenyang , 110122,China	China
Turbezid	VD-12726-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Isoniazid	BP 2013	Tianjin handewei pharmaceutical co., Ltd	Two eight Jinnan highway bridge North of Zhai Jiadian, Tianjin, China	China
Turbezid	VD-12726-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Pyrazinamid	BP 2013	Jiangsu Sihuan Bioengineering Pharceutical Co.,Ltd	NO.10 Dingshan Road .Bin Jiang Development Zone ,Jiangyin,Jiangsu , China	China
Olanxol	VD-12735-10	18/08/2017	CTCP Dược Danapha	Olanzapine	NSX	Cadila Pharmaceuticals Ltd	294, G.I.D.C. Estate, Ankleshwar, Gujarat, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Olanxol	VD-12735-10	18/08/2017	CTCP Dược Danapha	Olanzapine	NSX	Rpg Life Sciences Limited	25, MIDC Land, Thane, Belapur Road, Navi Mumbai, India	India
Viên nang Bermoric	VD-12739-10	17/10/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Berberine HCL	CP 2015	Sichuan Province Yuxin Pharmaceutical Co., LTD.	No.51 West Section of Changjiang Road, Economical Development District (South District), Shifang City, Sichuan Province	China
Acetab 650	VD-12764-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Acetab 650	VD-12764-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co. Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiDexclo	VD-12765-10	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35	Supriya Lifescience Ltd.	Văn phòng: 207/208. Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai - 400 063, Maharashtra, India Nhà máy: A 5/2, Lote Parshuram Industrial Are, M.I.D.C., Tal.- Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	India
AgiDexclo	VD-12765-10	25/10/2015 Gia hạn đến 28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35	Mahrshee Laboratories	Plot No.: 3014-15, GIDC Indi, Area, Phase-III, Panoli - 394 116	India
AgimCodin	VD-12767-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Dextromethorphan hydrobromid	USP 38	Divis Laboratories Limited	72/23(P)/Divis/303, Divi Towers, Cyber Hills, Gachibowli, Hyderabad - 500 032. Telangana, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgimCodin	VD-12767-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Sodium benzoate	EP 7.0	Emerald Performance Materials	Montrealweg 15, 3197 KH Botlek Rotterdam, Netherlands	Netherlands
Agirovastin 10	VD-12768-10	27/7/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Rosuvastatin calcium	NSX	Morepen Laboratories Limited	4th Floor, Antriksh Bhavan, 22, K.G. Marg, New Delhi, India	India
Lopigim 600	VD-12770-10	27/7/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Gemfibrozil	USP 36	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Sosdol Fort	VD-12773-10	31/05/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Diclofenac potassium	BP 2016	Aarti Drugs Limited	Plot No-G60, MIDC, Tarapur, Boisar- 401506, Dist-Thane Dist.Thane-401506 Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Domperidon Glomed	VD-12835-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Domperidone maleate	EP 4.0	Vasudha Pharma Chem Limited	Manufacturing site: Unit-II, Plot No.79, J.N.Pharma City, Parawada, Visakhapatnam - 531021, Andhra Pradesh, India	India
Topxol 50 (Tên cũ Tolperison 50 Glomed)	VD-12839-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Tolperisone hydrochloride	JP 15	Jinan Jinda Pharmaceutical Chemistry Co., Ltd	* Manufacturing site: No.6121 Longquan Road, Zhangqiu City, Shandong Province, China	China
Mezatam	VD-12850-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Piracetam	BP 2015	Jingdezhen Kaimenzi Medicinal Chemistry Co., Ltd	No 58, Changxi Road, Jingdezhen City, China	China
Mezatam	VD-12850-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cinarizin	BP 2015	Virupaksha Organics Pvt.,Ltd, India	Survey No. 10. Gaddapotharam Village. Jinnaram Mandai. Medak Dist.- 502 319, Telangana.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Mezathion	VD-12851-10	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Spironolacton	USP 37	Tianjin Jinjin Pharmaceutical Co., Ltd, China.	No. 8 West Tsing District Chang Wo Industrial Park, · Tianjin Fuk Road · 300380 · Xiqing District, Tianjin · China	China
Pharmox SA 500 mg	VD-12864-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd.	Bhai Mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144533, .	India
Pharmox SA 500 mg	VD-12864-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	Deretil S.A.	Villaricos s/n 04616, Cuevas del Almanzora- Almeria,	Spain
Pharmox SA 500 mg	VD-12865-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd.	Bhai Mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144533, .	India
Pharmox SA 500 mg	VD-12865-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	Deretil S.A.	Villaricos s/n 04616, Cuevas del Almanzora- Almeria,	Spain
Pharmox SA 500 mg	VD-12866-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	DSM Sinochem Pharmaceuticals India Pvt. Ltd.	Bhai Mohan Singh Nagar Toansa, Distt. Nawanshahr, Punjab 144533, .	India
Pharmox SA 500 mg	VD-12866-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Amoxicillin trihydrate	EP 8.0	Deretil S.A.	Villaricos s/n 04616, Cuevas del Almanzora- Almeria,	Spain

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefradine 1g	VD-12879-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefradin and L-arginine	USP 36	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 98, Hainan Road, Shijiazhuang Economic&Technolo gical Development Zone, Hebei	China
Midactam 250	VD-12880-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Sultamicilin tosilate dihydrate	EP 7	Research Pharmaceutical Ltd	Floor 21-C, Qian Jiang Building, #971 Dong Fang road, Pudong, Shanghai	China
Midactam 250	VD-12880-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Sultamicilin tosilate dihydrate	EP 7	Jiangsu Huaxu Pharmaceutical Co.. Ltd.	Chenjiagang chemical zone, Xiangshui, Jiangsu	China
Senitram 0,75g	VD-12883-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Ampicillin sodium and Sulbactam sodium	USP 36	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd	No. 20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic and Technological Development Zoneee, Hebei, P.R	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Senitram 1,5g	VD-12884-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Ampicillin sodium and Sulbactam sodium (2:1) Sterile	USP 36	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., Ltd	No. 20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic and Technological Development Zone, Hebei, P.R	China
Cefradin VCP	VD-12897-10	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Cefradin	USP32	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co, Ltd. - China	Yangzi Rd., Economic Technology Development Zone Shijiazhuang, Hebei, .	China
Azecifex Distab 200Mg	VD-12912-10	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefixime trihydrate	USP 30	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana	India
Fudplus	VD-12918-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Calcium carbonate	BP 2005	Ningbo Pangs Chem Int'L Co.,Ltd	Floor 21, Building No.11, Xin Tian Di, No. 689 Shi Ji Road, Ningbo	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fudplus	VD-12918-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Tricalcium phosphate	BP 2005	Lianyungang Dongtai Food Ingredients Co., Ltd	NO.28 Wuqiang RD.,Dunshang Town,Ganyu County,Lianyungang,Ji angsu, Zipcode: 222023	China
Fudplus	VD-12918-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Calcium fluorid	NSX	Panreac Applichem	Garraf, 2 Polígono Pla de la Bruguera E-08211 Castellar del Vallès Barcelona	Spain
Fudplus	VD-12918-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Magnesium hydroxide	BP 2005	Priti Industries	340/1 Chita Industrial Estate, Phase II, Chitra Bhavnagar – 364 004, Gujarat	India
Fudplus	VD-12918-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	USP 30	Dsm Nutritional Products Ltd.	Unit 41 Delves Road Heanor Gate Industrial Estate Heanor, DE75 7SG	England

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Orgynax100Mg	VD-12919-10	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefpodoxime proxetil	USP 30	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana	India
Ormogat 1000 Mg	VD-12920-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Glucosamine sulfate sodium chloride	USP 30	Jiangsu Rixin Enterprise Group Co., Ltd	58 wu an road, gaoyou, jiangsu, China	China
Ormogat 500 Mg	VD-12921-10	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Glucosamine sulfate sodium chloride	USP 30	Jiangsu Rixin Enterprise Group Co., Ltd	58 wu an road, gaoyou, jiangsu, China	China
Coducough	VD-12937-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Dextromethorphan HBr	BP2013/USP 34	Divi's Laboratories Limited Quality Control Department	Unit-1, Lingo jigudem Village, Choutuppal Mandal, Nalgonda Dist., Telangana - 500 016	Italia
Coducough	VD-12937-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Dextromethorphan HBr	BP2013/USP 34	Dr. Reddy's	8-2-337, Road No. 3, Banjara Hills, Hyderabad, Telangana 500034	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Coducough	VD-12937-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Chlopheniramin maleat	BP2013/USP 34	Supriya Lifescience Ltd.	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.-Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra	India
Coducough	VD-12937-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Glyceryl Guaicolat (guaifenesin)	BP2013/USP 34	Zhejiang Haizhou Pharma. Co., Ltd	Yanhai Industrial Zone, Linhai City, Zhejiang 317016	China
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Piracetam	BP2013/USP 34	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co.Ltd.	No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City	China
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Piracetam	BP2013/USP 34	Shanghai Modern Hasen (Shangqiu) Pharm. Co., Ltd.	No.12 Yongan Street, Shangqiu, Henan	China
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Piracetam	BP2013/USP 34	Jingdezhen Kaimenzi Medical Chemistry Co., Ltd.	No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City	China
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Piracetam	BP2013/USP 34	Northeast Pharm. Group Co., Ltd	No.37 Zhonggong Bei Street, Tiexi Dist., Shenyang	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Cinnarizin	BP2013/USP 34	Virupaksha Organics Limited	Survey No.10, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist.- 502319,Andhra Pradesh	India
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Cinnarizin	BP2013/USP 34	Rakshit Drugs Pvt. Ltd.	Rakshit House” Plot # 425/ 3RT, SR Nagar, Hyderabad-500038	India
Pzitam	VD-12938-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Cinnarizin	BP2013/USP 34	Raychemical Pvt. Ltd.	103, Vardhaman Crystal Plaza, Cd - Block, Pitampura, Delhi-110088	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Alphatrypa (alpha chymotrypsin 4200IU)	VD-12940-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Alpha chymotrypsin	USP38	1/Beijing geyuantianrun biotech co.,ltd 2/ Shanghai Linzyme Biosciences Ltd 3/ Enzymeking Biotechnology Co., ltd (china)	1/No 3. Tianfu Road, Daxing Bio-Medicine Industry Park, Beijing - 2/666-7 Minshen Road, Songjiang , Shanghai 3/ Hi Tech Industrial Park Yuanbaoshan Dis.,Chifeng 024076, Inner mongolia ()	1/ China 2/ China 3/ China
Arterakin (Piperaquin phosphat 320mg, Dihydroartemisinin 40mg)	VD-12944-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Piperaquine phosphate	CP2015	Chongqing Kangle Pharmaceutical Co., Ltd	No.4 Huazhong Road,Chongqing (changshou)Chemical Industrial Park, Chongqing, 401221,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Citi- brain 250 (citicolin natri 250mg/2ml)	VD-12948-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Citicolin sodium	CP 2010	1/ Kaiping Genuine Biochemical Pharmaceutical co., ltd 2/ Zhejiang Share bio-Pharm Co., ltd 3/ A&Z Food Additives Co., Ltd	1/ No.1, Xinke Road, Shatang Town, Kaiping, Guangdong Province, . 2/ Qianjiang new CBD, Hangzhou city, 3/ 801 YiTai Building, No.76 Gu Cui Road , HangZhou , ZheJiang , 310012	1/ China 2/ China 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Claromycin 250 (Clarithromycin 250mg)	VD-12949-10	29/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Clarithromycin	USP 38	1/Shanghai Mordern Pharmaceutical 2/ DSM- The United Kingdom 3/ Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd 4/Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., LTD	1/ No 378 JianLu Road,Pudong New Area,Shanghai, 2/ Dalry Ayshire- Scotland 3/ No.6 Weiwu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, . 4/ No. 85, Ning'an Street Jinfeng Yinchuan, 750100	1/ China 2/ The United Kingdom 3/ China 4/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Claromycin 500 (Clarithromycin 500mg)	VD-12950-10	29/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Clarithromycin 500mg	USP 38	1/Shanghai Mordern Pharmaceutical, China 2/ DSM- The United Kingdom 3/ Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd, China 4/Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., LTD	1/ No 378 JianLu Road,Pudong New Area,Shanghai, 2/ Dalry Ayshire- Scotland 3/ No.6 Weiwu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, . 4/ No. 85, Ning'an Street Jinfeng Yinchuan, 750100	1/ China 2/ The United Kingdom 3/ China 4/ China
Folimed 5mg (Acid folic 5mg)	VD-12951-10	26/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Folic acid	USP 38	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	368 Jianshe street, Hengshui city, Hebei 053000,	China
Injectam-S 12g (piracetam 12g/60ml)	VD-12952-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	piracetam for Injection	EP8	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Pelplińska 19 83-200 Starogard Gdański	Poland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Isoniazid 150mg (Isoniazid 150mg)	VD-12953-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Isoniazid	BP2016	1/ Amsal Chem Private limited 2/ Second Phar Co., ltd	1/ A-1, 401, 402&403, G.I.D.C. Industrial Estale, Ankleshwar - 393 002, Bharuch, Gujarat, 2/ Hangzhou Gulffine Chemical Zone, Shangyu city, hejiang pro	1/ India 2/ China
Tetracyclin 250 mg (Tetracyclin hydrochloride 250mg)	VD-12956-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Tetracycline hydrochloride	DĐVN IV	1/Ningxia qiuyuan pharmaceutical co., ltd 2/Huashu pharmaceutical corporation 3/North China pharmaceutical co., ltd.	1/ No 1 Qiyuan street, Wangyuan Industrial area, Yinchuan Ningxia - 2/ No 29 Gaoying street, Shijiazhuang PR - 3/ No 388 East HePing Road Shijiazhuang City, HeiBei Provi Shijiazhuang, 050015	1/ China 2/ China 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin B1 10mg (Thiamin nitrat 10mg)	VD-12957-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Thiamine nitrate	ĐĐVN IV	1/Hubei Huazhong Pharmaceutical Co., ltd 2/ Kyowa hakko bio co., ltd 3/ Jiangxi Tianxin Phar Co., ltd	1/ No 71 West Chunyuan Road, Xiangyang Hubei - 2/ 1-6-1 Ohtemachi chiyoda - Ka Tokyo 3/ Anjiang Industrial zone - Jiangxi - □	1/ China 2/ Japan 3/ China
Vitamin C 300mg (acid ascorbic 300mg)	VD-12958-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ascorbic acid	ĐĐVN IV	1/Hubei Huazhong Pharmaceutical Co., ltd 2/ Kyowa hakko bio co., ltd 3/ Jiangxi Tianxin Phar Co., ltd	1/ No 18, Yangzi Road, Shijiazhuang economic & technological development zone Hebei - 2/ No 11 Zhaiying North Street, Shijiazhuang - 3/ Shuafeng industrial park zichuan District, zibo -	1/ China 2/ China 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Raterel	VD-13048-10	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Trimetazidin dihydroclorid	JP 16	JPN Pharma Ltd	T 108/109 MIDC, Larapor, Hoisar, lal, Palghat, Dist Palghar - 401 506, Mahatashtra, India	India
CEFTRIAXONE 1g	VD-13051-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Ceftriaxone sodium	EP8	Hanmi Fine Chemical Co. Ltd.	59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi- do, Korea	Korea
LIFIBRAT 200	VD-13052-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Fenofibrate (micronized)	EP8	Zhejiang Exel Pharmaceutical Co., Ltd	No. 9, Dazha Road, Huangyuan, Economic Development Zone, Taizhou City, Zhejiang Province, China	China
LIFIBRAT 300	VD-13053-10	19/08/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Fenofibrate (non micronized)	EP8	Zhejiang Exel Pharmaceutical Co., Ltd	No. 9, Dazha Road, Huangyuan, Economic Development Zone, Taizhou City, Zhejiang Province, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MUTECIUM-M	VD-13054-10	24/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Domperidone	BP2015	Sri Krishna Pharmaceuticals	Unit -I C4 Intrustrial Development Area Uppal Hyderabad - 500 039 Telangana, India	India
NEO- GYNOTERNAN	VD-13055-10	24/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Nystatin	EP8	Antibiotice SA	1, Valea Lupului Street, Lasi 707410 Tel: +40 232 209 000	Romania
NEO- GYNOTERNAN	VD-13055-10	24/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Neomycin sulfate	USP39	Sichuan Long March Pharm. Co., Ltd.,	448 Changqing Road, Leshan, Sichuan 614000 P.R.C China Tel: +86 833 2493675	China
PARACOLD FLU	VD-13058-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Paracetamol	BP2015	Anqiu Lu' an Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35 Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, China Tel: +86 -536-4386559	China
PARACOLD FLU	VD-13058-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Caffeine	BP2015 EP8 USP39	Shandong Xinhua	14, Dongyi Road, Zibo, Shandong,China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PARACOLD FLU	VD-13058-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Phenylephrine hydrochloride	USP 38	Unichem laboratories Ltd	Plot No. 197, Sector No. 1, Pithampur - 454 775, District - Dhar, Madhya Pradesh, India. Tel: 07292-416600, 416601	India
Bretam 800	VD-13061-10	09/09/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Piracetam	BP 2014	Jingdezhen Kaimenzi Medicinal Chemistry Co., Ltd.	No 58, Changxi Road, Jingdezhen City, Jiangxi Province, 333000.	China
Pymeclarocil 500	VD-13072-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Clarithromycin	USP 35→39	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Ci., Ltd	No. Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang	China
Zoamco 10	VD-13073-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Atorvastatin calci (Atorvastatin calcium crystalline)	USP 35→39	DSM Sinochem Pharmaceuticals Private Limited	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab - 144 533	India
Zoamco 20	VD-13074-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Atorvastatin calci (Atorvastatin calcium crystalline)	USP 35→39	DSM Sinochem Pharmaceuticals Private Limited	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab - 144 533	India
Zoamco 40	VD-13075-10	26/07/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Atorvastatin calci (Atorvastatin calcium crystalline)	USP 35→39	DSM Sinochem Pharmaceuticals Private Limited	Bhai Mohan Singh Nagar, Toansa, Distt. Nawanshahr Punjab - 144 533	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Clarithromycin DNPharm 500	VD-13079-10	25/07/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Clarithromycin	USP 27	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No. 6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang,	China
Doganci 500 mg	VD-13080-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Acetaminophen	USP 30	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Donaklyn	VD-13081-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Ibuprofen	USP 30	Iol Chemicals and Pharmaceuticals Limited	85 Industrial Area 'A', Ludhiana. 141 003 (Pb.),	India
Donaklyn	VD-13081-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Paracetamol	DĐVN III	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Dozido	VD-13082-10	09/06/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Paracetamol	DĐVN III	Anqiu Lu'an Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 35. Weixu North Rond, Anqiu City, Shandong Province, 262100 .	China
Dozido	VD-13082-10	09/06/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Ibuprofen	USP 26	Iol Chemicals and Pharmaceuticals Limited	85 Industrial Area 'A', Ludhiana. 141 003 (Pb.),	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ranitidin DNPharm 150 mg	VD-13088-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Ranitidine hydrochloride	USP 30	Orchev Pharma Pvt. Ltd.	Shapar Industrial Area, Rajkot-Gondal Highway, Veraval. Dist. Rajkot	India
Ranitidin DNPharm 300 mg	VD-13089-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Ranitidine hydrochloride	USP 30	Orchev Pharma Pvt. Ltd.	Shapar Industrial Area, Rajkot-Gondal Highway, Veraval. Dist. Rajkot	India
Sebast - 20	VD-13091-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Omeprazole (as Omeprazole pellets 8,5%)	NSX	Zhe Jiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, .	China
Silytrol 100 mg	VD-13092-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Lamivudin	USP 30	Hangzhou Coben Pharmaceutical co.,ltd	Nanyang Economical Development Zone, Zhejiang.	India
Zival 7,5 mg	VD-13093-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Meloxicam	BP 2007	Technodrugs & Intermediates pvt. ltd	C - 1/B, 1914, Gide Panoli, Dist Bharuch, Gujarat.	India
Zolfastel 5 mg	VD-13094-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Flunarizine dihydrochloride	BP 2007	Weihai Disu	No. 55 Qilu Road, Economic & Technological. Development Zone, Weihai, Shandong, , 264205	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Carmanus	VD-13104-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B1 mono (Thiamine nitrate)	BP2015/USP 38/ BP2013/USP 36	Jiangsu Brother Vitamins Co., Ltd	Marine Economic Development Zone Dafeng City, Jiangsu Province	China
Carmanus	VD-13104-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	<i>Vitamin B2</i> (Riboflavin)	USP39	Chifeng Pharmaceutical Co Ltd	84 Yidong Street, HongShan District, Chifeng, Inner Mongolia,	China
Carmanus	VD-13104-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B6 (Pyridoxin HCl)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Straße 3, 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Carmanus	VD-13104-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B3 (Nicotinamid)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd gia công tại nhà máy Lonza Guangzhou Ltd	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288,	China
Carmanus	VD-13104-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B5 (Calci Pantothenat)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Dalry, Ayrshire, KA24 5JJ, Scotland, United Kingdom.	UK
Besamux 200mg	VD-13114-10	12/07/2017	CT LDDP Eloge France Việt nam	Acetylcystein	BP 2008	Zach system SPA	Via Lillo del Duca, 10 - 20091 Bresso (MI)- Italia	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Partamol-Codein	VD-13139-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	EP 8.0	Mallinckrodt Inc.	Raleigh Pharmaceutical Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, North carolia 27616	USA
Partamol-Codein	VD-13139-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Paracetamol	EP 8.0	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province 053000.	China
Franlucac 10 mg	VD-13142-10	12/07/2017	CT LDDP Elogre France Việt nam	Montelukats natri	NSX	Morepen Laboratories Limited	Plant: Village Masulkhana, Parwanoo, Disll. Solan, (H.P.) 173 220 Regd. Off: (Morepen Village) Vill. Malkumajra, Baddi- Nalagarh Road, Baddi, Disll. Solan (HP) 173205	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Franlucac 4mg	VD-13143-10	12/07/2017	CT LDDP Elogé France Việt nam	Montelukast natri	NSX	Morepen Laboratories Limited	Plant: Village Masulkhana, Parwanoo, Distt. Solan, (H.P.) 173 220 Regd. Off: (Morepen Village) Vill. Malkumajra, Baddi- Nalagarh Road, Baddi, Distt. Solan (HP) 173205	India
Franlucac 5mg	VD-13144-10	12/07/2017	CT LDDP Elogé France Việt nam	Montelukast natri	NSX	Morepen Laboratories Limited	Plant: Village Masulkhana, Parwanoo, Distt. Solan, (H.P.) 173 220 Regd. Off: (Morepen Village) Vill. Malkumajra, Baddi- Nalagarh Road, Baddi, Distt. Solan (HP) 173205	India
Sorbitol	VD-13149-10	5/31/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Sorbitol	USP 34	Roquette	Roquette Freres, 1, Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem	France

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Efavirenz STADA 600 mg	VD-13150-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Efavirenz	NSX	Hetero Labs Limited	Suvay No.10, I.D.A, Gaddapotharam Village, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh.	India
Simethicon STADA	VD-13153-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Simethicon	USP 39	Dow Corning Corporation	Healthcare Industries Materials Site, PO Box 20, 1635 North Gleaner Road Hemlock, MI 48626	USA
CEFACLOR 125	VD-13175-10	23/06/2017	Cty Cổ phần dược phẩm và sinh học y tế	Cefaclor monohydrat	BP 2005	LUPIN LIMITED - INDIA	198-202, New Industrial Area No. 2, Mandideep-462 046 District Raisen (M.P.), India	India
VITAMIN C 250	VD-13183-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Acid ascorbic	ĐĐVN IV	SHANDONG LUWEI PHARMACEUTI CAL	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
ALAXAN FR	VD-13184-10	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Acetaminophen	USP 30	Mallinckrodt Inc.	Raleigh Chemical Plant, 8801 Capital Blvd., Raleigh, North Carolina 27616	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ALAXAN FR	VD-13184-10	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Ibuprofen	BP 2007	Shasun Chemicals & Drugs Ltd.	Shasun Road, Periyakalpet, Pondicherry 605014	India
Alphachymotrypsin - BVP	VD-13220-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Chymotrypsin	BP 2007	Sichuan Deebio Pharmaceutical	Xiaohan town Guanghan City, 618304	China
Metylus	VD-13225-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Methyldopa	USP 36	Zhejiang Medicines and Health Products Import & Export Co., Ltd	ZMC BUILDING,101- 2,N.ZHONGSHAN ROAD HANGZHOU	China
Naptogast 20	VD-13226-10	6/22/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pantoprazole enteric coated pellets	NSX	Spansules Formulations	Plot No: 154/A 4 I.D.A Bolilaram, Hyderabad -502 325	India
Naptogast 40	VD-13227-10	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pantoprazole enteric coated pellets	NSX	Spansules Formulations	Plot No: 154/A 4 I.D.A Bolilaram, Hyderabad -502 325	India
Neurohadine	VD-13268-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Gabapentin	USP39	Zhejiang Chiral Medicine Chemicals Co., LTD.	Nanyang Economy, development Zone, Xiaoshan, Hangzhou, Zhejiang	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Paracetamol	VD-13269-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh	Paracetamol	USP35, USP36, USP37, USP38, USP39 / BP2014, BP2015, BP2016.	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000	China
Alimemazin	VD-13274-10	30/08/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Alimemazin tartrat	BP 2001	Sanofi Chimie	45 chemin de Meteline BP15, 04201 Sisteron Cedex, France.	France
AgDicerin	VD-13302-10	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Diacerine	NSX	Ami Lifesciences Pvt., Ltd.	Block No.82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi - 391 450, Tal: Padra, Dis: Baroda, Gujarat, India	India
AgiCetam 400	VD-13303-10	28/11/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Piracetam	EP 8.0	Jingdezhen Kaimenzi Medicinal Chemistry - TQ <i>đổi tên thành</i> Jiangxi YueHua Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 58, Changxi Road, Jingdezhen City, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiEtoxib 60	VD-13304-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Etoricoxib	NSX	Virdev Intermediates Pvt. Ltd.	No. 46-47, Plot No. 2, Moje Palsana Tal. Palsana, Dist Surat	India
AgiEtoxib 60	VD-13304-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Etoricoxib	NSX	Synergy United Pharmachem Pvt. Ltd.	No G-1, Tiffany Building, Near Hiranandani Hospital, Hiranandani Estate, Ghodbander Road, Thane (West), Thane - 400607, Maharashtra, India	India
AgiEtoxib 90	VD-13305-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Etoricoxib	NSX	Virdev Intermediates Pvt. Ltd.	No. 46-47, Plot No. 2, Moje Palsana Tal. Palsana, Dist. Surat	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiEtoxib 90	VD-13305-10	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Etoricoxib	NSX	Synergy United Pharmachem Pvt. Ltd.	No G-1, Tiffany Building, Near Hiranandani Hospital, Hiranandani Estate, Ghodbander Road, Thane (West), Thane - 400607, Maharashtra, India	India
AgiFermine	VD-13306-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Iron sulfate	USP 37	Canton Laboratories Pvt., Ltd.	110-A & B GIDC, Makarpura, Post Box No. 778, Vadodara	India
AgiFermine	VD-13306-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Pyridoxine hydrochloride	BP 2011	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Gongye 6th Rd, Leping, Jingdezhen, Jiangxi	China
AgiFermine	VD-13306-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Pyridoxine hydrochloride	EP 7.0	DSM	1. Trụ sở: Het Overloon 1, 6411 TE Heerlen, the Netherlands 2. CN: Wurmisweg 576, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland	1. Netherlands 2. Switzerland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiFermine	VD-13306-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Cyanocobalamin	USP 35	Hebei Huarong Pharmaceutical Co, Ltd	East Road North Circle 050041 Shijiazhuang, China	China
AgiFermine	VD-13306-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Cyanocobalamin	USP 35	Sanofi	76410 Saint-Aubin-lès- Elbeuf	France
AgiFermine	VD-13306-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Folic acid	EP 8.0	DSM	1. Trụ sở: Het Overloon 1, 6411 TE Heerlen, the Netherlands 2. CN: Wurmisweg 576, CH-4303 Kaiseraugst, Switzerland	1. Netherlands 2. Switzerland
Agimfast 120	VD-13307-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fexofenadine hydrochlorid	USP 35	Vasudha Pharma Chem Limited	78A, Vengalrao Nagar, Hyderabad - 500038, Telangana State, India	India
Agimfast 180	VD-13308-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fexofenadine hydrochlorid	USP 35	Vasudha Pharma Chem Limited	78A, Vengalrao Nagar, Hyderabad - 500038, Telangana State, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Agimlisin 10	VD-13309-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Lisinopril dihydrate	USP 34	Zhejiang Huahai Pharmacuetical	Xunqiao, Linhai, Zhejiang 317024, China	China
AgimSamine 250	VD-13311-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Glucosamine sulfate dikalichloride	USP 35	Jiangsu Jiushoutang Organisms Manufactures Co., Ltd.	Xinghua City, Zhangguo Town, Tongji Road, Taizhou, Jiangsu, China	China
AgimSamine 250	VD-13311-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Glucosamin sulfat dikaliclorid	USP 36	Yangzhou Rixing Bio - Tech Co., Ltd.	No. 2, Tongxin RD, Gaoyou City, Jiangsu, China PO.225601	China
Lipagim 160	VD-13318-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fenofibrate	EP 8.0	Olon S.P.A	Strada Rivoltana 6/7, 20090 Rodano	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lipagim 160	VD-13318-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fenofibrat	EP 8.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Lipagim 300	VD-13319-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fenofibrate	EP 8.0	Olon S.P.A	Strada Rivoltana Km 6/7. 20090 Rodano (MI) Italy	Italy
Lipagim 300	VD-13319-10	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Fenofibrat	EP 8.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Amfuncid	VD-13324-10	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Clotrimazole	BP2015 & NSX	Amoli Organics	Plot No.322/4, 40 Shed Area, G.I.D.C., Vapi-396 195, Gujarat, India	India
Neuroton-M 1500	VD-13328-10	31/05/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Methylcobalamin	JP 16	North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd – China.	No.9 Zhaiying North Street, Shijiazhuang, China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Neuroton-M 1500	VD-13328-10	31/05/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Methylcobalamin	JP 16	Hebei Huarong Pharmaceutical Co., Ltd.	East Road, North 2nd Circle, Shijiazhuang, Hebei Province, China.	China
Deslornine	VD-13404-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Desloratadine	NSX	Glenmark Generics Ltd (Tên Mới: Glenmark Pharmaceutical)	Manufacturing site: Plot No. 141-143, 160- 165,170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat, Maryadit, Pune-Hyderabad hightway Mohol 413213, Dist. Solapur, India	India
Glotaldol Cold	VD-13409-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Paracetamol	EP 5.0	Novacyl (Wuxi) Pharmaceutical	Manufacturing site: 8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu province, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glotaldol Cold	VD-13409-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Loratadine	USP 30	Vasudha Pharma Chem Limited	Manufacturing site: Unit-II, Plot No.79, J.N.Pharma City, Parawada, Visakhapatnam - 531021, Andhra Pradesh, India	India
Glotaldol Cold	VD-13409-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Dextromethorphan Hydrobromide	EP 5.0	Wockhardt Ltd	Manufacturing site: Plot No 138, GIDC Estate, Ankleshwar- 393002, Dist. Bharuch, Gujarat, India	India
Glotaldol F	VD-13410-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Paracetamol	EP 5.0	Novacyl (Wuxi) Pharmaceutical	Manufacturing site: 8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu province, China	China
Glotaldol F	VD-13410-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Loratadine	USP 30	Vasudha Pharma Chem Limited	Manufacturing site: Unit-II, Plot No.79, J.N.Pharma City, Parawada, Visakhapatnam - 531021, Andhra Pradesh, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glotaldol F	VD-13410-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Dextromethorphan Hydrobromid	EP 5.0	Wockhardt Ltd	Manufacturing site: Plot No 138, GIDC Estate, Ankleshwar- 393002, Dist. Bharuch, Gujarat, India	India
Glotaldol F	VD-13410-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Phenylephrine hydrochloride	EP 5.0	Malladi Drugs & Pharmaceuticals Ltd	Manufacturing site: Unit 3, 7B & 7C, Sipcot Industrial Complex, Ranipet 632 403, Vellore District, India	India
Glopotin 5 (Tên Cũ Glopotin 5 Glomed)	VD-13423-10	31/05/2017	Công ty CPDP GLOMED	Vinpocetin	BP 2009	Linnea Sa	* Manufacturing site: Via Cantonale, CH- 6595 Riazzino (TI), Switzerland	Switzerland
Vitamin B6 125 mg	VD-13429-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Pyridoxine hydrochloride	BP 2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300,	China
Imetoxim 1g	VD-13432-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefotaxime sodium sterile	USP 37	Fresenius Kabi Anti –Infectives S.R.L	Via San Leonardo 23- 45010 Villadose (RO)	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Imetoxim 1g	VD-13432-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefotaxime sodium sterile	USP 37	Fresenius Kabi Anti –Infectives S.R.L	Piazza Maestri del Lavoro, 7 - 20063 Cernusco S.N. - Milano	Italy
Imetoxim 1g	VD-13432-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefotaxime sodium sterile	USP 37	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb.)	India
Imetoxim 1g	VD-13432-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefotaxime sodium sterile	USP 37	Orchid Pharma Limited (tên cũ Orchid chemicals & Pharmaceuticals Limited India)	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District - 603 110, Tamilnadu.	India
Imetoxim 1g	VD-13432-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefotaxime sodium sterile	USP 37	Zhuhai United Laboratoris Co. Ltd	Sanzao Science & Technology Park, National Hi - Tech Zone, Zhuhai, Guangdong,	China
Imetoxim 1g	VD-13432-10	31/05/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefotaxime sodium sterile	USP 37	Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd	No. 849 Dongjia Town, Licheng Dist, Jinan	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Imezin 1 g	VD-13437-10	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefazolin sodium sterile	EP 8	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 18, Yangzi Road, Economic & Technological Development Zone, Shijiazhuang	China
Imezin 1 g	VD-13437-10	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefazolin sodium sterile	EP 8	Nectar Lifesciences Ltd	Vill. Saidpura, Teh. Dera Bassi, Distt. Mohali (Punjab) Near Chandigarh	India
Imezin 1 g	VD-13437-10	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefazolin sodium sterile	EP 8	Orchid Pharma Limited (tên cũ Orchid chemicals & Pharmaceuticals Limited India)	Plot Nos 121-128, 128A-133, 138-151, 159-164, SIDCO Industrial Estate, Alathur, Kancheepuram District - 603 110, Tamilnadu	India
Imezin 1 g	VD-13437-10	11/07/2017	CTCPDP Imexpharm	Cefazolin sodium sterile	EP 8	Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd	No. 849 Dongjia Town, Licheng Dist, Jinan	China
Ceftazidime 1g	VD-13447-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Ceftazidime pentahydrate	USP 37	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co.Ltd	No. 18 Yangzi Road, Economic & Technological Development Zone, Shijiazhuang, Hebei,.P.R	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceftazidime 1g	VD-13447-10	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Ceftazidime pentahydrate	USP 38	Shandong Luoxin Pharmaceutical Group Hengxin Pharmaceutical Co., Ltd	West side of Yanbin Road, Economic Development Zone, Feixian, Linyi, Shandong	China
Cepemid 1g	VD-13449-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Imipenem monohydrate and Cilastatin	USP 36	ACS DOBFAR S.p.a	Viale Addetta, 4/12 - 20067 Tribiano (Milano)	Italy
Cepemid 1g	VD-13449-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Imipenem monohydrate + Cilastatin	USP 36	Zhejiang Hisun Pharmaceutical Co., Ltd	56 Binhai Road, Jiaojiang District, Taizhou City, Zhejiang Province, People's Republic of China	China
Cepemid 1g	VD-13449-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Imipenem monohydrate and Cilastatin sodium	USP 36/NSX	Aurobindo Pharma Ltd	Unit V: Plot Nos.68- 70, 73-91, 95, 96, 260, 261, I.D.A Pashamylaram, Medak District, Telanga State, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cephazomid	VD-13450-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefazolin sodium	USP 36	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic&Techonolo gical Development Zone, Hebei	China
Cephazomid	VD-13450-10	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefazolin sodium	EP 7	Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd	No. 109 Xuefu Road, Nangang District, Harbin	China
Midactam 1,5g	VD-13451-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Ampicillin sodium and Sulbactam sodium	USP 36	North China Pharmaceutical Croup Semisyntech Co., Ltd	No. 20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic and Technological Development Zoneee, Hebei, P.R	China
Midactam 375	VD-13452-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Sultamicillin tosilate dihydrate	EP 7.0	Jiangsu Huaxu Pharmaceutical Co., Ltd.	Chenjiagang chemical zoe, Xiangshui, Jiangsu	China
Midagentin	VD-13453-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Amoxicillin sodium and Potassium clavulanate	CP 2015	Sinopharm weiqida pharmaceutical Co., Ltd	Economic & Technological development Zone, First Medical Zone, Datong, Shanxi	China
Midancef	VD-13454-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefuroxime sodium	USP 35	Titan Pharmaceutical Co., Ltd. (Guangdong)	Lantang Town, Zijin Country, Heyuan City, Guangdong Province, P.R	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Midancef 0,5g	VD-13455-10	19/08/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefuroxime sodium	USP 36	Titan Pharmaceutical Co., Ltd. (Guangdong)	Lantang Town, Zijin Country, Heyuan City, Guangdong Province.	China
SaViFibrat 200M	VD-13494-10	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Fenofibrate	BP 2013	ZHEJIANG EXCEL PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
SaVi Acarbose 25	VD-13495-10	19/08/2017	Công ty CPDP SaVi	Acarbose	EP 8.0	CKD Bio Corporation	292, Sinwon-ro, Danwon-gu, Ansan- Shi, Gyeonggi-do 425- 100, Korea	Korea
D3 Care	VD-13504-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Cholecalciferol	BP2013/USP 34	Sichuan Province Yuxin Pharm. Co., Ltd.	Weicheng Jinhedong Road, Shifang 618400, Sichuan	China
D3 Care	VD-13504-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 3	Cholecalciferol	USP 34	Basf-Chemical	32419 Minden	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gramtob (Tobramycin 80mg/2ml)	VD-13506-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Tobramycin Sulfate	USP38	1/Livzon group fuzhou fuxing pharmaceutical Co., ltd.-China 2/ Chongqing Daxin Pharmaceutical CO., ltd 3/ Livzon New North River Pharmaceutical Co., Ltd	1/Jiangyin Industrial Concentration Zone. Fuding, Fuzhou, Fujian, . , 350309 2/ No.22,Chuangzao road, Beibei district, Chongqing city, 3/ No.132, Guihua Road North, Gongbei, Zhuhai,Guangdong, 519020	1/China 2/China 3/China
Grovababy (Spiramycin 750.000 I.U)	VD-13507-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Spiramycin	DĐVN IV	1/ Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd 2/Henan Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ No.257, Xicheng Road, Wuxi, Jiangsu 214041 2/ No. 2, Guangming Road, Yicheng, Zhumadian, Henan,	1/ China 2/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trikapezon Plus (Cefoperazon 500mg, sulbactam 500mg))	VD-13508-10	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefoperazone sodium + sulbactam sodium	NSX	1/Zhuhai united laboratories Co. Ltd., 2/Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd 3/ NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd.	1/Yulin Rd, Jinwan, Zhuhai, Guangdong, 2/2 Longshun st, Nangang No188 Gongnong road 3/No98, Hainan road, Shijiazhuang Economic and technological development zone, hebei	1/China 2/China 3/China
Trimazon (Trimethoprim 80mg, sulphamethoxazol 400mg)	VD-13509-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Sulfamethoxazole	ĐĐVN IV	1/ Virchow laboratories ltd - India 2/ Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	1/ Plot No.4 to 10, S..V.Co-OP.Ind, Estate I.D.A J Jeedimetla, Hyderabad - 500 055 2/ North-East of Dongwaihuan, Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong, Province,	1/ India 2/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Trimazon (Trimethoprim 80mg, sulphamethoxazol 400mg)	VD-13509-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Trimethoprim	ĐĐVN IV	1/ Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd 2/ Shandong rongyuan pharmaceutical co., ltd - China 3/ Andhra organics ltd - India	1/ North-East of Dongwaihuan, Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, 262700, Shandong, Province, 2/ 18FL, vegetable building, shouguang, shandong, 3/ Industrial Development Area, Pydibimavaram, Andhra Pradesh 532409,	1/ China 2/ China 3/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin B6 25mg (Pyridoxin hydrochloride 25mg)	VD-13510-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Pyridoxine hydrochloride	ĐĐVN IV	1/ Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd. 2/ Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd. 3/ DSM- Germany	1/ No 71 West Chunyuan Road, Xiangyang Hubei - 2/ Anjiang Industrial zone - Jiangxi - 3/ D-79629 Grenzach - Wyhlen Telefon	1/ China 2/ China 3/ Germany
Vitamin C 100 mg (acid ascorbic 100mg)	VD-13511-10	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ascorbic acid	ĐĐVN IV	1/ Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd. 2/ Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd. 3/ DSM- Germany	1/ No 18, Yangzi Road, Shijiazhuang economic & technological development zone Hebei - 2/ No 11 Zhaiying North Street, Shijiazhuang - 3/ Shuafeng industrial park zichuan District, zibo -	1/ China 2/ China 3/ China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ALPHACHYMOT RYPIN	VD-13550-10	17/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Chymotrypsin (Alphachymotrypsi n)	USP38	Enzymeking Biotechnology Co. Ltd.	High-Tech Industrial Park Yuanbaoshan District, Chifeng City, Inner Mongolia, China Tel: 86 139 1000 3386	China
AUGBACTAM 1g/200mg	VD-13551-10	24/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Amoxicillin sodium and Potassium clavulanate	NSX	Fermic S.A. de C.V	Reforma # 873 Coi San Nicolas Tolentino Iziapalapa 09850 Mexico D.F /Tel: (52-55) 5037 0000	Mexico
AUMAKIN 1g/200mg	VD-13552-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Amoxicillin sodium and Potassium clavulanate	NSX	Fermic S.A. de C.V	Reforma # 873 Coi San Nicolas Tolentino Iziapalapa 09850 Mexico D.F /Tel: (52-55) 5037 0000	Mexico
AUPISIN 1,5g	VD-13553-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Ampicilin sodium and Sulbactam sodium	NSX	Zhuhai United Laboratores Co.Ltd	Sanzao Science & Technology Park, National H-Tech Zone, Zhuhai, Guangdong, China , 519 040 / Tel: +86 756 7766777	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BETALESTIN	VD-13554-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Betamethasone	EP8 USP39	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co.Ltd.	No. 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China Tel: 0086 576 8771178	China
BETALESTIN	VD-13554-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Chlorpheniramine maleate	BP2015	Supriya Lifescience Limited	A 5/2, Lote Pharshuram Industrial Area, M.I.D.C, Tal.-Khed, Dist.,-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India Tel: + 91 22 40332727 / 66942507	India
BRONCOCEF	VD-13555-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cephalexin monohydrate	USP38 BP2015	Lupin Limited □	Unit-1, 198-202 New Industrial Area No.2, Mandideep-462046, District : Raisen (MP) India / Tel: 91 7480 410800	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BRONCOCEF	VD-13555-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Bromhexine hydrochloride	BP2015	Shanghai Shengxin Medicine Chemical Co., Ltd	Room 701, Xiusen Building, 129 North Laiting Road, Jiuting Town, Songjiang Shanghai China.	China
CEPHALEXIN 500mg	VD-13556-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cephalexin monohydrate	BP2015	DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Sta. Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain Tel: 34 93 544 30 60	Spain
HAEDI-A	VD-13557-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Sodium chloride	USP39	Dominion Salt Limited	Lake Grassmere & S.I Refinery Kaparu Road, Marlborough New Zealand, PO Box 81, Seddon / Tel: 64 3 5757021	New Zealand
HAEDI-A	VD-13557-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Dextrose monohydrate	USP39 EP8 NF30	Roquette Freres S. A	1 Rue De La Haute Loge, 62136 Lestrem France Tel: 03 21 63 36 00	France

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LOMEDIUM	VD-13559-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Loperamide hydrochloride	USP38	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, VengalraoNagar, Hyderabad – 38, India	India
MEKOQUININ	VD-13561-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Quinine sulfate	BP2015	Vital Health Care Pvt Ltd.	Plot No. 1416-1241, 1507/1&2 & 1601, Phase III G.I.D.C Estate, Vapi- 396195, Gujarat State- India / Tel: +91 260 2424744/ 2400487	India
PARACETAMOL 325mg	VD-13562-10	17/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Paracetamol	BP2015	Anqiu Lu' an Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35 Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, China Tel: +86 -536-4386559	China
SORBITOL 5g	VD-13564-10	24/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Sorbitol	USP39 EP8 NF30	Roquette Freres S. A	1 Rue de la Haute Loge 62136 Lestrem- France Tel: 00 33 321 6336 00	France

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAMIN PP 500mg	VD-13565-10	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Nicotinamide	BP2015	Western Drugs Limited	F-271 (A), Mewar Induatrial Area, Madri, Udaipur 313003 (Raj), India / Tel: 91 294 2490976	India
Arbitol	VD-13566-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Arginine Thiazolidine Carboxylate	KPC IV	Ilshin Chemical Co., Ltd	287-2, Bugjeong- dong, Yang-san, Kyungnam, 626-110	Korea
Gasless 125mg	VD-13567-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Simethicone	USP 36	Eigenmann & Veronelli S.P.A.	Via della Mosa, 6, I- 20017 Rho (MI)- Italy	Italy
Kuplinko	VD-13571-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Lincomycin Hydrochloride	USP 36	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No. 1199 Jiaotong Road (West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province .	China
Kuplinko	VD-13571-10	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Lincomycin Hydrochloride	USP 36	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No.6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industry Zone, Zhejiang, (312369)	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Univixin	VD-13572-10	09/09/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Clopidogrel Sulfate	USP 36	Dr.Reddy's Laboratories Limited	Plot No. 137/138, Sri Venkateswara Co- Operative Industrial Estate, Bollaram, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, - 502325	India
Cefakid	VD-13576-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cephalexin monohydrate	EP 7.0→9.0	DSM Sinochem pharmaceutical Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Piligono Industrial Urvasa, Sta Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona	Spain
Pilafix	VD-13584-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Lamivudin	USP 35→39	Mylan Laboratories Limited (Unit-2)	Survey No. 10/42, Gaddapotharam Kazipally Industrial Area Medak District - 502319 Telangana	India
Pyme AM5 caps	VD-13587-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Amlodipin besylat	EP 7.0→9.0	Oman Chemicals & Pharmaceuticals L.L.C.	P.O. Box 436, Al Buraimi, P.C 512 Sultanate of Oman	India
PymeRoxitil	VD-13592-10	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Roxithromycin	EP 7.0→9.0	Zhejiang Zhenyuan Pharmaceutical Co., Ltd.	Paojiang Industrial Zone, Shaoxing City, Zhejiang Province	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pymetphage_850	VD-13594-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Metformin HCl	EP 7.0→9.0	Vistin Pharma AS	Fikkjebakke, Stuttlidalen 4, No- 3766 Sannidal	Norway
Pyzacar 25	VD-13595-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Losartan potassium	USP 35→39	Synergene Active Ingredients Pvt. Ltd,	lot No.59D, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Visakhapatnam District Andhra Pradesh	India
Pyzacar 25	VD-13595-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Losartan potassium	USP 35→39	Maprimed S.A .	Murguiondo 2011 - C1440 CNS Buenos Aires	Argentina
Pyzacar 50	VD-13596-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Losartan potassium	USP 35→39	Synergene Active Ingredients Pvt. Ltd,	lot No.59D, Jawaharlal Nehru Pharma City, Parawada, Visakhapatnam District Andhra Pradesh	India
Pyzacar 50	VD-13596-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Losartan potassium	USP 35→39	Maprimed S.A .	Murguiondo 2011 - C1440 CNS Buenos Aires	Argentina
Tiafo 1g	VD-13598-10	06/10/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefotiam hydroclorid	USP 35→39	Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd	174 Sirok - ro, Asan - si, Chungcheongnam - do	Korea

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Motella	VD-13600-10	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Retinol palmitate /acetate (Vitamin A)	ĐĐVN IV	Zhejiang Medicine Co., Ltd. Vitamin Factory	Address: North District D-11, Paojiang Industrial Zone, Shaoxing, Zhejiang, Post Code: 312071	China
MEDITEFAST	VD-13602-10	21/06/2017	Cty cổ phần TMDP Quang Minh	Fexofenadin hydroclorid	USP 35	VASUDHA PHARMA CHEM LIMITED	78A Vengal Nao Raga, Hyderabad - 38 Andhra Pradesh	India
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin A (Retinol palmitat)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln AG,	Switzerland
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin D3 (Colecalciferol)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln AG,	Switzerland
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin E (alpha - Tocoferol acetat)	USP38/EP8	BASF SE	Carl-Bosch-Str. 38, 67056 Ludwigshafen,	Germany
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Viatmin B1 mono (Thiamine nitrat)	BP2015/ USP38/ BP2013/ USP36	Jiangsu Brother Vitamins Co., Ltd	Marine Economic Development Zone Dafeng City, Jiangsu Province, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B2 (Riboflavin)	USP39	Chifeng Pharmaceutical Co Ltd	84 Yidong Street, HongShan District, Chifeng, Inner Mongolia,	China
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Viatmin C (Acid ascorbic)	USP38/BP20 15/EP8	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	20, Jiangshan RoadJingjiang CityJingjiang, 214500,	China
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin PP (Nicotinamid)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd gia công tại nhà máy Lonza Guangzhou Ltd	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288,	China
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Viatmin B5 (Calci pantothenat)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Dalry, Ayrshire, KA24 5JJ, Scotland, United Kingdom.	UK
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Ferrous fumarat	USP38	Jost Chemical Co.	8150 Lackland St. Louis, MO 63114, USA	USA
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Cupric sulfate (as Cupric sulfate pentahydrate)	NSX	Xilong Chemical Co., Ltd.	No. 2 Xilong Middle Street, Chaoshan Road, Shantou, Guangdog	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Zinc oxyd	BP2014	Chemetal SDN BHD	Lot 3880, Jalan Raya, Sungei Choh Industrial Area, 48000 Rawang, Selangor Darul Ehsan, □	Malaysia
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Potassium sulfat	NSX	Xilong Chemical Co., Ltd.	No. 2 Xilong Middle Street, Chaoshan Road, Shantou, Guangdong	China
Amorvita ginseng	VD-13603-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Magnesi (Magnesi oxyd)	USP34	American Pharmaceutical & Health Product Inc	2240 Stoney Point Farm RD, Cumming, GA 30041, USA.	USA
Dimenhydrinat	VD-13607-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Dimenhydrinate	BP 2013/EP8.0	Shanghai Wonder Pharmaceutical Co Ltd –China	No.2068 Jinzhang Road, Ganxixang Town, Jinshan District, Shanghai -	China
Thepara	VD-13609-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Paracetamol	ĐĐVN IV	Novacyl(Wuxi) Pharmaceutical Co., Ltd	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, JiangSu,	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Thepara	VD-13609-10	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Clorpheniramin maleat	EP8/BP2013	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial AreaM.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri - 415 722.Maharastra.	India
Cetecocenfast 60	VD-13622-10	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Fexofenadine HCl	USP 36	Sreekara Organics	Plot No. 159/A, S.V. Co-op. Ind. Estate, IDA Bollaman, Jinnaram Mdl., Medak Dist. -502 325, Telangana	India
Fexostad 60	VD-13624-10	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Fexofenadin hydrochloride	USP 37	Ind-Swift Laboratories Limited	Vill. Bhagwanpur, Barwala Road, Near Dera Bassi, Dist. S.A.S. Nagar (Mohali) Punjab	India
Misoprostol STADA 200 mcg	VD-13626-10	20/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Misoprostol HPMC dispersion	NSX	Piramal Healthcare UK Limited	Whalton Road, Morpeth, Northumberland, NE61 3YA	UK

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Becotarel	VD-13635-10	5/31/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Trimetazidine dihydrochloride	JP 13	Trichem Life Sciences Ltd	Plot No. K/57. MIDC. Tarapur. Taluka: Palghar, Dist: Thane (Maharashtra) - 401 506, .	India
Cetirizin	VD-13636-10	5/31/2017	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Cetirizine dihydrochloride	EP 7	Supriya Lifescience Ltd	207/208, Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai - 400063, Maharashtra,	India
Bustidin MR	VD-13640-10	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Trimetazidine hydrochloride	EP 6	Sochinaz Sa (A member Of The Bachem Group), Switzerland.	CP53 - CH-1895 Vionnaz- Switzerland	Switzerland
DEXAMETHASO N	VD-13681-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
SPASOVANIN	VD-13684-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Alverin citrat	EP 6	Yancheng ChemHome Chemmmical Co., Ltd.	No.10-1 Jianjiundonglu Yancheng, Jiangsu, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TADOLFEIN EXTRA	VD-13685-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 35	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	China
TADOLFEIN EXTRA	VD-13685-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Cafein	BP2013	Shangdong Xinhua Pharmaceutical., Ltd	No.14, Dongyi Road, Zibo, Shandong, China	China
VITAMIN C 250	VD-13686-10	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Acid ascorbic	ĐĐVN IV	SHANDONG LUWEI PHARMACEUTI CAL	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
SOLMUX BRONCHO	VD-13692-10	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Carbocisteine	EP 8.0	PharmaZell Private Ltd.	Plot No B5/B6 MEPZ, Tambaram Chennai 600045	India
Cao sao vàng TW3	V1429-H12-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Camphor	CP 2010	Fujian Green Pine Co., Ltd.	Huiyao Industry Park Jianyang Fujian	China
Cao sao vàng TW3	V1429-H12-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Menthol	BP 2013	Anhui Yinfeng Pharm. Co., Ltd.	D-Dist., Taihe Economic Development Zone, Anhui Province	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cao sao vàng TW3	V1429-H12-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Menthol	BP 2013	Sharp Global Limited	C-15 S.M.A Cooperative Industrial Estate, Delhi 110 033	India
Cao sao vàng TW3	V1429-H12-10	6/28/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Uống 3	Menthol	BP 2013	Jiangsu Dahua Pharm. Co., Ltd.	No. B-802 New Century City Garden, No. 71 Huaihai East Road Huaian, 223001	China
Auclanityl 1g	VD-11694-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Amoxicillin trihydrate	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., LTD.	No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China.	China
Auclanityl 1g	VD-11694-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Potassium Clavulanate With Avicel	EP 8.0	Lek Pharmaceuticals d.d, Penicillin Production Plant	Perzonalı 47, SI-2391 Prevalje, Slovenia	Slovenia
Auclanityl 625mg	VD-11695-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Amoxicillin trihydrate, compactd.	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., LTD.	No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China.	China
Auclanityl 625mg	VD-11695-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Potassium Clavulanate With Avicel	EP 8.0	Lek Pharmaceuticals d.d, Penicillin Production Plant	Perzonalı 47, SI-2391 Prevalje, Slovenia	Slovenia

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Clarithromycin 500mg	VD-11149-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Clarithromycin	USP 34	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	Wei Wu Road, Fine Chemical Zone, Shangyu, Zhejiang, China	China
Dexamethason 0,5mg (viên nang)	VD-11151-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Dexamethasone acetate	EP 6.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Dexamethason 0,5mg (viên nén dài màu vàng cam)	VD-11697-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Dexamethasone acetate	EP 6.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Diclofenac 75mg	VD-11698-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Diclofenac Sodium	USP 38	Henan Dongtai Pharm Co., Ltd	East changhong Road, Tangyin, Henan, China	China
Goldclor 250	VD-10404-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefaclor	USP 38	Lupin Limited	198-202 New Industrial Area No. 2, Mandideep-462046, District: Raisen [M.P] India.	India
Ibuprofen 400mg	VD-11701-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Ibuprofen	EP 7.0	BASF Chemical Company	Highway 77 South, Bishop, TX 78343 USA	USA
Paracetamol 500mg (nang đỏ/trắng)	VD-10405-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Paracetamol	USP 35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD.	No.35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, 262100, China	China
Prednisolon 5mg (nang)	VD-10406-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Prednisolone acetate	USP 35	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rutin C	VD-11704-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Rutin	NF 11	Shaanxi Melhe Biochemicals Co., Ltd	Room 10612, Lemon Mansion, No.1, South Laodong Road, Xi'an, Shaanxi 710077, China	China
Rutin C	VD-11704-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Ascorbic Acid	EP 8.0	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu (214500) P.R.China	China
Smeclife	VD-12368-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Diocetaheral Smectite	NSX	Zhejiang Sanding Technology Co., Ltd	No.187 Zhongxing Ave, Paojiang Industry Zone, Shaoxing city, Zhejiang Province, PRC	China
Spiramycin 1,5 M.IU	VD-11153-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Spiramycin base	EP 7.0	Wuxi Fortune Pharmaceutical Co., Ltd	No. 2 Rongyang 1st Road, Xishan Economic Zone, Wuxi City, Jiangsu Province, P. R. China	China
Tiamoxicilin 250	VD-11705-10	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Amoxicillin trihydrate	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., LTD.	No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tiphadeltacil (viên nén dài màu hồng)	VD-11161-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Dexamethasone acetate	BP 2010	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Tiphadeltacil (viên nén dài màu xanh lá)	VD-11163-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Dexamethasone acetate	BP 2010	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Tiphadeltacil (viên nén dài màu tím)	VD-11162-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Dexamethasone acetate	BP 2010	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Tipharan	VD-12369-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Metoclopramide Hydrochloride BP	BP 2014	Ipca Laboratories Limited	G - 6, M.I.D.C, Waluj, Aurangabad - 431 136, India	India
Vantomox 500	VD-11707-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Amoxicillin trihydrate	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., LTD.	No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China.	China
Vitamin B1 250mg	VD-11708-10	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Vitamin B1	USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., LTD	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-ARGININE HCL	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Histidine HCl H ₂ O	EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Methionine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Phenylalanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Threonine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Valine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	Glycine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Lysine HCl	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tryptophan	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Leucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Isoleucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Proline	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Serine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Alanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Aminoleban	VD-12656-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Cysteine HCl H2O	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tyrosine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Aspartic acid	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-GLUTAMIC ACID	EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Serine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Methionine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Histidine	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Proline	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Threonine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Phenylalanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Isoleucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Valine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Alanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Arginine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Leucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	Glycine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Lysine Acetate	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tryptophan	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Amiparen 5	VD-12657-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Cysteine	JP 17	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tyrosine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Aspartic acid	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-GLUTAMIC ACID	EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Serine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Histidine	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Proline	USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Threonine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Phenylalanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Isoleucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Valine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Alanine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Arginine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Leucine	JP 17, USP 38, EP 8	Shanghai Kyowa Amino Acid Co., Ltd, China	No. 158 Xintuan Road, Qingpu Industrial Zone, Shanghai 201707 China	China
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Lysine Acetate	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Methionine	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Tryptophan	JP 17, USP 38, EP 8	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Kidmin	VD-12659-10	31/10/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	L-Cysteine	JP 17	Kyowa Hakko Bio Co., Ltd, Japan	1-1 Kyowa Cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522-Japan	Japan
Glucose 10%	Vietnam VD- 12014-10	30/05/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	Dextrose anhydrous	USP 38	CSPC Shengxue Glucose Co.LTD - China	No. 48 Sheng Xue Road, Luan Cheng County, Shi Jia Zhuang City, He bei Province, China	China
Alphachymotrypsin (10mg)	VD-10362-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Chymotrysin	USP 35	Beijing Geyuantianrun Bio-Tech Co., Ltd	No 3 Tianfu road, Daxing Bio-medicine Industry park, Beijing, China.102609	China
Magnesi B6	VD-11141-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Pyridoxin HCl	USP 34	Hubei Huisheng Pharmaceutical Co., Ltd	Xianning, Hubei, China	China
Co-Lutem Force	VD-10369-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Lumefantrine	CP 2010	Zhejiang Wantai Chemical Pharmaceutical Co., Ltd	Yufeng Village ,Chunjiang Industrial District Fuyang, Hangzhou City, Zhejiang Prov., China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Colocol suppo 300	VD-10368-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Paracetamol Ph Eur micronized	USP 36/ EP 7	MALLIN CKRODT INC - USA	Raleigh plant 8801 Capital Boulevard raleigh , NC 27616 USA	USA
Lipirate 160	VD-10374-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Fenofibrate micronized	E.P 8/BP 2013	China Jiangsu international economic and technical cooperation group, Ltd	9F, Gold Eagle Hanzhong New Building, No.1 Hanzhongmen street, Nanjing, China	China
Fastgynax	VD-10371-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Nystatin	USP 35	Antibiotice	Str. Vaea Lupului nr.1, Iasi 707410, Romania	Romania
Fastgynax	VD-10371-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Neomycin sulfat	USP 37/38	Sichuan Long March Pharmaceutical Co., Ltd	448 Changqing Road,Leshan, Sichuan,61400,P.R. China	China
Co-Lutem paediatric	VD-10370-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Lumefantrine	CP 2010	Zhejiang Wantai Chemical Pharmaceutical Co., Ltd	Yufeng Village ,Chunjiang Industrial District Fuyang, Hangzhou City, Zhejiang Prov., China	China
Gastrolium	VD-12928-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Activated Attapulgate	BP 2012	Hangzhou medicine industrial investment Co., Ltd	1002, Huahong Mansion, No.1 Building, 238 Tianmushan road, Hangzhou, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gastrolium	VD-12928-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Aluminium hydroxide magnesium carbonate co-dried gel (type-II regular)	NSX	Taurus chemicals Ltd	Plot No.133, S.V. Co- op, Industrial Estate, I.D.A., Bollaram - 502 325 Medak District, Telangana, India	India
Femecare	VD-13489-10	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Povidon iod	USP 36	G.Amphray Laboratories	Sambhava Chambers,4th Floor, Ballard Estate, Sir Phirozshah Mehta Road, Borabazar Precinct, Fort, Mumbai, Maharashtra 400001, India	India
Rmekol extra	VD-13490-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Paracetamol	BP 2013/ 2014	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North road, Anqiu, Shandong, China	China
Rmekol extra	VD-13490-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Loratadin	USP 32	Morepen laboratories Limited	4th Floor, Antriksh Bhawan, 22K, G, Marg, New Delhi, India	India
Rmekol extra	VD-13490-10	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Dextromethorphan HBr	USP 35	Wockhardt Limited	GIDC Estate, Ankeshwar-393 002 Dist, Bharuch, Gujarat, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitrex 16mg	VD-13493-10	27/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Chlohexidin bigluconat	EP 7.0/8.0	Shaaxi Dasheng Pharmaceutical Tech Co., Ltd	F9 of Jiezuo Square, No.2 South Fenghui Rd., Xi'an Hi-tech Industrial Developing zone, Xi'an, China	China
MORCINA	VD-12552-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Fluocinolone acetonid	NSX	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co.,Ltd(China)	No.19,Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area(TEDA), Tianjin, China	China
ALDOZEN	VD-12546-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Alphachymotrypsin	USP 35-->38	Shanghai Linzyme Biosciences Ltd- China	666-7 Minshen Rd, SongJiang Industrial Zone, Shanghai, Shanghai 201612, China	China
PENTINOX	VD-12554-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Albendazole	USP 36-->38	K A Malle Pharmaceuticals Limited	krishanadham Is raheja township 400 097, Laxman Dash Raheja Marg, Mumbai, Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ARTHAMIN	VD-10669-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Meloxicam	EP 7.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co.,Ltd.	No 9, Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou,Zhejiang, China. Tel: +86-21- 62896101-815; Fax: +86-21-62510921	China
DOSPIRIN	VD-12548-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Aspirin	USP38	NOVACYL (THAILAND) LIMITED.	321 Bangpoo Industrial Estate, Moo 4, Sukhumvit Road, Praeksa, Muang, Samutprakam 10280, Thailand.Tel: + 66 2324 0024 – Fax: + 66 2324 0500	Thailand
TIMMAK	VD-10672-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Dihydroergotamin mesylat	USP34/ EP7.8	Euticals S.P.A	Viale Milano, 86/88- 26900 Lodi(LO) Italy. Tel: +39 0371 49 021; Fax: +39 0371 610019.	Italy
MYPARA 650	VD-11267-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Paracetamol	BP2012	ANQUI LU'AN PHARMACEUTI CAL CO.,LTD	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MEPROSTAT	VD-12551-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Clopidogrel bisulfat	USP34	Smilax Laboratories Limited	Plot No. 12/A, Unit-I, Phase-III, IDA, Jeedimetla, Hyderabad, Telangana 500055	India
ENROFET	VD-13095-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Nabumeton	NSX	PKU Heathcare Corp., LTD- China	Cuntan , Jiangbei District Chongsing , PR China	China
EUGINTOL NATURE	VD-13096-10	02/06/2017	Công ty CP SPM	Eucalyptol	NSX	Tien Yuan Chemical(PTE) Ltd.	No 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827.	Singapore
NABUMETON	VD-13097-10	2/07/2017	Công ty CP SPM	Nabumeton	NSX	PKU Heathcare Corp., LTD- China	Cuntan , Jiangbei District Chongsing , PR China	China
DEXAMETHASO NE	VD - 12443 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Dexamethasone sodium phosphate	USP38/ USP39/ EP7/ EP8/ BP2014/ BP2015	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No 1 Xianyao Road, Xianju, Taizhou, Zhejiang	China
DEXAMETHASO NE	VD - 12443 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Dexamethasone sodium phosphate	USP38/ USP39/ EP7/ EP8/ BP2014/ BP2015	Maharshi Pharma Chem Private Limited	Block No. 203, Aso- Alindra Road, PO. Alindra-387510, Tal- Matar, Dis- Kheda	India
DICLOFENAC	VD - 12991 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Diclofenac sodium	BP2013/ BP2014/ BP2015	Henan Dongtai Pharmaceutical Co., Ltd	East Changhong Road, Tangyin County, Anyang City	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LINCOMYCIN 600mg	VD - 12997 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Lincomycine Hydrochloride (Lincomycine HCL)	EP7.0/ EP7.3/ EP8.0	NANYANG PUKANG PHARMACEUTI CAL CO., LTD	NO.143 GONGYE ROAD NANYANG HENAN PROVINCE	China
LINCOMYCIN 600mg	VD - 12997 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Lincomycine Hydrochloride (Lincomycine HCL)	EP7.0/ EP7.3/ EP8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.1199, Jiaotong Road, Yicheng District, Zhumadian, Henan Province	China
NOVOCAIN 3%	VD - 13002 - 10	18/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Procaine hydrochloride (Procaine HCL)	USP36/ USP38/ EP6.0/ EP7.0	Chongqing Southwest No.2 Pharmaceutical Factory Co., Ltd.	The Industrial Park of Degan Chongqing	China
VINCOZYN	VD - 12445 - 10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Thiamin hydrochloride	USP37/EP7	DSM Nutrition Products GmbH	Postfach 1145 D-79 629 Grenzach-Wyhlen	Germany
VINCOZYN	VD - 12445 - 10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Thiamin hydrochloride	USP37/ USP38/ EP7/EP8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
VINCOZYN	VD - 12445 - 10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Riboflavin 5'- phosphat sodium	USP37/EP8	DSM Nutritional Products France SAS	BP 170 F-68 305 Saint-Louis Cedex	France
VINCOZYN	VD - 12445 - 10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Niacinamide	USP37/EP9	DSM Nutrition Products Ltd	Branch Site Sisseln Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln	Switzerland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VINCOZYN	VD - 12445 - 10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	D-Panthenol	USP37/EP7	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Dairy Ayrshire Scotland	UK
VINCOZYN	VD - 12445 - 10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)	BP2013/ BP2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
VITAMIN K	VD - 13014 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Menadione sodium bisulfite (Vitamin K3)	CP2010/ CP2015	Anhui Wanhe pharmaceutical Co.,Ltd.	Yangcun Industry Park, Tianchang, Anhui Province	China
ADRENALIN	VD - 12988 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Adrenaline	EP7.0/EP8.0	Wuhan Wuyao Pharmaceutical Co., Ltd	No.5, Gutian Road, Qiankou District, Wuhan City, Hubei Province	China
VINZIX	VD - 12993 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Furosemide	USP37/ USP39/ EP8.0/ EP8.3	FIS - Fabbrica Italiana Sintetici S.p.A	Viale Milano, 26- 36075 Alte di Montechio Maggiore- Vicenza	Italy
VINZIX	VD - 12993 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Furosemide	EP6.0/ EP7.0/EP8.0	Chemo S.A. Lugano Branch	Via F. Pelli 17, P.O. Box, CH-6901 Lugano, Switzerland	Switzerland
VINPHYTON	VD - 12444 - 10	07/11/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Phytomenadione (Vitamin K1)	USP37/ USP38/ EP7/ EP8	DSM Nutrition Products Ltd	Branch Site Sisseln Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln	Switzerland
NIKEPHA	VD - 13001 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Nikethamide	BP2013/ BP2015/ BP2016	Process Chemicals Co	B 8&9, Behala Industrial, Estate, Kolkata -700 060	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VINCOLIN	VD - 13007 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Citicolin sodium salt	NSX	Virdev Intermediate Pvt. Ltd	Block No. 46-47, Plot No.2, Moje Palsana, Dist.Surat-394 315	India
VINCOLIN	VD - 13007 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Citicolin sodium salt	NSX	Euticals S.P.A	Via Valverde, 20/22 21100 - Varese	ITALY
CAMMIC	VD - 12989 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Tranexamic Acid	BP2013/ BP2014/ BP2015	Changzhou Yinsheng Pharmaceutical Co., Ltd	Weitang Chemical Zone, Xinbei District, Changzhou, Jiangsu Province, 213033, P.R.C	China
CAMMIC	VD - 12989 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Tranexamic Acid	BP2014/ BP2015/ EP7/ EP8	Hunan Dongting Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 16 Dongyan road, Deshan, Changde City, Hunan Province	China
VINPHATOXIN	VD-13532-10	25/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Oxytocin (complies with CEP)	EP8	Joint Stock Company "Grindeks"	53 Krustpils Street, Riga, LV-1057	Latvia
VINPHACETAM	VD - 13009 - 10	24/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Piracetam	EP7/ EP8	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co., ltd	NO.58 ,CHANGXI ROAD JINGDEZHEN CITY, JIANGXI	China
VINTRYPSINE	VD - 10526 - 10	25/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Alpha chymotrypsin	USP36/ USP37/ USP38	Faizyme Laboratories	P.O Box 24156 Lansdowne 7779 Cape Town	South Africa

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VINTRYPINE	VD - 10526 - 10	25/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Alpha chymotrypsin	USP36/ USP37/ USP38	Beijing Geyuan Tianrun Bio-tech Co., Ltd.	No.3 Tianfu Road, Daxing Bio-Medicine Industry Park, Beijing, China	China
CAMPHORA	VD - 13531 - 10	25/7/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Sodium Camphorsulfonate	NSX	Nanyang Tianhua Pharmaceutical Co., Ltd	Wangcun, Wolong district, Nanyang, Henan province	China
STRYCHNIN SULFAT	VD - 13006 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Strychnine sulphate	BPC59/ NSX	Hindustan Chemicals & Pharmaceuticals	L. B. S. Road, Bhandup West, Mumbai - 400078, Maharashtra	India
STRYCHNIN SULFAT	VD - 13006 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Strychnine sulphate	BPC59/ NSX	Shakun Enterprises Pvt. Ltd	B-82, New industrial estate, Phase-II, Jagatpur, Cuttack- 754 021 (Orissa)	India
OUABAIN	VD - 13003 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	OUABAIN (G- Strophanthin) Octahydrate	EP6/ EP7/ EP8	REFORM Italia srl	Via Giorgio Paglia, 33 – Piangaiano – I- 24060 ENDINE (Bergamo)	Italy
PROPARA	VD - 13005 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Paracetamol	USP37/ USP38/ USP39	Mallinckrodt Inc, Raleigh plan	8801 Capital Boulevard Ralieggh NV 27616-3116 USA	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PROPARG	VD - 13005 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Lidocaine Hydrochloride (Lidocaine HCL)	USP37/ USP38/ USP39	Gufic Bioscience Limited	N.H.No.8, Near Grid, Al & Po.Kabilpere 396 424. Navsar, Gujarat	India
PROPARG	VD - 13004 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Paracetamol	USP37/ USP38/ USP39	Mallinckrodt Inc, Raleigh plan	8801 Capital Boulevard Ralieggh NV 27616-3116 USA	USA
PROPARG	VD - 13004 - 10	24/5/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Lidocaine Hydrochloride (Lidocaine HCL)	USP37/ USP38/ USP39	Gufic Bioscience Limited	N.H.No.8, Near Grid, Al & Po.Kabilpere 396 424. Navsar, Gujarat	India
ACYCLOVIR BOSTON 200	VD-10107-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Acyclovir	USP 36, USP 37, USP 38	Zhejiang Charioteer Pharmaceutical Co., Ltd.	Tongyuanxi, Dazhan, Xianju, Zhejiang Province, 317321, P.R. China	China
CALCIUMBOSTO N 500MG	VD-12793-10	30/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Calcium lactate gluconate	NSX	Jungbunzlauer Ladenburg GmbH	Dr. Albert-Reimann- Straße 18, 68526 Ladenburg, Germany	Germany
CALCIUMBOSTO N 500MG	VD-12793-10	30/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Calcium carbonate	USP 38	Konoshima Chemical Co., Ltd.	1-3-15, Azawa, Nishi- ku, Osaka, 550-0011, Japan	Japan
CETIRIZIN BOSTON	VD-10990-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Cetirizine dihydrochloride	EP 7.0, EP 8.0	Supriya Lifescience Ltd.	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregoan [E], Mumbai – 400 063, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
COVAPRIL 4	VD-10108-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Perindopril tert- butylamine	EP 7.0, EP 8.0	Jiangsu Yongda Pharmaceutical Co., Ltd.	No.5 North Gangqu Road, Chunjiang Town, New North Area, Changzhou City, Jiangsu, China	China
CRESTINBOSTO N 10	VD-11525-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Rosuvastatin calcium	NSX	Morepen Laboratories Ltd.	409, Antriksh Bhawan, 22 Kasturba Gandhi Marg, New Delhi - 110001, India	India
MAGNE-B6 BOSTON	VD-11527-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Pyridoxine hydrochloride	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	DSM Nutritional Products AG	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Switzerland
MAGNE-B6 BOSTON	VD-11527-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Pyridoxine hydrochloride	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang, China	China
MOTIBOSTON	VD-12794-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Domperidone maleate	BP 2012, BP 2013, BP 2014	Vasudha Pharma Chem Ltd.	78 / A, Vengalrao Nagar, Hyderabad - 500038. Telangana State, INDIA	India
MOTIBOSTON	VD-12794-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Domperidone maleate	BP 2012, BP 2013, BP 2014	Sri Krishna Pharmaceutical Ltd.	C-4, Industrial Area, Uppal, Hyderabad, Telangana 500039, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NALIGRAM	VD-12222-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Nalidixic acid	BP 2011, BP 2012, BP 2013, BP 2014	Elixir Pharma	16 4-A, Phase II, Opp. Lathiya Industries, GIDC, Naroda, Ahmedabad, Gujarat - 382330, India	India
PARALMAX 500 CAPS	VD-10110-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Anqui Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqui, Shandong, China	China
PARALMAX	VD-10995-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Anqui Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqui, Shandong, China	China
PREDNISOLON BOSTON 5	VD-13344-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Prednisolone	EP 7.0, EP 8.0	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1, Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
SPASMABOSTON	VD-13345-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Alverine citrate	EP 7.0, EP 8.0	Procos S.p.A	via G. Matteotti, 249 - 28062 Cameri (Novara) - Italy	Italy
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Dry vitamin A - palmitate 500	EP 7.0, EP 8.0	BASF A/S	Stadsgraven 15, DK- 2300, Copenhagen, Denmark	Denmark
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Ascorbic acid	EP 7.0, EP 8.0	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd.	No.20, Jiangshan Road, Jingjiang City, Jingjian - 214500, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Ascorbic acid	EP 7.0, EP 8.0	Shandong Luwei Pharmaceutical Co., Ltd.	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo, 255000, China	China
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Dry vitamin E - acetate	EP 7.0, EP 8.0	BASF A/S	Stadsgraven 15, DK- 2300, Copenhagen, Denmark	Denmark
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Dry vitamin E - acetate	EP 7.0, EP 8.0	DSM Nutritional Products AG	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Switzerland
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Thiamine nitrate	USP 36, USP 37, USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang, China	China
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Thiamine nitrate	USP 36, USP 37, USP 38	DSM Nutritional Products AG	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Switzerland
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Riboflavin sodium phosphate	USP 36, USP 37, USP 38	Supriya Lifescience Ltd.	207/208 Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregoan [E], Mumbai – 400 063, India	India
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Pyridoxine hydrochloride	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	DSM Nutritional Products AG	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Switzerland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Pyridoxine hydrochloride	USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang, China	China
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Nicotinamide	BP 2013, BP 2014/ EP 7.0, EP 8.0	Western Drugs Ltd.	321, Tantia-Jogani Ind. Prem. Co-Op. Soc. Ltd., Sitaram Mills Compound, J.R. Boricha Marg, Mumbai- 400 011 (Maharashtra), INDIA.	India
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Nicotinamide	BP 2013, BP 2014/ EP 7.0, EP 8.0	DSM Nutritional Products Asia Paciffic	30 Pasir Panjang Road, #13-31, Singapore - 117440	Singapore
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Calcium pantothenate	USP 36, USP 37, USP 38	DSM Nutritional Products (UK) Ltd.	Unit 41, Delves Road, Heanor Gate Industrial Estate, Heanor, DE75 7SG, UK	UK
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Calcium pantothenate	USP 36, USP 37, USP 38	Xinfa Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Tongxing Road, Kenli County, Dongying City, Shandong Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Folic acid	USP 36, USP 37, USP 38	DSM Nutritional Products AG	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst, Switzerland	Switzerland
VITAR MULTIVITAMIN	VD-10996-10	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Folic acid	USP 36, USP 37, USP 38	Xinfa Pharmaceutical Co., Ltd.	No.1 Tongxing Road, Kenli County, Dongying City, Shandong Province, China	China
Becamlofin	VD-13261-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Amlodipine besilate	EP 7.0	Cadila pharmaceutical Limited	294, G.I.D.C., Estate Ankleshwar – 393 002 Gujarat, India	India
Lessenol 500	VD-13263-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	USP 35	Mallinckrodt Inc.	No 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Lessenol Extra	VD-13264-10	09/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	USP 35	Mallinckrodt Inc.	No 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Lessenol Extra	VD-13264-10	09/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Caffeine	EP 7.0	Shandong Xinhua pharmaceutical Co., Ltd	No. 14, Dongyi Road, Zibo, Shandong, China	China
Piracetam 400	VD-13265-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Piracetam	EP 7.0	Northeast pharmaceutical group Co., Ltd	37 Zhonggong Bei Street, Tiexi District, Shengyang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lansoprazol	VD-13262-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Pellet Lansoprazole 8,5%	NSX	Smilax Laboratories Limited	Plot No. 12A, Phase – III, I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad - 500 055, Telangana, India.	India
Becaspira 3.0MUI	VD-9962-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Spiramycin	EP 7.0	Wuxi-fortune pharmaceutical Co., Ltd	No. 2 Rongyang 1 st Road, Xishan Economic Zone, Wuxi city, Jiangsu Province, China	China
Clazidyne	VD-9964-10	09/04/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Loratadine	USP 34	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengalrao Nagar, Hyderabad – 500038, Telangana State, India	India
Dexamethason	VD-9965-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dexamethasone acetate	USP 36	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	No.19, XINYE 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area (TEDA), Tianjin, China	China
Morif 7,5mg	VD-9966-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Meloxicam	BP 2013	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	No.9, Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ecaxan	VD-10916-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	BP 2012	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Sandong, China	China
Ecaxan	VD-10916-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Ibuprofen	USP 36	BASF Chemical Company	100 Park Avenue, Florham Park, NJ 07932 USA	USA
Magnesium - B6	VD-10917-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Vitamin B6	USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China.	China
Paracetamol 500mg (tím hồng)	VD-10918-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	BP 2012	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Sandong, China	China
Paracetamol 500mg (tím tím)	VD-10919-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	BP 2012	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Sandong, China	China
Potazamine	VD-10920-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dexchlorphenirami ne maleate	USP 35	Nivedita Chemical Pvt. Ltd.	A-14, MIDC, Andheri (East), Mumbai - 400093 Maharashtra, India.	India
Dexamethson (kem)	VD-11421-10	09/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dexamethasone acetate	USP 36	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	No.19, XINYE 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area (TEDA), Tianjin, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dexamethson (vàng)	VD-11420-10	09/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dexamethasone acetate	USP 36	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	No.19, XINYE 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area (TEDA), Tianjin, China	China
Becadom	VD -11419-10	09/04/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Domperidone maleate	BP 2012	Vasudha Pharma Chem Limited	78/A, Vengalrao Nagar, Hyderabad – 500038, Telangana State, India	India
Pyomezol	VD-11422-10	09/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Pellet Omeprazole 8,5%	NSX	Sainor Pharma Pvt. Ltd	Plot No. 31, Phase-V, I.D.A, Jeedimetla, Hyderabad – 500055, A.P., India.	India
Cames Ditol 500mg	VD-10915-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Citicoline sodium	CP 2010	Suzhou Tianma Specialty Chemicals Co., Ltd	No. 122 Xuquing Road, Xuguan Town, Suzhou, Jiangsu, China	China
Morif 15mg	VD-12165-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Meloxicam	BP 2013	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	No.9, Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lessenol 325	VD -12164-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	BP 2012	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Sandong, China	China
Beroxib	VD-12159-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Celecoxib	USP 36	Aarti Drugs Limited	Plot No. N- 198, M.I.D.C., Tarapur, Village –Pamtembhi, Taluka & Dist. Palghar – 401506, Maharashtra, India	India
Robestatine	VD-12166-10	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Rosuvastatin calcium	NSX	Morepen Laboratories Limited	409, Antriksh Bhawan, 22 Kasturba Gandhi Marg, New Delhi - 110 001	India
Duoventri H.pilori kits	VD-11099-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lansoprazol	NSX	entia Healthcare Pvt.	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C, Ambernath (East) – 421506, Dist Thane.	India
Duoventri H.pilori kits	VD-11099-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lansoprazol	NSX	Themis Labs	F1, Additional Ambernath, MIDC, Ambernath (East), Dist. Thane - 421506, India	India
Duoventri H.pilori kits	VD-11099-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	TEVA API	Via Terrazzano, 77- RHO (MI), Italy	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Duoventri H.pilori kits	VD-11099-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No 6,Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang, China	China
Cefalox 100	VD-12108-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Celecoxib	BP 2013	Kekule Pharma	A-4, Madhura Nagar Colony, S.R.Nagar Post, Hyderabad - 500 038 Andhra Pradesh, India	India
Cefalox 100	VD-12108-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Celecoxib	BP 2013	Aarti Drugs Limited	Mahendra Industrial Estate, Ground Floor, Plot No.109-D, Road No.29, Sion (East), Mumbai – 400 022, India.	India
Cefalox 200	VD-12109-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Celecoxib	BP 2013	Kekule Pharma	A-4, Madhura Nagar Colony, S.R.Nagar Post, Hyderabad - 500 038 Andhra Pradesh, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefalox 200	VD-12109-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Celecoxib	BP 2013	Aarti Drugs Limited	Mahendra Industrial Estate, Ground Floor, Plot No.109-D, Road No.29, Sion (East), Mumbai – 400 022, India.	India
Zivastin	VD-10333-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Betahistin dihydroclorid	USP 35/NF30	Sinochem Jiangsu Co., Ltd	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Ostebon Plus	VD-10323-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alendronat natri	USP 35/NF30	Cadila Pharmaceuticals Limited	294, G.I.D.C. Estate, Ankleshwar – 393 002, Gujarat, India.	India
Ostebon Plus	VD-10323-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alendronat natri	USP 35/NF30	JPN Pharma Pvt. Ltd	T108/109, Midc, Tarapur, Boisar, Dist. Thane- 401 506, Maharashtra	India
Ostebon Plus	VD-10323-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alendronat natri	USP 35/NF30	Hetero Drugs Limited	S.Nos. 213, 214 & 255, Bonthapally Village, Jinaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ostebon Plus	VD-10323-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Colecalciferol	EP 7	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Ibrafen	VD-10306-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ibuprofen	EP 7	Shandong Xinhua	East Chemical Zone of High & New Technology Development Zone, Zhangdian District, Zibo, Shandong, China	China
Ibrafen	VD-10306-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ibuprofen	EP 7	BASF	Highway 77 south, Bishop, TX 78343 USA.	USA
BabyGaz™	VD-10294-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Simethicon	USP 31/NF26	Rhodia/France	40 Rue De La Haie COQ, 93306 Aubervilliers Cedex, France	France
BabyGaz™	VD-10294-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Simethicon	USP 31/NF26	Basildon Chemical Company Limited	Kimber Road Abingdon Oxfordshire OX14 1RZ United Kingdom	UK
Ameproxen 220	VD-10288-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Naproxen Natri	USP 35/NF30	Teva Pharmaceutical Fine Chemicals S.r.l.	Via Briantea km 36, nr. 83 – 23892 Bulciago, Italy	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ameproxen 220	VD-10288-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Naproxen Natri	USP 35/NF30	Divi's Laboratories Lim	UNIT-2, Chippada Village, Annaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh – 531 162,	India
Ameproxen 550	VD-10289-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Naproxen Natri	USP 35/NF30	Teva Pharmaceutical Fine Chemicals S.r.l.	Via Briantea km 36, nr. 83 – 23892 Bulciago, Italy	Italy
Ameproxen 550	VD-10289-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Naproxen Natri	USP 35/NF30	Divi's Laboratories Limited	UNIT-2, Chippada Village, Annaram Post, Bheemunipatnam Mandal, Visakhapatnam District, Andhra Pradesh – 531 162,	India
Sinlumont 4	VD-11105-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Natri montelukast	BP 2013	Vitalife Laboratories	Village Pathreti, Bilaspur Tauru Road, Dist. Gurgaon, Haryana 122 001, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Sinlumont 4	VD-11105-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Natri montelukast	BP 2013	Hetero Drugs Limited	S.Nos. 213, 214 & 255; Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh, India	India
Sinlumont 5	VD-11106-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Natri montelukast	BP 2013	Vitalife Laboratories	Village Pathreti, Bilaspur Tauru Road, Dist. Gurgaon, Haryana 122 001, India	India
Sinlumont 5	VD-11106-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Natri montelukast	BP 2013	Hetero Drugs Limited	S.Nos. 213, 214 & 255; Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh, India	India
Fecotex 90	VD-12326-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Etoricoxib	NSX	Glenmark/ India	141-143, 160-165, 170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat Maryadit, Pune-Hyderabad Highway, Mohol -413 213. Dist.Solapur, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fecotex 90	VD-12326-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Etoricoxib	NSX	Cadila Healthcare Limited	291, G.I.D.C, Industrial Estate, Ankleshwar – 393 002, Gujarat (India).	India
Salbucare Plus	VD-10327-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Guaifenesin	EP 6	Synthokem Labs Private Limited (Unit – II)	Plot No. 222 to 224 & 235 to 237, Phase-II, IDA Pashamylaram – 502319, Medak Dist., India	India
Salbucare Plus	VD-10327-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Guaifenesin	EP 6	Granules India Limited	15A/1, Phase III, I.D.A. Jeedimetla, Hyderabad – 500 055, India	India
Betablokol 5.0	VD-10298-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Bisoprolol fumarat	USP 31/NF26	Harman Finochem Ltd	E-7, E-8, E-9, M.I.D.C, Industrial area, Chikal Thana, Aurangabad, India	India
Glucoform 500	VD-10305-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Metformin hydroclorid	BP 2012	Auro Laboratories Limited	K-56 MIDC, Tarapur, Dist. Thane, Maharashtra -401 506 India	India
Glucoform 500	VD-10305-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Metformin hydroclorid	BP 2012	Indoco Remedies limited	166 C.T.Road, Santacruz (East), Mumbai- 400 098	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amebismo	VD-10284-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Bismuth subsalicylat	EP 7	5N Plus Lubeck GmbH	Kaninchenborn 24-28, 23560 Lubeck, Germany.	Germany
Irbesartan OPV 75	VD-11088-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Irbesartan	BP 2013	CTX Lifesciences Private Limited	Block No. 251252, Sachin Magdalla Road, GIDC, Sachin Surat - 395 023, Gujarat, India.	India
Calcimax	VD-11643-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci ascorbat	USP 35/NF30	Hebei Welcome Pharmaceutical Co.,Ltd	No. 11, Zhaiying North Street, Shijiazhuang, Hebei Province	China
Calcimax	VD-11643-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci ascorbat	USP 35/NF30	Aland (Jiangsu)	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu- 214500, P.R. China	China
Calcimax	VD-11643-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lysin hydroclorid	USP 35/NF30	Shijiazhuang Shixing Amino Acid Co.,Ltd	No.260-1, Heping Donglu, Shijiazhuang, P.R. China	China
Calcimax	VD-11643-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ascorbic	EP 6	Shandong Luwei Pharmaceutical Co.,Ltd	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo Shandong, China	China
Calcimax	VD-11643-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ascorbic	EP 6	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Drakemyre Dalry KA24 5JJ United Kingdom	UK

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vedicard 3.125	VD-11663-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Sinochem Jiangsu	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Vedicard 3.125	VD-11663-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Hetero Drugs Limited	Bonthapally (Village), Jinnaram (Mandal), Medack (district), Telangana (Ấn Độ)	India
Vedicard 25	VD-11109-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Sinochem Jiangsu	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Vedicard 25	VD-11109-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Hetero Drugs Limited	Bonthapally (Village), Jinnaram (Mandal), Medack (district), Telangana (Ấn Độ)	India
Vedicard 6.25	VD-11110-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Sinochem Jiangsu	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vedicard 6.25	VD-11110-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Hetero Drugs Limited	Bonthapally (Village), Jinnaram (Mandal), Medack (district), Telangana (Ấn Độ)	India
Vedicard 12.5	VD-11108-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Sinochem Jiangsu	Floors 21&22, Jin Cheng Tower, No. 216 Middle Longpan Road, Nanjing 210002, P.R.China	China
Vedicard 12.5	VD-11108-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Carvedilol	EP 7	Hetero Drugs Limited	Bonthapally (Village), Jinnaram (Mandal), Medack (district), Telangana (Ấn Độ)	India
Rabera 20mg	VD-11104-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri □	NSX	Themis Laboratories Private Limited	A-131, Road No. 23, Therelek Compound, Wagle Industrial Estate Thane - 400604, Maharashtra	India
Rabera 20mg	VD-11104-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri □	NSX	Zeon-Health Industries	101, Sai Siddhi Bldg., Sector-3 H, Near Airoli Bus Depot, Airoli, Navi Mumbai – 400708, Maharashtra, India/Ấn Độ.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ascarantel 6	VD-11080-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ivermectin	EP 7	Taizhou Tianrui Pharmaceutical Co. Ltd	Bajyunshan South Road, Yiaojiang, Taizhou, Zhejiang, China	China
Ascarantel 6	VD-11080-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ivermectin	EP 7	Iffect chemphar Co., Ltd	Suite A2, 15/F Hillier Comm BLDG, 65-67 Bonham Strand East, Sheung Wan, Hongkong, P.R.China.	China
Lodimax 5	VD-11090-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Amlodipin besylat	EP 7	Malladi Drugs & Pharmaceuticals Limited	7B & 7C, Sipcot Industrial Complex, Ranipet – 632 403, Vellore Dist. Tamil Nadu, India.	China
Lodimax 5	VD-11090-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Amlodipin besylat	EP 7	Cadila Pharmaceuticals Limited.	294, Gide Estate, Ankleshwar, India	India
OpeAzitro 500	VD-11098-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Azithromycin dihydrat	EP 5	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No 6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang, China	China
OpeAzitro 500	VD-11098-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Azithromycin dihydrat	EP 5	Shanghai Modern Pharmaceutical Co.Ltd	No 378 JianLu Road, Pudong New Area, Shanghai, China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glucoform 850	VD-11086-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Metformin hydroclorid	BP 2012	Indoco Remedies limited	166 C.T.Road, Santacruz (East), Mumbai- 400 098	India
Glucoform 850	VD-11086-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Metformin hydroclorid	BP 2012	Auro Laboratories Limited	K-56 MIDC, Tarapur, Dist. Thane, Maharashtra -401 506 India	India
Opeclari 250	VD-11654-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	TEVA API	Via Terrazzano, 77- RHO (MI), Italy	Italy
Opeclari 250	VD-11654-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No 6,Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang, China	China
Rabera 10mg	VD-11660-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri □	NSX	Themis Laboratories Private Limited	A-131, Road No. 23, Therelek Compound, Wagle Industrial Estate Thane - 400604, Maharashtra	India
Rabera 10mg	VD-11660-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Hạt bao tan trong ruột Rabeprazol natri 6,25% (kl/kl)	NSX	Zeon-Health Industries	101, Sai Siddhi Bldg., Sector-3 H, Near Airoli Bus Depot, Airoli, Navi Mumbai – 400708, India	India
Macrolacin 250	VD-11649-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	TEVA API	Via Terrazzano, 77- RHO (MI), Italy	Italy

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Macrolacin 250	VD-11649-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No 6,Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang, China	China
Macrolacin 500	VD-11650-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	TEVA API	Via Terrazzano, 77- RHO (MI), Italy	Italy
Macrolacin 500	VD-11650-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clarithromycin	EP 6	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No 6,Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang, China	China
Padolgin	VD-11103-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Padolgin	VD-11103-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Padolgin	VD-11103-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Cafein	EP 6	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co, Ltd	East Chemical Zone of High & New Technology Development Zone, Zhangdian District, Zibo, Shandong, China	China
Prazex	VD-12336-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lansoprazol	NSX	Themis Labs	F1, Additional Ambernath, MIDC, Ambernath (East), Dist. Thane - 421506, India	India
Prazex	VD-12336-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lansoprazol	NSX	Inventia Healthcare Pvt,Ltd	F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C, Ambernath (East) – 421506, Dist Thane.	India
Melic 7.5	VD-11651-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Meloxicam	BP 2008	Anant Pharmaceuticals Pvt Ltd	W57/A Near Police, Anand Nagar, Ambernath, Maharashtra 421506, India	India
Melic 7.5	VD-11651-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Meloxicam	BP 2008	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tydol Codeine	VD-11662-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Tydol Codeine	VD-11662-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Acetaphen Codeine	VD-11073-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Acetaphen Codeine	VD-11073-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acetaminophen	EP 6	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Opespira 1.5 MIU	VD-11656-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Spiramycin	EP 7	Iffect Chemphar Co., Ltd.	38F, International Science & Technology Building, No.2007 Shennan Road, Futian District, Shenzhen 518033, P.R. China	China
Opespira 1.5 MIU	VD-11656-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Spiramycin	EP 7	Henan Topfond Pharmaceutical Co.,Ltd	No. 1199 Jiaotong Road (West), Yicheng District Zhumadian, Henan Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Opecalcium	VD-11653-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci glucoheptonat	EP 6	Givaudan Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve – B.P.8344 69356 LYON Cedex 08	France
Opecalcium	VD-11653-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ascorbic	EP 6	Shandong Luwei Pharmaceutical Co.,Ltd	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo Shandong, China	China
Opecalcium	VD-11653-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ascorbic	EP 6	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Drakemyre Dalry KA24 5JJ United Kingdom	UK
Opecalcium	VD-11653-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Nicotinamid	EP 6	Western Drugs Ltd	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan), India	India
Opecalcium	VD-11653-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Nicotinamid	EP 6	DSM Nutritional Products	No. 476 Li Bing Road, Zhangjiang Hi- Tech Park, Pudong New Area, Shanghai, 201203 P.R. China.	China
Soxicam 7.5	VD-12339-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Meloxicam	BP 2008	Anant Pharmaceuticals Pvt Ltd	W57/A Near Police, Anand Nagar, Ambernath, Maharashtra 421506, India	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Soxicam 7.5	VD-12339-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Meloxicam	BP 2008	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Gastropazon	VD-12893-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Omeprazol	NSX	Inventia Healthcare/ India	F1-F1/1 Additional Ambernath M.I.DC Ambernath (East) - 421506 Dist. Thane. India	India
Gastropazon	VD-12893-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Omeprazol	NSX	Murli Krishna Pharma Pvt. Ltd	D-98, Ranjangaon M.I.D.C., Ranjangaon, Shirur Taluka, Pune Dist.- Maharashtra - 412209, India (Ấn Độ)	India
Fenofib 100	VD-12327-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fenofibrat	BP 2013	Zhejiang Excel/ China	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Fenofib 100	VD-12327-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fenofibrat	BP 2013	Sinochem Jiangsu Co., Ltd	22F, Jincheng Tower, No.216 Middle Longpan Road, 210002, China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Lampine 2 mg	VD-12330-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lacidipin	BP 2013	Sinochem Jiangsu Co., Ltd	22F, Jincheng Tower, No.216 Middle Longpan Road, Nanjing, P.R. China	China
Lampine 4 mg	VD-12331-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lacidipin	BP 2013	Sinochem Jiangsu Co., Ltd	22F, Jincheng Tower, No.216 Middle Longpan Road, Nanjing, P.R. China	China
Dobutil 8	VD-12325-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Perindopril tert- Butylamin	EP 7	Vitalife Labo/ India	Village Pathreti, Bilaspur Tauru Road, Dist. Gurgaon, Haryana 122 001, India	India
Dobutil 8	VD-12325-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Perindopril tert- Butylamin	EP 7	Hetero Drugs Limited	S.Nos. 213, 214 & 255; Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh, India	India
Tydol	VD-12340-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 5	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Tydol	VD-12340-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 5	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Opecerin	VD-12899-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Diacerein	NSX	Ami Lifesciences Pvt. Ltd	Block No.82/B, ECP Road, At & PO: Karakhadi – 391 450, Tal: Prada, Dis: Baroda, Gujarat, India.	India
Dolcetin 150	VD-13464-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 5	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Dolcetin 150	VD-13464-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 5	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Tydol 650	VD-12906-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 5	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Tydol 650	VD-12906-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	EP 5	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vasartim Plus 160:25	VD-12907-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 31/NF26	Divi's Laboratories limited	Unit – 2, Chippada village, Annavaram post, Bheemunipatnam mandal, Visakhapatnam district, Andhra pradesh, - 531 162, India. (Ấn Độ).	India
Vasartim Plus 160:25	VD-12907-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Valsartan	USP 31/NF26	Zhejiang Huahai Pharmaceutical Co, Ltd.	Xunqiao, Linhai Zhejiang 317024, China.	China
Vasartim Plus 160:25	VD-12907-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Hydrochlorothiazid	BP 2013	Suzhou Lixin Pharmaceutical Co., Ltd	No. 21, Tangxi Road, Suzhou New District, 215151, P.R China.	China
Ocefib 300	VD-12897-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fenofibrat	BP 2013	Zhejiang Excel/ China	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Ocefib 300	VD-12897-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Fenofibrat		Sinochem Jiangsu Co., Ltd	22F, Jincheng Tower, No.216 Middle Longpan Road, 210002, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
OpeAzitro 250	VD-12898-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Azithromycin dihydrat	EP 6	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd	No 6,Wei Wu Road, Hangzhou Gulf, Shangyu Industrial zone, Zhejiang, China	China
OpeAzitro 250	VD-12898-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Azithromycin dihydrat	EP 6	Shanghai Modern Pharmaceutical Co.Ltd	No 378 JianLu Road,Pudong New Area,Shanghai,China.	China
Infartan 75	VD-12894-10	11/7/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clopidogrel bisulfat	USP 34/NF29	Hetero Drugs Limited	Survey No. 599, Temple Road, Bonhapally Village, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	India
Infartan 75	VD-12894-10	11/7/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Clopidogrel bisulfat	USP 34/NF29	Acura Labs Pvt Ltd	Survey No. 131/E, Pallegudem Village, B.B.Nagar Mandal, Nalgonda District - 500 071, Telangana, India	India
Rab-Ulcer 10mg	VD-12902-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri	NSX	Themis Laboratories Private Limited	A-131, Road No. 23, Therelek Compound, Wagle Industrial Estate Thane - 400604, Maharashtra	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rab-Ulcer 10mg	VD-12902-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri	NSX	Zeon-Health Industries	101, Sai Siddhi Bldg., Sector-3 H, Near Airoli Bus Depot, Airoli, Navi Mumbai – 400708, India	India
Motalv Plus	VD-13466-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alverin citrat	EP 6	Procos S.p.A	via G. Matteotti, 249 – 28062 Cameri – Novara – Italy.	Italy
Motalv Plus	VD-13466-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alverin citrat	EP 6	Yancheng Medical Chemical Factory	33 Haichun W.RD .Yancheng. Jiangsu, China	China
Motalv Plus	VD-13466-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Simethicon	NSX	Nitika Pharmaceutical Specialities Pvt. Ltd.	85, Wanjra Layout, Pilli Nadi Industrial Area, Kamptee Road, Nagpur – 440026 Maharashtra, India	India
Motalv Plus	VD-13466-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Simethicon	NSX	Dasan medichem Co., Ltd	#10, Wasan-ri, Dogo- myeon, Asan-si, Chungcheongnam-do, Korea.	Korea
Averinal	VD-13462-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alverin citrat	EP 6	Yancheng Medical Chemical Factory	33 Haichun W.RD .Yancheng. Jiangsu, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Averinal	VD-13462-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Alverin citrat	EP 6	Procos S.p.A	via G. Matteotti, 249 – 28062 Cameri – Novara – Italy.	Italy
Zoloman 100	VD-13476-10	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Sertralin hydroclorid	NSX	Hetero Drugs Limited (Unit-IX)	Plot No.1, Hetero Infrastructure Ltd.-SEZ, N. Narasapuram (Vill.), Nakkapally (Mandal), Visakhapatnam (Dist.) – 531 081, A.P., India	India
Retrocytin 100	VD-13472-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lamivudin	USP 32/NF27	Tianjin Segal Pharmaceutical Co. Ltd	Chenglin Zhuang Industrial Area, Dongli District, Tianjin 300163, China	China
Retrocytin 100	VD-13472-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lamivudin	USP 32/NF27	Hetero Labs Limited (UNIT- IX)	Plot No. 2, Hetero infrastrucure Ltd – SEZ, N Narasapuram (Vill), Nakkapally (Mandal), Visakhapatnam (Dist) – 531081, A.P., India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rab-Ulcer 20mg	VD-12903-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri □	NSX	Themis Laboratories Private Limited	A-131, Road No. 23, Therelek Compound, Wagle Industrial Estate Thane - 400604, Maharashtra	India
Rab-Ulcer 20mg	VD-12903-10	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Rabeprazol natri □	NSX	Zeon-Health Industries	101, Sai Siddhi Bldg., Sector-3 H, Near Airoli Bus Depot, Airoli, Navi Mumbai – 400708, Maharashtra, India/Ấn Độ.	India
Alton C.M.P	VD-10077-10	23/06/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cytidin 5' monophotphat dinatri	NSX	Ningbo Horno Chemtech Co., Ltd	Room 404, 12# , East Xintiandi, Jiangdong District, Ningbo	China
Alton C.M.P	VD-10077-10	23/06/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Uridine -5' monophosphate dinatri	NSX	Ningbo Horno Chemtech Co., Ltd	Room 404, 12# , East Xintiandi, Jiangdong District, Ningbo	China
Amikacin 500mg	VD-12778-10	31/05/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Amikacin sulfate	EP7.0 -> EP8.0	Qilu Tianhe Pharmaceutical Co., Ltd	849 Dongjia Town, Licheng District, Jinan city, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Amikacin Kabi	VD-11514-10	31/05/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Amikacin sulfate	NSX	Interquim S.A de C.V	Guillermo Marconi No.16 Fracc Parque Industrial Cuamatla 54730 Cuautitian Izcalli, Edo. De Mexico, Mexico	Mexico
Bicebid 100	VD-10079-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefixim trihydrate (compact)	USP35 -> USP39	Nectar Lifesciences -India	SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh- 160009, India	India
Bicebid 200	VD-10080-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefixim trihydrate (compact)	USP35 -> USP39	Nectar Lifesciences -India	SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh- 160009, India	India
Bicefzidim	VD-12779-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ceftazidime pentahydrate buffered with sodium carbonate sterile	NSX	Harbin Pharmaceutical Group -China	No 109 Xuefu Road Nanyang District Harbin, 150086 P.R. China	China
Bicefzidim	VD-12779-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sterile Ceftazidime with sodium carbonate	NSX	Qilu Antibiotics Pharmaceutical Co., Ltd	849 Dongjia Town, Licheng District, Jinan 250105, China	China
Bifopezon 1g	VD-12204-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefoperazon sodium sterile	USP35 -> USP39	Suzhou Dawnray Pharmaceutical - China	22 Tianling Road, Wuzhong Economic Development Distric, Suzhou, P.R. China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bifradin	VD-12780-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefradine Compacted	USP35 -> USP37 BP2013 -> BP2016	NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical - China	No 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, hebei , P.R. China	China
Bifumax 250	VD-10085-10	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefuroxime Axetil (Amophous)	USP35 -> USP39	Nectar Lifesciences -India	SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh- 160009, India	India
Bifumax 500	VD-10086-10	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefuroxime Axetil (Amophous)	USP35 -> USP39	Nectar Lifesciences -India	SCO-38,39, Sector 9- D Chandigarh- 160009, India	India
Biragan Extra	VD-10089-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Caffeine Anhydrous Fine Powder	USP37 -> USP39	BASF	Co. KG, 32419 Minden, Germany	Germany
Biragan Extra	VD-10089-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Caffeine	USP37 -> USP39	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd	East chemical Zone of Zibo hight & new technology Development zone, Zibo, Shangdong,China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Biragan Extra	VD-10089-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Paracetamol	BP2014 -> BP2016	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, China	China
Biraxan	VD-11519-10	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ibuprofen	BP2013 -> BP2016	IOL Chemicals and Pharmaceuticals Limited	85, Industrial Area - A,, Near Malwa Cotton Building, Ludhiana, Punjab 141003, India	India
Biraxan	VD-11519-10	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ibuprofen	USP38 -> USP39	Basf south east Asia Pte Ltd-Mỹ	Highway 77 South, Bishop, TX 78343, USA	USA
Bisilkon	VD-12207-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Betamethason dipropionat	USP37 -> USP39	Halcyon Laboratories	Pilot No 409 Phase - IV, G.I.D.C Industrial Estate, Naroda , Ahmedabad - 382330, India	India
Bisilkon	VD-12207-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Betamethason dipropionat	USP35 -> USP39	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co. Ltd	No. 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Bisilkon	VD-12207-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clotrimazole	EP 7.0 -> EP8.0 USP35 -> USP39	Jiangsu Yunyang Group Pharmaceutical Co. Ltd - China	No.8,road street Avene, Dan Yang, Jiangsu, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bisilkon	VD-12207-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clotrimazole	EP 7.0 -> EP8.0 USP35 -> USP39	Changzhou Yabang Pharmaceutical Co., Ltd. - China	Liangchang East Road 6# Jintan, Changzhou, Jiangsu - China	China
Bisilkon	VD-12207-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clotrimazole (Micronized)	EP 7.0 -> EP8.0 USP35 -> USP39	Halcyon Laboratories	Pilot No 409 Phase - IV, G.I.D.C Industrial Estate, Naroda , Ahmedabad - 382330, India	India
Bisilkon	VD-12207-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Gentamycin Sulphate Sterile	BP2013 -> BP2016	Yantai Justaware Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.1, Yanfu Road, Zhifu District, 264002 P.R.China	China
Cephalexin 500mg	VD-11520-10	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cephalexin monohydrate compactd	BP2013 -> BP2016	NCPC Hebei huamin Pharmaceutical Co., Ltd	No 18, Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, hebei , P.R. China	China
Cephalexin 500mg	VD-11520-10	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cephalexin	USP35 -> USP39 BP2013 -> BP2016 EP7.0 -> BP8.0	Lupin Limited	198-202 New Industrial Area No 2, Mandideep - 462046 , District: Raisen (M.P) India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Clyodas	VD-12211-10	26/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clindamycin phosphate	USP35 -> USP39	Nanyang pukang Pharmaceutical	Industrial Park, Zhenping country, Nangyang city, Henan Province, China	China
Clyodas	VD-12211-10	26/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clindamycin phosphate	USP35 -> USP39	Suzhou No.4 Pharmaceutical Factory	171 Baiyangwan street, Suzhou, Jiangsu Province 215008, P.R of China	China
Eyetamin	VD-10094-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Thiamine hydrochloride	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	DSM Germany	Postfat 1145, D-79629 Grenzach-Wyhlen- Germany	Germany
Eyetamin	VD-10094-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Riboflavin 5'- Phosphate Sodium	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 EP7.0 -> EP8.0	DSM-France	F-68 305 Saint- Louis Cedex.	France
Eyetamin	VD-10094-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Nicotinamide	BP2013 -> BP2016	Western drugs - India	F121 (A) Mewar Industrial Area Madri Udalpur – 313003 (Raj) India.	India
Gentamicin 0,3%	VD-12213-10	26/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Gentamycin Sulphate Sterile	BP2013 -> BP2016	Yantai Justaware pharmaceutical Company	No.1, Yanfu Road, Zhifu District, 264002 P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gynasy	VD-10096-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Dexamethasone Acetate	BP2013 -> BP2016	Zhejiang Xianju Pharmaceutical - China	No 1 Xiunyno Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Gynasy	VD-10096-10	12/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Nystatin	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Antibiotica SA IASI -Romania	Sediul central Antibiotice. Str. valea Lupului nr.1, Iasi 707410, Romania	Romania
Methyldopa 250mg	VD-12216-10	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Methyldopa	USP36 -> USP39	ZheJiang Wild Wind	Beijiang Industrial Zone, Dongyang Prov, Zhejiang, China.	China
Phosphagaspain	VD-12790-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Aluminum phosphat gel	EP8	SPI Pharma - France	Chemin Du vallon du Maire, 13240 Septemes les vallons, France	France
Phosphagaspain	VD-12790-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Aluminum phosphat gel	EP7.0 -> EP8.0 BP2013 -> BP2016	Vasundhara Rasayang Ltd. - India	C-104, MIDC Industrial Area, Mahad, Dist. Raigad, Maharashtra, India	India
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium acetate cry PH	BP2013 -> BP2016	Niacet b.v, Netherlands	Papesteeg 91; 4006 WC Tiel, P.O.Box 60; 4000 AB Tiel; The Netherlands	Netherlands

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Calcium chloride dihydrate	BP2013 -> BP2016	Macco Organiques, s.r.o.,	Zahradni 46 c, CZ - 792 01 Bruntal, Czech Republic	Czech Republic
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Potassium chloride	BP2013 -> BP2016	Dead Sea Works Ltd	Zahradni Potash House, P.O.Box 75, Beer - Sheva 84100 Israel	Israel
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Magnesium chloride hexahydrate	BP2013 -> BP2016	Macco Organiques, s.r.o.,	Zahradni 46 c, CZ - 792 01 Bruntal, Czech Republic	Czech Republic
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Tri-sodium citrate dihydrate	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	BDH Prolabo	73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China	China
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium citrate	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	COFCO	73 Daqing Road, Bengbu, Anhui, China	China
Pretty-eye	VD-12218-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Sodium chloride	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	Dominion Salt Limited	ESR pharmaceuticals Kenepuru Science Center PO Box 50- 384 Porirua New Zealand.	New Zealand.

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pyrolox	VD-11524-10	20/10/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Proxicam	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39 cp2010 -> CP2015	Jintan Quianyao - China	88 Zhuangcheng, Baita Town, Jintan Changzhou Jiangsu, China	China
Stagerin	VD-10103-10	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cinnarizine	EP7 -> EP8	Ray chemicals PVT. LTD.	41, KHB Industrial Area, Yelahanka, Bangalore, India.	India
Sunewtam	VD-12205-10	24/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Cefoperazon sodium and sulbactam sodium (1:1)	NSX	Zhuhai -China	Sanzao Science & Technology Park, National Hi- Tech Zone , Zhuhai , Guangdong, China	China
Tobidex	VD-12219-10	26/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Dexamethasone sodium phosphate	USP37 -> USP39	Zhejiang Xianju Pharmaceutical - China	No.1 Xyanyao Road, Xianju Zhejiang, China	China
Tobidex	VD-12219-10	26/11/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Tobramycin sulfate	USP37 -> USP39	Livzon Group Fuzhou Fuxing pharmaceutical Co., Ltd.	Jianyin Industrial Concentration Zone, Fuqing, Fuzhou, Fujian, P.R. China.	China
Vitamin C 500mg	VD-10105-10	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ascorbic acid	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu), Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu (214500) P. R.China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
α Chymotrypsin 5000 IU	VD-12777-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Chymotrypsin	USP35 -> USP39	BIOZYM Gesellschaft fur Enzymtechnologie mbH.	Pinkertweg 50 D - 22113 Hamburg, Germany	Germany
α Chymotrypsin 5000 IU	VD-12777-10	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	α -Chymotrypsin	USP35 -> USP39	Shanghai Linzyme Biosciences Co., Ltd - China	666-7 Minshen Road, Xinqiao Town, Songjiang Industrial Park, Shanghai 201612, China	China
ROFCAL	VD-11637-10	02/06/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	Calcitriol	USP 37/ 38/ 39	Century Pharma, India	103, 104, 105, 106 GIDC Estate, Halol, 389350, India	India
CỒN XOA BÓP	VD-12885-10	02/06/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	CAMPHOR	USP 37/ 38/ 39 BP 2013- 2016 EP 6 - EP 8	FuJian Green Chemical	Huiyao Industrial Park, Jianyang City, Nanping, Fujian, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CAO SAO VÀNG	VD-13459-10	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	CAMPHOR	USP 37/ 38/ 39 BP 2013- 2016 EP 6 - EP 8	FuJian Green Chemical - TQ	Huiyao Industrial Park,Jiayang City, Nanping, Fujian, China	China
CAO SAO VÀNG	VD-13459-10	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	MENTHOL	USP 37/ 38/ 39 BP 2013- 2016 EP 6 - EP 8	Tien Yuan - Singapore	No. 18 Chin Bee Road, Jurong Town, Singapore 619827	Singapore
INBERCO VIÊN ĐẠI TRÀNG	VD-13458-10	26/07/2017	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm OPC tại Bình Dương – Nhà máy Dược Phẩm OPC	Berberine hydrochlorid	USP 37/ 38/ 39 BP 2013- 2016 EP 6 - EP 8	Northeast Pharmaceutical	No. 37 Zhonggong Bei Street, Tiexi District, Shenyang, China	China
Glucose 10%	VD-12014-10	30/05/2017	CÔNG TY CỔ PHẦN OTSUKA OPV	Dextrose anhydrous	USP 38	CSPC Shengxue Glucose Co.LTD - China	No. 48 Sheng Xue Road, Luan Cheng County, Shi Jia Zhuang City, He bei Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Becaspira 1.5MUI	VD-9961-10	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Spiramycin	EP 7.0	Wuxi-fortune pharmaceutical Co., Ltd	No. 2 Rongyang 1 st Road, Xishan Economic Zone, Wuxi city, Jiangsu Province, China	China
B Complex C	VD-10461-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Vitamin PP (Nicotinamide)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Lanbo Biotechnology Co., Ltd-China.	(Zhejiang) No.14 Shidai Road Industrial Economic Development Zone Haining City Zhejiang Province China.	China
B Complex C	VD-10461-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Vitamin PP (Nicotinamide)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Western Drugs Ltd-India.	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan), INDIA	India
B Complex C	VD-10461-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Vitamin B6 (Pyridoxine.HCl)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd-China.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300 China.	China
B Complex C	VD-10461-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Vitamin B2 (Riboflavin)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Chifeng Pharmaceutical Co. LTD-China.	84 Yidong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001, China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
B Complex C	VD-10461-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Vitamin B1 (Thiamine nitrate)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd.-China.	No 71, West Chunyuan Road, Xiangyang City, Hubei Province, China.	China
B Complex C	VD-10461-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Vitamin C (Acid ascorbic)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd- China.	No; 61 Jiangshan Road, Jingjiang Jiangsu 214500, P.R - China,	China
Cetirizin 10mg	VD-10462-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cetirizine hydrochloride	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	SUPRIYA LIFE SCIENCE LTD	A 5/2, Lote Parshuram Industrial Area, M..D.C, Tal-Khed, Dist. Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	India
Gentamicin 80mg/2ml	VD-10468-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Gentamicin sulfate	USP 36-39, BP2002 - 2018, EP4-9, CP 2013-2018	YANTAI JUSTAWARE PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	No.1 Yanfu Road, Zhifu distric, yantai, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Prednison 5mg	VD-10477-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Prednisone	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2023	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	Factory 1 Add No: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical Industry Zone Linhai, Zhejiang - China. Factory 2 Add: 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang - China.	China
Bixovom 8	VD-11178-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Bromhexine hydrochloride	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	SHANGHAI SHENGXIN MIDICINE CHEMICAL CO., LTD	Room 701, Xiusen Building,129 North Laiting Road,Jiuting Town,Songjiang Shanghai China. General manager: Lu Renkui	China
Diclofenac	VD-11182-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Diclofenac sodium	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Henan Dongtai Pharm.Co., Ltd.	East Changhong Road, Tangyin, Henan, China	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Prednisolon 5mg	VD-11184-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Prednisolone acetate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd -China.	Factory 1 Add: 1 Xianyao Road, Xianjin, Zhejiang- China. Factory 2 Add: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical And Chemical Industry Zone Linhai, Zhjiang - China.	China
Prednisolon 5mg	VD-11185-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Prednisolone acetate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	Factory 1 Add: 1 Xianyao Road, Xianjin, Zhejiang- China. Factory 2 Add: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical And Chemical Industry Zone Linhai, Zhjiang - China.	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefixim 200mg	VD-11736-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefixime trihydrate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	Factory Add: Survey No.374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist-502296, Telangana-India.	India
Cefixim 200mg	VD-11736-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefixime trihydrate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Nectar Lifesciences Ltd- India.	Village Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)- India.	India
Cefixim 200mg	VD-11736-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefixime trihydrate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Aurobindo Pharma Ltd-India	Add: Plot No.2 Matrivihar Complex, Ameerpet, Hyderabad, 500038, Andhra Pradesh-India. Add: 385, 386, 388, 396, Borpatia (V), Hatnoora (M) Medak Dist, Andhra Pradesh- India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Paracetamol 500mg	VD-11740-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Paracetamol	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD	No. 35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China.	China
Amlodipin 5mg	VD-12402-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Amlodipine besylate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Cadila Pharmaceutical Ltd_India	Sarkhej-Dholka Road, Bhat, Ahmedabad-382 210, INDIA.	India
Cefixim 50mg	VD-12405-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefixime trihydrate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Covalent Laboratories Private Ltd-India.	Factory Add: Survey No.374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist-502296, Telangana-India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefixim 50mg	VD-12405-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefixime trihydrate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Aurobindo Pharma Ltd-India.	Add: Plot No.2 Matrivihar Complex, Ameerpet, Hyderabad, 500038, Andhra Pradesh-India. Add: 385, 386, 388, 396, Borpatia (V), Hatnoora (M) Medak Dist, Andhra Pradesh- India. Add: No.1/22, 2/1 To5,6 To18, 61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P -India.	India
Cefixim 50mg	VD-12405-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefixime trihydrate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Nectar Lifesciences Ltd- India.	Village Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)-India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dexamethason	VD-12408-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Dexamethasone sodium phosphate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	Factory 1 Add No: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical Industry Zone Linhai, Zhejiang - China. Factory 2 Add: 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang - China.	China
Dexamethason 0,5mg	VD-12409-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Dexamethasone	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd -China.	Factory 1 Add No: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical Industry Zone Linhai, Zhejiang - China. Factory 2 Add: 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang - China.	China
Erythromycin 250mg	VD-12411-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Erythromycin ethyl succinate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Linaria Chemicals (Thailand) Ltd	309 Bangpoo Industrial Estate, Soi 6C, Sukhumvit Road, Moo 4, Tumbol Phraksa, Ampur Muang Samutprakan, Samutprakan, 10280 - Thailand.	Thailand

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Erythromycin 500mg	VD-12412-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Erythromycin stearate	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Linaria Chemicals (Thailand) Ltd	Factory: 309 Bangpoo Industrial Estate, Soi 6C, Sukhumvit Road, Moo 4, Tumbol Phraksa, Ampur Muang Samutprakan, Samutprakan, 10280 - Thailand.	Thailand
Gentacain	VD-12413-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Gentamicin sulfate	USP 36-39, BP2002- 2018, EP4-9, CP 2013-2018	YANTAI JUSTAWARE PHARMACEUTI CAL CO., LTD.	No.1 Yanfu Road, Zhifu distric, yantai, China	China
Nystatin 500.000 đvqt	VD-12416-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Nystatin	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Antibiotice S.A Iasi-Romania.	Add: 1. Valea Lupulul Street Lasi, 707410- Romania	Romania

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vikafaren 20	VD-12420-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Trimetazidine hydrochloride	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Trichem Life Sciences Ltd- India	209, Abhishek Building, C5, Dalia Industrial Estate, Off New Link Rd., Andheri (W), Mumbai - 400 053. India.	India
Vitamin C 500mg	VD-12421-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Acid ascorbic (Vitamin C)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co.,Ltd- China.	Add: Jiangshan Road, JingJiang, Jiangsu (214500) P.R-China.	China
Cefuroxim 500mg	VD-12962-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefuroxime axetil	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Nectar Lifesciences Ltd- India.	Village Saidpura, Tehsil - Derabassi, Distt. Mohali (Pb)- India.	India
Douzeumin 1000	VD-12965-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cyanocobalamin (Vitamin B12)	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Sanofi Chemie- France.	Add: 9 Rue du Preùsident Salvador Allende-F-94250 Gentilly-France.	France
Ibu- acetalvic	VD-13515-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Caffeine anhydrous	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd-China.	1 Lutai Road,Zhangdian Dis,Zibo City	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ibu- acetalvic	VD-13515–10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TƯ VIDIPHA tại Bình Dương	Ibuprofen	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	BAFS- Germany/USA	Frankfuret Strasse 250, darms tads D-64271-Germany.	USA
Ibu- acetalvic	VD-13515–10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TƯ VIDIPHA tại Bình Dương	Paracetamol □	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd-China.	No. 35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vidlox 200	VD-13517-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cefpodoxime proxetil	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Aurobindo Pharma Ltd-India	Add: Plot No.2 Matrivihar Complex, Ameerpet, Hyderabad, 500038, Andhra Pradesh-India. Add: 385, 386, 388, 396, Borpatia (V), Hatnoora (M) Medak Dist, Andhra Pradesh- India. Add: No.1/22, 2/1 To5,6 To18, 61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P -India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceratax	VD-13519-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU VIDIPHA tại Bình Dương	Cefpodoxime proxetil	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Aurobindo Pharma Ltd-India	Add: Plot No.2 Matrivihar Complex, Ameerpet, Hyderabad, 500038, Andhra Pradesh-India. Add: 385, 386, 388, 396, Borpatia (V), Hatnoora (M) Medak Dist, Andhra Pradesh- India. Add: No.1/22, 2/1 To5,6 To18, 61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P -India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Flogenxin	VD-13520-10	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TỰ VIDIPHA tại Bình Dương	Cefpodoxime proxetil	USP 36-39, BP2013- 2018, EP6-9, CP 2013-2018	Aurobindo Pharma Ltd-India	Add: Plot No.2 Matrivihar Complex, Ameerpet, Hyderabad, 500038, Andhra Pradesh-India. Add: 385, 386, 388, 396, Borpatia (V), Hatnoora (M) Medak Dist, Andhra Pradesh- India. Office Add: Plot No.11, Sy.No11, Sy No.09, Kondapur, Hi Tech City, Hyderabad - India. 500084. Add: No.1/22, 2/1 To5,6 To18, 61 to 69, Pydibhimavaram- 532409, Ranasthalam Mandal, Srikakulam Dist, A.P -India.	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bidizym Kabi	VD-10614-10	30/05/2017	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Thiamin hydroclorid	IP IV	DSM Nutritional Products GmbH - Germany	Emil-Barell-Street 3 D-79639 Grenzach- Wyhlen Germany	Germany
Bidizym Kabi	VD-10614-10	30/05/2017	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Riboflavin Sodium Phosphat	BP 2013	DSM-France	1 Boulevard D' Alsace F - 68128 Village- Neuf France	France
Bidizym Kabi	VD-10614-10	30/05/2017	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Dexpanthenol	BP 2013	DSM-UK	Dalry, Ayrshire Scotland KA24 5JJ United Kingdom	UK
Bidizym Kabi	VD-10614-10	30/05/2017	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Pyridoxin hydroclorid	BP 2010	DSM Nutritional Products GmbH - Germany	Emil-Barell-Street 3 D-79639 Grenzach- Wyhlen Germany	Germany
Bidizym Kabi	VD-10614-10	30/05/2017	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Niacinamid	BP 2013	DSM-China	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288 P.R. China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Calci glubionat Kabi	VD-11240-10	30/05/2017	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Calci glubionat	NSX	Century Pharmaceuticals Limited	103-104-105, GIDC, Halol Dist. Panchmahals- 389 350, India	India